



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



BẢN TIN TBT
Số 01/2025



CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Bà Triệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0256 3822747

Fax: 0256 3822747

website: www.tdcbinhdinh.org.vn

Email: chicuctdc@skhcn.binhdinhh.gov.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



MỤC LỤC

	<i>Lời giới thiệu</i>	4
I	Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	5
1	Nghị quyết 57 mở ra ‘cuộc cách mạng’ về khoa học – công nghệ ở Việt Nam	5
2	Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 của UBND tỉnh Bình Định về việc triển khai Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ	9
3	Dự thảo tiêu chuẩn về nhãn mác cho hộp đựng thực phẩm không dùng để bán lẻ 03/02/2025	20
4	Truy xuất nguồn gốc mật ong theo TCVN 13843:2023, 14/01/2025	22
5	Áp dụng tiêu chuẩn về quản lý thay đổi giúp tổ chức nâng cao lợi thế cạnh tranh, giảm thiểu rủi ro	24
6	Yêu cầu kỹ thuật về panel thạch cao cốt sợi theo tiêu chuẩn	27
7	QCVN về phế liệu sắt, thép, gang nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất	29
8	Xuất khẩu nông sản sang EU: Năm bắt cơ hội vàng, chinh phục thị trường khát khe	31
9	Liên minh châu Âu dự định siết chặt nhập khẩu thực phẩm không đáp ứng tiêu chuẩn	34
10	QCVN 91:2024/BGTVT về Ác quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện	36
11	ISO 22000 - điểm tựa cho doanh nghiệp chế biến thực phẩm	38
12	Ban hành Bộ Tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc gia phiên bản 2025	41
13	Quản lý chất lượng - con đường cải tiến liên tục	42
14	Sự cần thiết của việc triển khai thực hiện Chương trình so sánh liên phòng về đo lường ở Việt Nam	44

15	Định hướng cho Việt Nam trước xu hướng gia tăng tranh chấp về áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (ngày 10/3)	48
16	Tận dụng lợi thế về khoa học công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa	55
17	Quản lý tinh gọn - ‘chìa khóa’ tiếp cận tiềm năng của cách mạng công nghiệp 4.0	58
18	ISO công bố tiêu chuẩn thử nghiệm hệ số chống nắng mới nhất	60
19	Công cụ KPI giúp doanh nghiệp đo lường và đánh giá hiệu quả công việc	62
20	Hàng hóa thuộc nhóm 2 ở mức rủi ro thấp doanh nghiệp có thể tự công bố hợp quy	65
21	Ban hành tài liệu hướng dẫn truy xuất nguồn gốc: Minh bạch chuỗi cung ứng đối với cơ sở và sản phẩm chăn nuôi	69
22	Tiêu chuẩn dẫn đường, đo lường là đánh giá, chất lượng là niềm tin	71
II	Chuyên mục: Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại	79
III	Chuyên mục: Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mới ban hành	94



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



LỜI GIỚI THIỆU

Kính gửi: Quý bạn đọc

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Định thực hiện nhiệm vụ Thông báo và Hối đáp hàng rào kỹ thuật trong thương mại trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

Triển khai thực hiện Quyết định số 2690/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Thông báo và Hối đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại trên địa bàn tỉnh, Chi cục đã xây dựng và biên soạn bản tin TBT hàng quý nhằm đăng tải thông tin liên quan đến việc thực thi hàng rào kỹ thuật trong thương mại; hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và tin cảnh báo của các nước thành viên WTO có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Bản tin được đăng tải trên website: www.tdcbinhdinh.org.vn
 Trân trọng giới thiệu đến quý bạn đọc Bản tin Quý I năm 2025!

Email: chicuctdc@skhcn.binhdinhh.gov.vn ĐT: 02563 822747



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Nghị quyết 57 mở ra ‘cuộc cách mạng’ về khoa học – công nghệ ở Việt Nam

Ngày 22/12/2024, Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW (Nghị quyết 57) của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. TS. Nguyễn Quân, nguyên Bộ trưởng Bộ KH&CN, Chủ tịch Hội Tự động hóa Việt Nam đánh giá, Nghị quyết 57 được kỳ vọng sẽ tháo gỡ các “điểm nghẽn” và mang tính “cách mạng” đối với phát triển khoa học - công nghệ của Việt Nam.

Mở đường cho khoa học và công nghệ bứt tốc

Thưa ông, vừa qua, Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW (Nghị quyết 57) của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Điều này có ý nghĩa như thế nào đối với phát triển khoa học - công nghệ của Việt Nam trong thời gian tới?

Trước hết, phải khẳng định Đảng và Nhà nước rất coi trọng việc phát triển khoa học – công nghệ và xem đây là một trong những lĩnh vực đột phá để phát triển đất nước. Đây không phải lần đầu tiên chúng ta có nghị quyết riêng về phát triển lĩnh vực khoa học - công nghệ. Năm 2012, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI cũng đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW (Nghị quyết 20) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, sau hơn 10 năm thực hiện, bên cạnh những kết quả đã đạt được như khoa học và công nghệ đã có chuyển biến tích cực, từng bước khẳng định vai trò động lực trong phát triển kinh tế - xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ có nhiều tiến bộ, một số lĩnh vực đa ngành mới được hình thành, tăng cường tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ quốc gia có thể thấy việc triển khai thực hiện Nghị quyết 20 vẫn còn một số hạn chế, yếu kém, có mặt chậm khắc phục, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Có thể dẫn chứng như việc thể chế hóa chưa đầy đủ, đồng bộ; công tác quản lý Nhà nước chậm đổi mới, chưa thúc đẩy mạnh mẽ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Năng lực một bộ phận cán bộ khoa học và công nghệ còn hạn chế; tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

quốc gia còn khoảng cách so với nhóm các nước dẫn đầu khu vực. Bên cạnh đó, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự đóng vai trò là quốc sách hàng đầu, đột phá chiến lược, là động lực quan trọng để đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển đất nước nhanh và bền vững.



TS. Nguyễn Quân, nguyên Bộ trưởng Bộ KH&CN, Chủ tịch Hội Tự động hóa Việt Nam.

Do đó, Nghị quyết 57 được ban hành mới đây có ý nghĩa sẽ khắc phục được những “điểm nghẽn” của Nghị quyết 20 trước kia. Điều này thể hiện rõ ở những vấn đề mà Nghị quyết 57 đặt ra rất toàn diện, như: tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; yêu cầu đổi mới tư duy, hoàn thiện chính sách, pháp luật, nâng cao vai trò quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; và thêm vào đó là quy định cụ thể về tổ chức thực hiện như thế nào.

Tôi tin tưởng rằng, với Nghị quyết 57 lần này, chúng ta sẽ tháo gỡ được các “điểm nghẽn”, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết 20 trước kia. Đồng thời, tạo ra động lực mới cũng như mở đường – đặc biệt là về mặt khuôn khổ chính sách – để cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển bút tốc, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của phát triển đất nước hiện nay.

Điều kiện cần và đủ để nhân tài phát huy năng lực

Những nội dung nổi bật, hay nói đúng hơn là mang tính đột phá của Nghị quyết 57 là gì, thưa ông?

Thứ nhất, tôi cho rằng những mục tiêu của Nghị quyết 57 đặt ra là rất cụ thể và khả thi. Trong bối cảnh Cách mạng 4.0 và Chương trình chuyển đổi số quốc gia đang phát triển mạnh mẽ, lần đầu tiên, tại Nghị quyết 57, khoa học, công nghệ cùng với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đã được đặt lên ở vị trí “là đột phá quan trọng hàng đầu” với những mục tiêu quan trọng cùng các giải pháp rất quyết liệt. Chẳng hạn, đến năm 2030, Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á, nhóm 50 nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử. Đây là mục tiêu rất khó, muốn đạt được đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực rất lớn.

Thứ hai, Nghị quyết 57 thể hiện rõ quyết tâm tập trung cao độ của Đảng và Nhà nước dành cho phát triển lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, được cụ thể hóa bằng nguồn lực rõ ràng. Đó là xác định phải tăng đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Theo đó, đến 2030, kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển chiếm tỷ lệ 2% tổng GDP quốc gia, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Thời gian qua, chi ngân sách Nhà nước cho khoa học, công nghệ đều dưới 1% tổng chi ngân sách Nhà nước. Việc tăng đầu tư theo Nghị quyết 57 sẽ buộc Bộ Tài chính phải cân đối lại ngân sách cho khoa học và công nghệ, qua đó tạo nền tảng cho sự phát triển lĩnh vực quan trọng này.

Đáng chú ý, Nghị quyết 57 đã có đột phá về tư duy trong đầu tư ngân sách nhà nước cho hoạt động nghiên cứu phát triển. Theo đó, ngân sách chi cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ ưu tiên thực hiện theo cơ chế quỹ, thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Tư duy này đã được đề cập tại Nghị quyết 20, nhưng hơn 10 năm qua gần như chúng ta không làm được điều này. Lần này, Nghị quyết 57 đã quy định rất cụ thể và với sự quyết liệt, chắc chắn sẽ tạo ra sự thay đổi.

Thứ ba, trong Nghị quyết 57 cũng thể hiện ý chí, sự quyết liệt của Đảng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tập trung phát triển khoa học - công nghệ. Đặc biệt, Tổng Bí thư cũng đã chỉ đạo, nêu lại các vấn đề mà từ trước đến nay được trao đổi rất nhiều nhưng chúng ta thực hiện cũng chưa được đến nơi đến chốn, ví dụ như là chấp nhận rủi ro mạo hiểm trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ; thực hiện cơ chế quỹ tài chính để tài trợ cho các hoạt động của các dự án nghiên cứu và triển khai khoa học - công nghệ; phải có các chức danh như tổng công trình sư, có các cơ chế, chính sách để thu hút và giữ chân các nhà khoa học giỏi trong nước cũng như nước ngoài; cho phép mua lại công nghệ của các nước để phát triển; phải thực hiện các dự án có hàm lượng khoa học - công nghệ cao và giá trị ứng dụng rất lớn như về vi mạch, bán dẫn, chip, điện hạt nhân, đường sắt cao tốc...

Tựu trung, Nghị quyết 57 đã xây dựng hành lang pháp lý, thể chế hóa cho đổi

mới sáng tạo, từ đó khuyến khích và thu hút nhân tài. Thực tế ngay với các nước phát triển, các nhà khoa học cũng chấp nhận tỷ lệ thành công chỉ 20 - 30%. Với quy định này chắc chắn sẽ khuyến khích các nhà khoa học dám nghĩ, dám làm, dám nhận nhiệm vụ khi tiếp cận với nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Thứ tư, đó là nội dung về giải pháp thực hiện Nghị quyết 57. Tôi đánh giá lần này được quy định thực hiện quyết liệt hơn và khả thi hơn so với Nghị quyết 20 trước đây. Điểm mới lần này thể hiện rõ là có hẳn một Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do đích thân đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đứng đầu, bên cạnh Ban chỉ đạo ấy sẽ có một Hội đồng tư vấn gồm các nhà khoa học hàng đầu và rất uy tín. Đồng thời, Nghị quyết 57 cũng yêu cầu toàn bộ hệ thống chính trị phải quán triệt tư tưởng đổi mới, tập trung tháo gỡ các “điểm nghẽn” để phát triển khoa học công nghệ, bởi vì trong kỷ nguyên số, khoa học - công nghệ chính là động lực, nền tảng để phát triển đất nước.

Thực tế một vấn đề tồn tại từ nhiều năm nay là sự lãng phí chất xám, điều này được thể hiện qua việc nhiều công trình, dự án nghiên cứu khoa học sau khi hoàn thiện thì bị “bỏ ngấm kéo” thay vì được đưa vào ứng dụng thực tiễn. Nghị quyết 57 sẽ khắc phục tình trạng này như thế nào?

Theo đánh giá chung của cộng đồng khoa học mà tôi được biết thì họ đều đánh giá cao, tin tưởng Nghị quyết 57 sẽ đi vào cuộc sống, cải thiện chất và lượng của khoa học - công nghệ Việt Nam và đóng góp vào sự thay đổi của đất nước, nhất là trong kỷ nguyên vươn mình. Cá nhân tôi cho rằng, Nghị quyết 57 thực sự là một nghị quyết mang tính cách mạng, rất quyết liệt, rất khả thi và đi vào những vấn đề cụ thể, đặc biệt là những vấn đề từng gây những “điểm nghẽn” trong phát triển khoa học - công nghệ của đất nước. Tôi hi vọng Nghị quyết 57 sẽ giải quyết được những vấn đề mà nhiều năm qua chúng ta đã không giải quyết được.

Đơn cử như vấn đề mà xã hội rất bức xúc, đó là nhiều đề tài nghiên cứu được nghiệm thu xuất sắc mà lại bị “bỏ ngấm kéo”, không được ứng dụng vào thực tiễn, nguyên nhân là do là việc định giá kết quả nghiên cứu để chuyển giao cho doanh nghiệp. Ở các nước phát triển, mặc định giao quyền sở hữu và quyền định giá ấy cho các nhà khoa học, tuy nhiên ở nước ta chưa cho phép điều đó. Do đó, tôi mong rằng với Nghị quyết 57, chúng ta có thể giao quyền tự chủ cao nhất cho những người làm khoa học, để họ được quyền sở hữu kết quả nghiên cứu và tự định giá trong quá trình chuyển giao công nghệ.

Cuối cùng, Việt Nam sẽ phát triển **khoa học**, công nghệ và đổi mới sáng tạo không chỉ đáp ứng nhu cầu của đất nước mà chúng ta còn hướng đến là một thị trường chuyên về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thu hút được các nguồn lực từ nhiều nơi trên thế giới hội tụ về.

Xin trân trọng cảm ơn ông!

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 về việc triển khai Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38 - CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 25/3/2025 về việc triển khai Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ, sau đây là toàn văn của Quyết định:

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 1029 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 25 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 09/TTr-SKHCN ngày 17/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Báo BD, Đài PT&TH BD;
- CVP, PVPVX;
- Lưu: VT, K8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Quán triệt và tổ chức thực hiện đồng bộ, thống nhất, toàn diện, hiệu quả Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo (sau đây viết là Chỉ thị số 38-CT/TW).

b) Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các sở, ban, ngành, địa phương và tổ chức, doanh nghiệp, người dân về công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; rà soát và kiến nghị, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách và bố trí nguồn lực cần thiết nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại địa phương.

c) Cụ thể hoá các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương trong việc tổ chức thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW và Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW (sau đây viết là Quyết định số 1703/QĐ-TTg).

2. Yêu cầu

a) Nội dung Kế hoạch phải bám sát Chỉ thị số 38-CT/TW và Quyết định số 1703/QĐ-TTg; các nhiệm vụ, giải pháp phải thiết thực, hiệu quả, khả thi, phù hợp với thực tiễn và có thời gian thực hiện cụ thể.

b) Các sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tổ chức triển khai, đẩy mạnh công tác phối hợp thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp theo đúng tiến độ được giao.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh, các địa phương tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Quán triệt và tổ chức thực hiện đồng bộ, thống nhất, toàn diện, hiệu quả Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo (sau đây viết là Chỉ thị số 38-CT/TW).

b) Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các sở, ban, ngành, địa phương và tổ chức, doanh nghiệp, người dân về công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; rà soát và kiến nghị, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách và bố trí nguồn lực cần thiết nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại địa phương.

c) Cụ thể hoá các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương trong việc tổ chức thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW và Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW (sau đây viết là Quyết định số 1703/QĐ-TTg).

2. Yêu cầu

a) Nội dung Kế hoạch phải bám sát Chỉ thị số 38-CT/TW và Quyết định số 1703/QĐ-TTg; các nhiệm vụ, giải pháp phải thiết thực, hiệu quả, khả thi, phù hợp với thực tiễn và có thời gian thực hiện cụ thể.

b) Các sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tổ chức triển khai, đẩy mạnh công tác phối hợp thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp theo đúng tiến độ được giao.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh, các địa phương tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân về tầm quan trọng của công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

a) Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung Chỉ thị số 38-CT/TW, Quyết định số 1703/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn thực hiện bằng nhiều hình thức.

b) Tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại địa phương; ý thức tự giác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

c) Định kỳ hàng năm, tổ chức diễn đàn đối thoại với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; các chương trình bồi dưỡng kiến thức về vai trò, ý nghĩa của việc sản xuất, phân phối, tiêu dùng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng.

2. Rà soát và kiến nghị, đề xuất xây dựng, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

a) Nghiên cứu rà soát và kiến nghị, đề xuất xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh của tỉnh.

b) Đổi mới và tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng chuyển dần từ hình thức kiểm soát đối tượng, công đoạn cụ thể sang quản lý chuỗi sản phẩm, từ khâu tổ chức sản xuất đến phân phối, lưu thông, tiêu dùng và xuất khẩu các sản phẩm, hàng hoá của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

c) Tiếp tục triển khai hoạt động xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại địa phương phù hợp với đặc thù của tỉnh, tạo nền tảng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng các mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

d) Tham gia xây dựng, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và triển khai hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đảm bảo kết nối thông suốt từ Trung ương đến địa phương.

đ) Tiếp tục duy trì cơ quan quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng của tỉnh nhằm đảm bảo hiệu quả công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

3. Phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

a) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhằm kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đảm bảo đáp

ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phục vụ công tác công an trong giai đoạn đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

b) Hỗ trợ đào tạo nhân lực về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các tổ chức, doanh nghiệp ở địa phương.

c) Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn, thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm hình thành và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng đội ngũ chuyên gia tư vấn và đánh giá về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh; tăng cường trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm, hợp tác đào tạo với cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có hoạt động mạnh về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

4. Tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

a) Tiếp tục đầu tư ngân sách nhà nước về khoa học và công nghệ nói chung và công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng nói riêng, trong đó ưu tiên tăng tỷ lệ kinh phí đối với công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong tổng chi ngân sách nhà nước về khoa học và công nghệ tương xứng với vị trí, vai trò. Đồng thời, đẩy mạnh thu hút nguồn lực xã hội cho công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

b) Chú trọng đầu tư trang thiết bị, tiềm lực khoa học công nghệ lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng ở cấp tỉnh và cấp huyện phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội từng địa phương nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phục vụ công tác quản lý nhà nước, công tác thanh tra, kiểm tra lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng của tỉnh. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực đối với đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (bao gồm các hoạt động: Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hoá, quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ, môi trường) nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa phương.

c) Tăng cường đầu tư nguồn lực cho hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng lĩnh vực quốc phòng an ninh theo Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 26/01/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

d) Tiếp tục triển khai các chương trình, đề án của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá và đảm bảo đo lường tại địa phương.

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

a) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, trong đó chú trọng hoạt động khảo sát đối với các sản phẩm,

hàng hóa có khả năng gây mất an toàn và công tác kiểm tra đặc thù trong một số lĩnh vực quan trọng của đời sống, kinh tế - xã hội nhằm đảm bảo an toàn và chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm có tính chất công nghệ cao; chủ động phòng, chống tiêu cực trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

b) Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

c) Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nhất là trong việc trao đổi thông tin, xử lý chồng chéo, vi phạm trong hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Huy động sự tham gia, phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là tổ chức đại diện bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

d) Kịp thời khen thưởng và có biện pháp phù hợp để bảo vệ người tố giác các hành vi vi phạm quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

6. Tăng cường hội nhập quốc tế về công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

a) Tuân thủ đầy đủ các điều ước, các thỏa thuận quốc tế có liên quan hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng mà Việt Nam tham gia.

b) Thúc đẩy hoạt động xây dựng, áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia đã được hài hoà với tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao năng lực đánh giá sự phù hợp, khả năng tiếp cận thị trường của tổ chức, doanh nghiệp và đáp ứng đầy đủ các rào cản kỹ thuật thương mại trong quá trình xuất khẩu.

c) Tích cực tham gia các hội thảo, chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng ở cấp khu vực và quốc tế để nâng cao trình độ nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động sử dụng và bố trí kinh phí để thực hiện; lồng ghép kinh phí các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án khác có liên quan.

3. Cơ quan được phân công chủ trì thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này có trách nhiệm chủ động sắp xếp, bố trí kinh phí trong nguồn ngân sách được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan để thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chủ động, tích cực triển khai các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này bảo

6

đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả và tiết kiệm; trước ngày 20 tháng 11 hàng năm, hoàn thành báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch và gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch, định kỳ đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, báo cáo việc thực hiện.

3. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố phổ biến, tuyên truyền đến các tổ chức, doanh nghiệp và vận động Nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW, Quyết định số 1703/QĐ-TTg và Kế hoạch này.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để hướng dẫn thực hiện hoặc tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
I	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân về tầm quan trọng của công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng			
1	Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung Chỉ thị số 38-CT/TW, Quyết định số 1703/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn thực hiện	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan liên quan	Quý II năm 2025
2	Tổ chức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại địa phương, nâng cao ý thức tự giác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
3	Định kỳ hàng năm, tổ chức diễn đàn đối thoại với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; các chương trình bồi dưỡng kiến thức về vai trò, ý nghĩa của việc sản xuất, phân phối, tiêu dùng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định; các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Hàng năm
II	Rà soát và kiến nghị, đề xuất xây dựng, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng			

1	Nghiên cứu rà soát và kiến nghị, đề xuất xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
2	Tăng cường công tác quản lý chất lượng theo hướng chuyển dần từ hình thức kiểm soát đối tượng, công đoạn cụ thể sang quản lý chuỗi sản phẩm, từ khâu tổ chức sản xuất đến phân phối, lưu thông, tiêu dùng và xuất khẩu các sản phẩm, hàng hoá của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
3	Tiếp tục triển khai hoạt động xây dựng và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại địa phương phù hợp với đặc thù của tỉnh, tạo nền tảng kỹ thuật bảo đảm đáp ứng các mục tiêu phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo	Các sở, ban, ngành	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
4	Tham gia xây dựng, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và triển khai hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đảm bảo kết nối thông suốt từ Trung ương đến địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
5	Tiếp tục duy trì cơ quan quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng của tỉnh nhằm đảm bảo hiệu quả công tác quản lý nhà nước tại địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Theo quy định pháp luật
III	Phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng			
1	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nhằm kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Công an tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm

	và phục vụ công tác công an trong giai đoạn đến năm 2030 và những năm tiếp theo			
2	Hỗ trợ đào tạo nhân lực về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các tổ chức, doanh nghiệp ở địa phương	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Hàng năm
3	Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và nhu cầu thực tiễn, thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm hình thành và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng đội ngũ chuyên gia tư vấn và đánh giá về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh; tăng cường trao đổi thông tin, học tập kinh nghiệm, hợp tác đào tạo với cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có hoạt động mạnh về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
IV Tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng				
1	Cân đối ngân sách và các nguồn tài chính tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước cho công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong tổng chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
2	Đầu tư trang thiết bị, tiềm lực khoa học công nghệ cho các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (bao gồm các hoạt động: Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa, quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ, môi trường) thuộc thẩm quyền quản lý của các sở, ban, ngành và địa phương	Các Sở: Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Y tế; Công an tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các tổ chức, cơ quan liên quan	Đến 2030

3	Đầu tư nguồn lực cho hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng lĩnh vực quốc phòng an ninh theo Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 26/01/2022 của Bộ Chính trị khoá XIII về "đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo"	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở, ban, ngành	Đến 2030
4	Triển khai các chương trình, đề án của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng, truy xuất nguồn gốc và đảm bảo đo lường	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
V Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng				
1	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, trong đó chú trọng hoạt động khảo sát đối với các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn và công tác kiểm tra đặc thù trong một số lĩnh vực quan trọng của đời sống, kinh tế - xã hội nhằm đảm bảo an toàn chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm có tính chất công nghệ cao; chủ động phòng, chống tiêu cực trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
2	Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nhất là trong việc trao đổi thông tin, xử lý chồng chéo, vi phạm trong hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Huy động sự tham gia, phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là tổ chức đại diện bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm

3	Kịp thời khen thưởng và có biện pháp phù hợp để bảo vệ người tố giác các hành vi vi phạm quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ	Hàng năm
VI	Tăng cường hội nhập quốc tế về công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng			
1	Tuân thủ đầy đủ các điều ước, các thỏa thuận quốc tế có liên quan hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng mà Việt Nam tham gia	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
2	Thúc đẩy hoạt động xây dựng, áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia đã được hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao năng lực đánh giá sự phù hợp, khả năng tiếp cận thị trường của tổ chức, doanh nghiệp và đáp ứng đầy đủ các rào cản thương mại trong quá trình xuất khẩu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
3	Tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm và tích cực tham gia các hội thảo, chương trình đào tạo về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng ở cấp khu vực và quốc tế để nâng cao trình độ cho nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm

Nguồn: Phòng QLTCCCL



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

**Dự thảo tiêu chuẩn về nhãn mác cho hộp đựng thực phẩm
không dùng để bán lẻ, 03/02/2025**

Burundi, Kenya, Rwanda, Tanzania, Uganda thông báo dự thảo tiêu chuẩn chung về nhãn mác cho các hộp đựng thực phẩm không dùng để bán lẻ.

Theo đó, Dự thảo tiêu chuẩn này áp dụng cho việc dán nhãn các hộp đựng thực phẩm không dùng để bán lẻ (trừ phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến) không nhằm mục đích cung cấp trực tiếp cho người tiêu dùng bao gồm thông tin được cung cấp trong các tài liệu vật lý đi kèm hoặc bằng các phương tiện khác và cách trình bày thông tin đó.

Về yêu cầu ghi nhãn đối với bao bì thực phẩm không bán lẻ phải được phân biệt rõ ràng với yêu cầu ghi nhãn đối với thực phẩm đóng gói sẵn. Các bao bì không bán lẻ phải được nhận diện rõ ràng là loại bao bì không bán lẻ; phải được thiết lập dựa trên nhu cầu thông tin và khả năng thực hiện của các doanh nghiệp thực phẩm và cơ quan có thẩm quyền.

Về yêu cầu thông tin đối với bao bì không bán lẻ có thể được đáp ứng bằng các phương tiện khác ngoài nhãn, nếu được cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia nơi sản phẩm được bán cho phép. Thông tin trên nhãn, trong các tài liệu đi kèm, hoặc được cung cấp bằng các phương tiện khác phải có khả năng truy xuất đến thực phẩm trong bao bì không bán lẻ và cung cấp thông tin để hỗ trợ ghi nhãn thực phẩm dự kiến bán cho người tiêu dùng.

Mục tiêu để thông tin người tiêu dùng, dán nhãn; Yêu cầu về chất lượng; Hòa.



Ảnh minh họa.

Đồng thời, Cơ quan Tiêu chuẩn hóa và Chất lượng Ai Cập đang soạn thảo một tiêu chuẩn mới về bút bi và ruột bút, mang mã số ES 328. Bản dự thảo này đã được công bố để thu thập ý kiến đóng góp từ các nhà sản xuất, nhà nhập khẩu và các bên liên quan, Điểm mới của tiêu chuẩn như sau:

Thay thế tiêu chuẩn cũ: Tiêu chuẩn mới sẽ thay thế cho các phiên bản tiêu chuẩn cũ đã được ban hành trước đây, đảm bảo các quy định về chất lượng và an toàn sản phẩm luôn được cập nhật.

Tiêu chuẩn ES 328 được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế ISO 12757-1:2017 và ISO 12757-2:1998, giúp đảm bảo tính tương thích của sản phẩm trên thị trường quốc tế.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Truy xuất nguồn gốc mật ong theo TCVN 13843:2023, 14/01/2025

TCVN 13843:2023 về Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng mật ong do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC/F18 Đường, mật ong và sản phẩm tinh bột biên soạn, Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.



Truy xuất nguồn gốc mật ong xuất phát từ nhu cầu minh bạch trong chuỗi cung ứng. (Ảnh minh họa).

Việt Nam là một trong 10 quốc gia có sản lượng mật ong lớn trên thế giới, khoảng 64.000 tấn/năm. Nhu cầu truy xuất nguồn gốc mật ong xuất phát từ các quy định pháp luật, tiêu chuẩn đối với quá trình sản xuất, chế biến, vận chuyển và nhu cầu minh bạch trong chuỗi cung ứng.

Theo đó, TCVN 13843:2023 về Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng mật ong do Ban Kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC/F18 Đường, mật ong và sản phẩm tinh bột biên soạn, Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Tiêu chuẩn này đưa ra yêu cầu đối với chuỗi cung ứng mật ong, bao gồm cả

mật ong bánh tổ để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc. Trong đó, các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh được xác định trong tiêu chuẩn này đối với chuỗi cung ứng mật ong bao gồm: cơ sở cung cấp vật tư đầu vào; cơ sở nuôi ong; cơ sở vận chuyển và logistic; cơ sở chế biến mật ong; nhà phân phối; cơ sở bán lẻ, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống;...

Nhìn chung, tất cả các bên tham gia trong chuỗi cung ứng mật ong đều có trách nhiệm chia sẻ **dữ liệu** khi cần truy xuất nguồn gốc, cụ thể như sau: Nhà cung cấp vật tư đầu vào có vai trò cung cấp vật tư đầu vào cho cơ sở nuôi ong/cơ sở chế biến mật ong như thức ăn cho ong, thùng ong, nền sáp, chai đựng mật ong... Đồng thời, chịu trách nhiệm cung cấp dữ liệu gốc của sản phẩm và dữ liệu truy xuất, bên thu hồi/bên nhận sản phẩm thu hồi; Chịu trách nhiệm đáp ứng các yêu cầu quy định cụ thể liên quan đến thử nghiệm sản phẩm, đánh giá rủi ro...

Cơ sở nuôi ong có vai trò nuôi ong lấy mật, chịu trách nhiệm tuân thủ quy định, chủ sở hữu thương hiệu, nguồn dữ liệu cho dữ liệu gốc và dữ liệu sự kiện, bên thu hồi. Phòng thử nghiệm có vai trò kiểm tra chất lượng mật ong, chịu trách nhiệm tiến hành thử nghiệm các chỉ tiêu của mật ong.

Nhà cung cấp dịch vụ vận chuyển có vai trò vận chuyển mật ong từ cơ sở nuôi đến cơ sở chế biến, chịu trách nhiệm một phần của đơn vị logistic, nguồn dữ liệu cho dữ liệu sự kiện, bên thu hồi/ bên nhận sản phẩm thu hồi. Cơ sở chế biến có vai trò chế biến mật ong, đóng gói sản phẩm mật ong, trách nhiệm tuân thủ quy định, chủ sở hữu thương hiệu, nguồn dữ liệu cho dữ liệu gốc và dữ liệu sự kiện, bên thu hồi/ bên nhận sản phẩm thu hồi.

Nhà phân phối/ nhà bán buôn có vai trò phân phối mật ong đã bao gói, trách nhiệm tuân thủ quy định, bên gửi hàng, bên nhận, nguồn dữ liệu cho dữ liệu sự kiện, bên nhận sản phẩm thu hồi. Còn với cơ sở bán lẻ có trách nhiệm là bên nhận, bên bán, bên nhận sản phẩm thu hồi.

TCVN 13843:2023 cũng nêu rõ, về nguyên tắc, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong chuỗi cung ứng mật ong phải đáp ứng các nguyên tắc chung nêu trong TCVN 12850 về Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu chung đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc. Phải có sự thống nhất giữa các đối tác thương mại về vật phẩm có thể truy xuất, nhằm đảm bảo rằng các bên truy xuất xuôi cùng một đối tượng. Tất cả các bên trong chuỗi cung ứng cần thực hiện biện pháp truy xuất nguồn gốc nội bộ và bên ngoài. Việc thực hiện truy xuất nguồn gốc nội bộ phải đảm bảo duy trì được những mối liên kết cần thiết giữa đầu vào và đầu ra.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

**Áp dụng tiêu chuẩn về quản lý thay đổi giúp tổ chức nâng cao
 lợi thế cạnh tranh, giảm thiểu rủi ro**

Quản lý thay đổi rõ ràng không phải điều mới mẻ – đó là ngành đã phát triển trong hơn một phần tư thế kỷ qua. Trong lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT), đây là hoạt động được thiết kế để giảm thiểu sự gián đoạn đối với hoạt động CNTT trong khi thực hiện thay đổi đối với các hệ thống và dịch vụ quan trọng. Một quy trình quản lý thay đổi tốt rất quan trọng đối với bảo mật thông tin vì nó giúp các tổ chức bảo vệ tài sản nhạy cảm nhất của họ trong quá trình thay đổi hệ thống, quy trình và công nghệ.

Năm bước để quản lý thay đổi hiệu quả

Quy trình quản lý thay đổi đề cập đến các giai đoạn liên quan đến chiến lược quản lý thay đổi và việc triển khai chúng. Quy trình này giúp tổ chức điều hướng quá trình chuyển đổi thay đổi bằng cách đảm bảo rằng tất cả yếu tố đều được xem xét. Nói chung, quy trình quản lý thay đổi có thể được chia thành một số bước cơ bản:

Thứ nhất, chuẩn bị cho sự thay đổi: Bước này bao gồm việc hiểu những thay đổi cần thiết và chuẩn bị cho các thành viên,

nhân viên và các bên liên quan về những gì sắp tới. Đây là một phần quan trọng của quy trình mà người quản lý thay đổi hỗ trợ nhân viên vượt qua mọi mối quan tâm bằng cách truyền đạt quy trình và đảm bảo sự đồng thuận từ ban lãnh đạo.

Thứ hai, tạo tầm nhìn cho sự thay đổi: Khi các bên liên quan đồng ý với sự thay đổi, nhà quản lý phải phát triển kế hoạch toàn diện và thực tế để thực hiện điều đó. Kế hoạch nên bao gồm việc đặt mục tiêu, xác định các chỉ số hiệu suất chính (KPI) và phân công nhiệm vụ cho các bên liên quan, đồng thời xác định mốc thời gian và nguồn lực cần thiết. Ở bước này, nhóm quản lý thay đổi cũng tính đến các vấn đề tiềm ẩn và rủi ro bảo mật liên quan đến sự thay đổi.

Thứ ba, triển khai các thay đổi: Tất cả những gì còn lại bây giờ là thực hiện theo các bước được nêu trong kế hoạch để triển khai các thay đổi. Ở giai đoạn này của quy trình, quản lý và giao tiếp tốt là điều cần thiết để đảm bảo mọi người vẫn tham gia và nhân viên vẫn vui vẻ, tập trung - để mọi thứ diễn ra suôn sẻ.

Thứ tư, củng cố các thay đổi: Sau khi thực hiện các thay đổi, điều quan trọng là phải đảm bảo quá trình chuyển đổi được thực hiện. Điều này đòi hỏi phải

theo dõi tác động của thay đổi theo góc độ bảo mật; mọi vấn đề còn lại sẽ được xem xét kỹ lưỡng và giải quyết trước khi dự án kết thúc.

Thứ năm, xem xét và phân tích: Bước cuối cùng trong quy trình này nhằm đảm bảo thay đổi có lợi. Việc tiến hành đánh giá hậu dự án có thể giúp ban lãnh đạo hiểu được sáng kiến thay đổi là “thành công”, “thất bại” hay “chưa hoàn thành”. Hệ thống dán nhãn này giúp có được số liệu hữu ích và chính xác hơn cho bất kỳ thay đổi nào trong tương lai.

Mục đích của quy trình quản lý thay đổi là đảm bảo rằng các thay đổi được thực hiện theo cách hợp lý và có thể dự đoán được trong khi thực hiện các bản cập nhật. Tổ chức có thể tìm thêm lời khuyên về việc tạo kế hoạch quản lý thay đổi trong ISO/IEC 27001, tiêu chuẩn hàng đầu của ISO dành cho hệ thống quản lý bảo mật thông tin. Các tổ chức quen thuộc với ISO/IEC 27001 sẽ biết rằng tiêu chuẩn này được xây dựng xung quanh các chính sách và quy trình hiệu quả. Những tiêu chuẩn này bao gồm hướng dẫn về quản lý thay đổi nêu rõ cách một tổ chức nên lập tài liệu và triển khai thay đổi đối với quy trình kinh doanh, cơ sở vật chất và hệ thống có tác động đến các hoạt động bảo mật thông tin.



Ảnh minh họa.

Thành công của quản lý thay đổi sẽ như thế nào?

Mọi thay đổi dù lớn hay nhỏ đều được hưởng lợi từ quy trình quản lý thay đổi được cân nhắc kỹ lưỡng. Các phương pháp tiếp cận hiện đại để quản lý thay đổi phá vỡ các rào cản, cung cấp bối cảnh và tính minh bạch, đồng thời tránh nút thắt và giảm thiểu rủi ro. Các lợi ích bổ sung bao gồm:

Cải thiện giao tiếp: Khi nhân viên được thông báo đầy đủ về những thay đổi, điều này sẽ thúc đẩy giao tiếp tốt hơn trong toàn tổ chức.

Nhân viên làm việc hiệu quả hơn: Với kế hoạch rõ ràng về cách thực hiện thay đổi, nhân viên có thể tập trung vào công việc thay vì lo lắng về những gì đang diễn ra xung quanh.

Môi trường làm việc tốt hơn: Sự không chắc chắn về tương lai có thể gây ra nhiều căng thẳng cho nhân viên và quản lý thay đổi giúp giảm thiểu điều này bằng cách cung cấp sự rõ ràng và cấu trúc.

Nâng cao tinh thần: Khi nhân viên cảm thấy họ là một phần có giá trị của quá trình thay đổi và mối quan tâm của họ được lắng nghe, điều này có thể nâng cao tinh thần và giúp tạo ra môi trường làm việc tích cực hơn.

Quy trình kinh doanh nâng cao: Sự thay đổi đi kèm cơ hội và quản lý thay đổi có thể giúp giải phóng sự sáng tạo của nhân viên khi họ khám phá những cách thức mới để làm việc.

Lợi thế cạnh tranh: Một chương trình thay đổi thành công sẽ tác động tích cực đến vị thế của công ty trên thị trường, mang lại cho công ty lợi thế cạnh tranh hơn.

Với điều đó, quản lý thay đổi không phải lúc nào cũng suôn sẻ. Tuy nhiên, khi nó có hiệu quả, lợi ích của nó lớn hơn nhiều so với nhược điểm, giúp các tổ chức duy trì khả năng cạnh tranh và phục hồi tốt hơn trong bối cảnh kỹ thuật số ngày nay.

Làm cho sự thay đổi trở nên bền vững

Việc triển khai quy trình quản lý thay đổi chỉ là bước khởi đầu. Khi đã bắt đầu quy trình, bạn cần đảm bảo rằng duy trì quy trình và củng cố những lợi ích đó. Giai đoạn tiếp theo của hành trình thay đổi đòi hỏi sự cảnh giác và củng cố. Bây giờ là lúc củng cố bộ kỹ năng của mọi người, tinh chỉnh quy trình và sử dụng sự sẵn sàng thay đổi để củng cố sự thay đổi.

Áp dụng các nguyên tắc quản lý thay đổi trước, trong và sau một dự án có thể giúp đạt được kết quả mong muốn. Tuy nhiên, bài kiểm tra thành bại sẽ là khách hàng – đó là thước đo tốt nhất để đánh giá quy trình của tổ chức tốt như thế nào. Một chương trình thay đổi thành công sẽ tác động tích cực đến trải nghiệm của khách hàng và trải nghiệm tuyệt vời của khách hàng có tác động tích cực đến lợi nhuận của tổ chức.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Yêu cầu kỹ thuật về panel thạch cao cốt sợi theo tiêu chuẩn

Panel thạch cao cốt sợi là sản phẩm thông dụng trong các công trình xây dựng. Tuy nhiên để đảm bảo chất lượng, an toàn khi sử dụng các yêu cầu kỹ thuật nên tuân theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13560:2022. Ngày 05/02/2025

Trong ngành xây dựng hiện đại, việc sử dụng các vật liệu chất lượng cao và an toàn là yếu tố hàng đầu. Một trong những vật liệu phổ biến hiện nay là panel thạch cao cốt sợi.

Panel thạch cao cốt sợi là loại vật liệu xây dựng được tạo thành từ thạch cao và gia cố thêm các sợi (thường là sợi thủy tinh, sợi xenlulo hoặc sợi nhựa tổng hợp) nhằm gia tăng độ bền, tính chịu lực và khả năng chống cháy của sản phẩm. Loại panel này thường được sử dụng trong các công trình xây dựng như tường ngăn, trần nhà, vách ngăn vì có các ưu điểm như nhẹ, dễ lắp đặt, cách âm và chống cháy tốt.

Ngoài ra sản phẩm này còn được sử dụng rộng rãi trong các công trình nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng và an toàn cho công trình như làm nền cho ốp lát gạch ceramic. Sản phẩm này cũng thích hợp cho việc trang trí, dùng làm vòm ngoài trời. Tuy nhiên để đảm bảo rằng sản phẩm đáp ứng các yêu cầu an toàn và chất lượng khi thiết kế, sản xuất và lắp ráp panel thạch cao cốt sợi nên tuân theo tiêu chuẩn là điều cần thiết.



Panel thạch cao cốt sợi được sử dụng rộng rãi trong các công trình xây dựng

Theo hướng dẫn tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13560:2022 Panel thạch cao cốt sợi - Yêu cầu kỹ thuật do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố thì nguyên vật liệu và sản xuất panel thạch cao cốt sợi nên có thành phần chính là thạch cao và sợi gia cường được phân tán trên toàn bộ sản phẩm. Sợi xenlulo có nguồn gốc từ giấy, bột giấy bìa cứng, gỗ hoặc các vật liệu hữu cơ khác. Mặt sau của panel thạch cao cốt sợi có tráng kim loại phải được phủ thêm bằng lớp màng nhôm.

Panel thạch cao cốt sợi chịu ẩm nên được xử lý bằng vật liệu có khả năng tạo độ chịu ẩm cho toàn bộ sản phẩm. Panel thạch cao cốt sợi chống nấm mốc là panel thạch cao có độ phát triển nấm mốc không lớn hơn 20% theo diện tích bề mặt khi được thử nghiệm theo ASTM D3273.

Panel thạch cao cốt sợi, loại có khả năng chống cháy đặc biệt là các panel thạch cao cốt sợi phù hợp theo tiêu chuẩn này có độ chống cháy không nhỏ hơn 1h đối với tấm dày 15,9mm và 0,75h đối với tấm dày 12,7mm khi lắp trên cả hai mặt và song song với hệ khung gỗ với các thanh đứng kích thước (51 mm x 102 mm) cách nhau 406 mm tính từ tâm. Panel thạch cao cốt sợi phải có chỉ số lan truyền lửa không lớn hơn 25 khi thử nghiệm theo ASTM E84.

Ngoài ra để đảm bảo sản phẩm đáp ứng các yêu cầu an toàn và chất lượng thì việc chứng nhận hợp quy panel thạch cao cốt sợi theo QCVN 16:2023/BXD là điều không thể thiếu.

Theo QCVN 16:2023/BXD sản phẩm panel thạch cao cốt sợi muốn được chứng nhận hợp quy cần phải đạt đủ các chỉ tiêu kỹ thuật như sau: Cường độ chịu uốn theo TCVN 8257-3; Độ biến dạng ẩm theo TCVN 8257-5; Độ hút nước (chỉ áp dụng cho loại nền chịu ẩm; ốp ngoài; làm mái nhà) theo TCVN 8257-6; Hàm lượng chất lưu huỳnh dễ bay hơi không lớn hơn theo ASTM C47 M-20a. Chứng nhận này không chỉ giúp doanh nghiệp khẳng định chất lượng sản phẩm mà còn là yêu cầu bắt buộc khi lưu hành sản phẩm trên thị trường.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

**QCVN về phế liệu sắt, thép, gang nhập khẩu từ nước ngoài
 làm nguyên liệu sản xuất**

Bộ Tài nguyên và Môi trường vừa ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 31:2024/BTNMT về phế liệu sắt, thép, gang nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Theo đó, QCVN 31:2024/BTNMT do Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường biên soạn và trình duyệt; Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành theo Thông tư số 43/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024. QCVN 31:2024/BTNMT thay thế QCVN 31:2018/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu sắt, thép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

Quy chuẩn quy định các loại phế liệu sắt, thép, gang được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất; các yêu cầu kỹ thuật, quản lý và mã HS quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy chuẩn này.

Quy chuẩn này không điều chỉnh đối với phế liệu sắt, thép, gang nhập khẩu từ các doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan trên lãnh thổ Việt Nam.

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu và sử dụng phế liệu sắt, thép, gang nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động nhập khẩu và sử dụng phế liệu sắt, thép, gang làm nguyên liệu sản xuất; các tổ chức đánh giá sự phù hợp có liên quan đến hoạt động nhập khẩu phế liệu sắt, thép, gang từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Quy chuẩn này không áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu sắt, thép, gang phát sinh từ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan trên lãnh thổ Việt Nam.

Về quy định quản lý, lô hàng phế liệu sắt, thép, gang nhập khẩu vào Việt Nam phải được kiểm tra, giám định, đánh giá sự phù hợp với các quy định kỹ thuật tại Mục 2 Quy chuẩn này. Kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật, tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật là cơ sở để cơ quan Hải quan thực hiện thủ tục thông quan hoặc xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật. Việc giám định phế liệu sắt, thép, gang nhập khẩu thực hiện bởi tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật.



Việc lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm (trừ trường hợp lấy mẫu để đánh giá hoạt độ phóng xạ); kiểm tra phóng xạ tại hiện trường bằng thiết bị đo nhanh; xác định tỷ lệ tạp chất, tỷ lệ các loại phế liệu sắt, thép, gang có mã HS khác với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu được thực hiện bởi tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật, tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật; Việc lấy mẫu, phân tích hoạt độ phóng xạ, mức nhiễm xạ bề mặt phải được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng yêu cầu về bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; Việc lấy mẫu và phân tích để xác định ngưỡng chất thải nguy hại phải được thực hiện bởi tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định.

Việc xác định các thông số khác (nếu có) được thực hiện bởi tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

Tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật; tổ chức giám định nước ngoài được thừa nhận theo quy định của pháp luật cung cấp Chứng thư giám định lô hàng phế liệu nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân yêu cầu giám định và Cơ quan Hải quan để thực hiện thủ tục thông quan hoặc xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật. Tài liệu gửi kèm theo Chứng thư giám định bao gồm: Biên bản kiểm tra; Ảnh chụp các vị trí kiểm tra, vị trí lấy mẫu; Phiếu trả kết quả đo, phân tích, thử nghiệm của các mẫu đại diện (trường hợp sử dụng thiết bị đo nhanh để kiểm tra hoạt độ phóng xạ hoặc phải lấy mẫu để phân tích, thử nghiệm) được cung cấp bởi tổ chức quy định tại Mục 4.3 Quy chuẩn này.

Nguồn: Ủy ban TCDLCL



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Xuất khẩu nông sản sang EU: Nắm bắt cơ hội vàng, chinh phục thị trường khắt khe

Để xuất khẩu vào thị trường Liên minh châu Âu (EU), doanh nghiệp cần đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn, dư lượng hóa chất, truy xuất nguồn gốc nghiêm ngặt và chiến lược bài bản từ sản xuất đến kiểm soát chất lượng.

Xuất khẩu nông sản sang EU – Thị trường trọng điểm của Việt Nam

EU hiện đang là thị trường tiêu thụ nông - lâm - thủy sản lớn thứ ba trên thế giới, với kim ngạch nhập khẩu hàng năm trên 300 tỷ USD. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2024, kim ngạch xuất khẩu nông - lâm - thủy sản đạt kỷ lục 62,5 tỷ USD, tăng 18,7% so với năm 2023; trong đó, thị trường EU chiếm 11,3%. Mặc dù chỉ chiếm 1,9% tổng kim ngạch nhập khẩu của EU, Việt Nam xếp thứ 11 trong danh sách các nước xuất khẩu các mặt hàng này vào thị trường châu Âu và vẫn là một trong bốn thị trường xuất khẩu chủ lực sau Hoa Kỳ, Trung Quốc và ASEAN.



Nông sản Việt xuất sang EU phải tuân thủ quy định khắt khe về an toàn và bền vững. Ảnh minh họa

EU không chỉ có mức chi cho thực phẩm và đồ uống cao - khoảng 1000 tỷ Euro mỗi năm, chiếm 21,4% tổng chi tiêu hộ gia đình mà còn nổi tiếng với các

tiêu chuẩn khắt khe về an toàn và chất lượng sản phẩm. Điều này tạo ra cơ hội lớn nhưng cũng đồng thời đặt ra thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Yêu cầu khắt khe từ thị trường châu Âu

Những “bài toán” an toàn thực phẩm trở thành mối quan tâm hàng đầu khi xuất khẩu sang EU. Gần đây, Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch động, thực vật Việt Nam (Văn phòng SPS Việt Nam) đã gửi Công văn số 27/SPS-BNNVN cho Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và các hiệp hội ngành – bao gồm Bia - Rượu - Nước giải khát, Cà phê - Ca cao, Nước mắm truyền thống và Điều Việt Nam – thông tin về những cảnh báo từ hệ thống an toàn thực phẩm và thức ăn chăn nuôi của EU đối với các sản phẩm vi phạm quy định.

Theo Văn phòng SPS Việt Nam, bốn nguyên nhân chính dẫn đến vi phạm gồm:

Một, doanh nghiệp chưa đăng ký lưu hành các sản phẩm chứa thành phần từ “thực phẩm mới” theo quy định tại Quy định (EU) 2015/2283.

Hai, khai báo không chính xác về nguyên liệu, đặc biệt là các thành phần dễ gây dị ứng.

Ba, sử dụng phụ gia thực phẩm trái phép hoặc vượt mức quy định.

Bốn, không thực hiện kiểm dịch thú y tại cửa khẩu đối với “sản phẩm hỗn hợp” có thành phần từ động vật.

Ông Ngô Xuân Nam - Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam cho biết, quy định về “thực phẩm mới” và “sản phẩm hỗn hợp” là những rào cản khiến nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, gặp khó khăn. Trong khi đó, các doanh nghiệp lớn, đặc biệt là khối FDI, thường có bộ phận kỹ thuật riêng và tiếp cận thông tin nhanh chóng.

EU, đặc biệt là các quốc gia Bắc Âu như Thụy Điển, Đan Mạch, và Na Uy, đang áp dụng những tiêu chuẩn nghiêm ngặt hơn nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm và giảm thiểu tác động môi trường. Các quy định mới yêu cầu giảm dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trên nông sản nhập khẩu, với những hạn mức cụ thể theo Quy định 2023/915. Một số hóa chất bị cấm hoàn toàn đối với một số loại trái cây như dâu, cam, quýt, xoài, chuối và dứa.

Hầu hết các sản phẩm nông sản tươi nhập khẩu vào EU cần có chứng nhận kiểm dịch thực vật (phytosanitary certificate) để đảm bảo không mang theo sinh vật gây hại. Một số sản phẩm như: chuối, dứa, chà là, dứa và sầu riêng có thể được miễn chứng nhận, nhưng các biện pháp bổ sung như xử lý nhiệt cho xoài lại được khuyến khích nhằm ngăn chặn sâu bệnh.

Bà Nguyễn Thị Hoàng Thúy - Vụ trưởng, Trưởng Cơ quan Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển, nhấn mạnh yêu cầu cao về chất lượng và truy xuất nguồn gốc của nông sản đối với thị trường Bắc Âu. Nhà xuất khẩu Việt Nam cần đảm bảo sản phẩm không vượt mức dư lượng hóa chất, có đầy đủ chứng nhận kiểm dịch và chứng minh được cam kết về bảo vệ môi trường qua các chứng nhận

như GlobalGAP, Rainforest Alliance hay Fairtrade.

Đẩy mạnh kiểm soát chất lượng và quảng bá cam kết minh bạch

Việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của EU không chỉ giúp các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam đáp ứng yêu cầu thị trường mà còn tạo dựng uy tín với khách hàng Bắc Âu. Cơ quan Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển khuyến cáo các nhà xuất khẩu cần đảm bảo sản phẩm không vượt mức dư lượng hóa chất cho phép và đáp ứng yêu cầu nghiêm ngặt từ các nhà nhập khẩu Bắc Âu. Sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật được EU chấp thuận. Kiểm tra dư lượng hóa chất tại các phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc tế trước khi xuất khẩu.

Đồng thời, doanh nghiệp phải đảm bảo Chứng nhận kiểm dịch thực vật là yêu cầu bắt buộc để sản phẩm vào thị trường EU.

Hợp tác chặt chẽ với cơ quan kiểm dịch tại Việt Nam để đảm bảo quy trình kiểm tra và cấp chứng nhận đúng chuẩn. Áp dụng các biện pháp xử lý để loại bỏ nguy cơ sinh vật gây hại.

Cùng đó, doanh nghiệp cũng cần chuẩn bị đối phó với tỷ lệ kiểm tra cao. Bởi sản phẩm từ Việt Nam có thể nằm trong danh mục rủi ro cao, dẫn đến tỷ lệ kiểm tra cao hơn.

Vì vậy, doanh nghiệp cần nâng cao kiểm soát chất lượng tại nguồn, đặc biệt với các loại nông sản như ớt, đậu và trái cây nhiệt đới. Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ về quy trình sản xuất và kiểm tra để giải quyết kịp thời khi có vấn đề phát sinh.

"Việc tuân thủ tốt các quy định EU không chỉ giúp sản phẩm đáp ứng yêu cầu, mà còn tạo dựng uy tín với khách hàng Bắc Âu. Do đó, doanh nghiệp cần tăng cường quảng bá các cam kết về chất lượng và minh bạch trong chuỗi cung ứng", Cơ quan Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển khuyến cáo.

Trong bối cảnh thông tin về các quy định SPS được truyền tải rộng rãi, tuy nhiên, việc kết nối giữa các sở, ngành và doanh nghiệp còn chưa thông suốt, dẫn đến các vi phạm dễ xảy ra. Chỉ riêng năm 2024, Việt Nam đã nhận 114 cảnh báo từ EU - gấp đôi so với năm 2023. Vì vậy, nghiên cứu kỹ quy định của thị trường trước khi xuất khẩu là điều cần thiết để tránh những rủi ro không đáng có.

Với chiến lược xuất khẩu bền vững, doanh nghiệp Việt Nam cần không ngừng cải tiến và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cao, từ đó tận dụng tốt cơ hội phát triển trên thị trường EU đầy tiềm năng.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

**Liên minh châu Âu dự định siết chặt nhập khẩu thực phẩm
không đáp ứng tiêu chuẩn**

Dự thảo mới của Ủy ban châu Âu cho thấy, Liên minh Châu Âu (EU) đang lên kế hoạch thắt chặt các hạn chế đối với cây trồng nhập khẩu có sử dụng thuốc trừ sâu bị cấm ở châu Âu.

Theo thông tin từ hãng tin Reuters, Ủy ban châu Âu sẽ theo đuổi “sự điều chỉnh chặt chẽ hơn về các tiêu chuẩn sản xuất áp dụng cho sản phẩm nhập khẩu”, đặc biệt chú trọng vào thuốc trừ sâu và phúc lợi động vật. Mục tiêu của kế hoạch là đảm bảo ngành nông nghiệp không bị “đặt vào thế bất lợi cạnh tranh” khi đối mặt với các sản phẩm nhập khẩu từ các quốc gia có quy định lỏng lẻo hơn.

Dự thảo khẳng định Brussels sẽ đảm bảo rằng “các loại thuốc trừ sâu nguy hiểm nhất - bị cấm ở EU vì lý do sức khỏe và môi trường” sẽ không được phép quay trở lại qua các sản phẩm nhập khẩu. Đồng thời, EU đã thiết lập mức dư lượng tối đa đối với một số loại thuốc trừ sâu nhằm bảo vệ an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.



Nông dân châu Âu từng bức xúc vì gánh nặng quản lý, doanh thu bị thu hẹp.

Ảnh: Fance 24/© John Thys/ AFP.

Phó chủ tịch Ủy ban châu Âu phụ trách cải cách Raffaele Fitto, đã gọi đây là “một phản hồi mạnh mẽ trước lời kêu cứu” của nông dân, khi các tháng biểu

tình năm ngoái cho thấy nông dân EU bức xúc vì các gánh nặng quy định, doanh thu bị siết chặt và sự cạnh tranh không công bằng từ các đối thủ nước ngoài ít bị quản lý.

Trong bối cảnh căng thẳng thương mại gia tăng, Tổng thống Mỹ Donald Trump đã tỏ ra không quan tâm đến các báo cáo trước đó từ tờ Financial Times, khi cho biết EU dự định trình bày ý tưởng này trong tuần tới. Ông Trump khẳng định rằng động thái của EU sẽ gây tổn hại cho châu Âu, trong khi một quan chức Nhà Trắng cho biết Mỹ sẽ bảo vệ nông dân Mỹ bằng cách thực hiện kế hoạch áp thuế đối ứng.

Các loại cây trồng của Mỹ, chẳng hạn như đậu nành, có thể trở thành mục tiêu nếu các sản phẩm của họ được xử lý bằng thuốc trừ sâu không phù hợp với tiêu chuẩn nghiêm ngặt của EU. Đồng thời, nông dân châu Âu cũng lo ngại về thỏa thuận thương mại với khối Mercosur của Mỹ Latinh, tuy nhiên, theo Ủy viên Nông nghiệp EU Christophe Hansen, thỏa thuận đó là một phần của “mạng lưới an toàn” giúp xuất khẩu thực phẩm trong bối cảnh Mỹ và Trung Quốc có thể áp thuế lên các sản phẩm chủ lực của EU như rượu vang và pho mát.

Dự thảo cũng cam kết cải cách Chính sách Nông nghiệp Chung (CAP) của EU, cắt giảm thủ tục hành chính và tập trung trợ cấp đến những nông dân “cần hỗ trợ nhất”. Tuy nhiên, các nhà phê bình, trong đó có các nhóm môi trường, cho rằng bản kế hoạch này “thiếu quyết liệt” so với phiên bản trước đó và chỉ tập trung vào việc nới lỏng các quy định nhằm thúc đẩy khả năng cạnh tranh kinh tế của EU. Tổ chức Hòa bình xanh (Greenpeace) đã lên tiếng rằng, kế hoạch mới này “làm rất ít để giải quyết các mối đe dọa về môi trường, khí hậu và kinh tế - xã hội mà hầu hết nông dân đang phải đối mặt”.

Trong bối cảnh EU thắt chặt tiêu chuẩn sản xuất đối với hàng nhập khẩu nhằm bảo vệ nông dân và người tiêu dùng, Việt Nam với vai trò là một trong những nước xuất khẩu nông sản hàng đầu đang được yêu cầu nâng cao chất lượng sản xuất và an toàn thực phẩm để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế ngày càng khắt khe.

Theo các chuyên gia, nhà xuất khẩu Việt Nam cần thực hiện chiến lược tuân thủ toàn diện để đáp ứng quy định của EU. Trước hết, cần đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất, sử dụng các loại hóa chất được EU chấp thuận và kiểm tra dư lượng tại phòng thí nghiệm quốc tế. Bên cạnh đó, cần phối hợp chặt chẽ với cơ quan kiểm dịch để đáp ứng yêu cầu về chứng nhận kiểm dịch thực vật.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần chuẩn bị hồ sơ kiểm tra chất lượng chi tiết để đối phó với tỷ lệ kiểm tra cao tại EU. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế như GlobalGAP, Rainforest Alliance hay Fairtrade không chỉ giúp sản phẩm vượt qua rào cản nhập khẩu mà còn nâng cao uy tín. Hơn nữa, đầu tư vào sản xuất bền vững là yếu tố quan trọng để thu hút người tiêu dùng Bắc Âu, vốn đặc biệt quan tâm đến tác động môi trường của sản phẩm.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

**QCVN 91:2024/BGTVT về Ắc quy sử dụng cho xe mô tô điện,
xe gắn máy điện**

Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư số 48/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 91:2024/BGTVT về Ắc quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện.

QCVN 91:2024/BGTVT do Cục Đăng kiểm Việt Nam biên soạn, Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số 48/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024. Quy chuẩn QCVN 91:2024/BGTVT thay thế QCVN 91:2019/BGTVT.

Quy chuẩn này quy định về yêu cầu kỹ thuật trong kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất lắp ráp và nhập khẩu đối với ắc quy sử dụng cho xe mô tô điện, xe gắn máy điện mới (sau đây gọi tắt là ắc quy).

Quy chuẩn này áp dụng đối với: các cơ sở sản xuất, lắp ráp trong nước, tổ chức, cá nhân nhập khẩu ắc quy; các tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ắc quy.

Yêu cầu chung, ắc quy phải được chế tạo đúng theo tài liệu kỹ thuật của cơ sở sản xuất; Ký hiệu điện cực: Điện cực dương của ắc quy phải được ký hiệu bằng dấu cộng (+), điện cực âm phải được ký hiệu bằng dấu trừ (-). Các ký hiệu này phải rõ ràng, khó tẩy xóa; Vỏ của ắc quy không được biến dạng hoặc có vết nứt, các bộ phận phải được lắp đặt chắc chắn; Ký hiệu trên ắc quy phải thể hiện những thông số: điện áp danh định, dung lượng danh định, các ký hiệu này phải rõ ràng, khó tẩy xóa; Đối với ắc quy điện áp cao, trên vỏ hộp phải có ký hiệu quy định tại Phụ lục C của Quy chuẩn này.



Ảnh minh họa.

Cục Đăng kiểm Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chuẩn này. Các kiểu loại ắc quy đã được tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra, hồ sơ đăng ký thử nghiệm, hồ sơ đăng ký chứng nhận trước thời điểm Quy chuẩn này có hiệu lực được tiếp tục kiểm tra, thử nghiệm, chứng nhận theo quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phụ tùng xe cơ giới tại thời điểm tiếp nhận.

Báo cáo thử nghiệm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp trước thời điểm Quy chuẩn này có hiệu lực và báo cáo thử nghiệm thử nghiệm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp theo điểm 4.2 Quy chuẩn này tiếp tục được sử dụng để chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường sau ngày Quy chuẩn này có hiệu lực.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu được viện dẫn trong Quy chuẩn này có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

— Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

ISO 22000 - điểm tựa cho doanh nghiệp chế biến thực phẩm

ISO 22000 là tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, được chấp nhận và có giá trị trên phạm vi toàn cầu.

Theo Viện Năng suất Việt Nam (Ủy ban TCĐLCL Quốc gia), doanh nghiệp trong chuỗi cung cấp thực phẩm áp dụng và đạt chứng chỉ ISO 22000 được nhìn nhận là một đơn vị có hệ thống quản lý tốt an toàn vệ sinh thực phẩm và đảm bảo cung cấp các sản phẩm thực phẩm an toàn, chất lượng cho người tiêu dùng.

ISO 22000 quy định yêu cầu chung đối với hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (HTQLATTP) giúp tổ chức/doanh nghiệp tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào chuỗi cung cấp thực phẩm trong việc: Lập kế hoạch, thực hiện, vận hành, duy trì và cập nhật HTQLATTP cung cấp các sản phẩm và dịch vụ an toàn phù hợp với mục đích sử dụng; Thể hiện sự phù hợp với các yêu cầu của pháp luật về an toàn thực phẩm; Đánh giá yêu cầu đã thỏa thuận với khách hàng về an toàn thực phẩm và thể hiện sự phù hợp với chúng; Thông tin có hiệu quả về an toàn thực phẩm cho các bên quan tâm trong chuỗi thực phẩm;

Đảm bảo hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp phù hợp với chính sách về an toàn thực phẩm đã công bố; Thể hiện sự phù hợp với các bên quan tâm có liên quan; Đề nghị tổ chức bên ngoài chứng nhận HTQLATTP của mình hoặc tự đánh giá, tự công bố sự phù hợp với tiêu chuẩn này.



ISO 22000:2005 có thể áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong chuỗi cung cấp thực phẩm.

Tiêu chuẩn ISO 22000 là một trong số các tiêu chuẩn của bộ tiêu chuẩn ISO 22000 trong đó bao gồm tiêu chuẩn sau: ISO 22000:2005 được ban hành vào ngày 01/09/2005 và được Việt Nam (Bộ Khoa học và công nghệ) chính thức chấp nhận thành Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 22000:2007 vào năm 2008. Các tiêu chuẩn khác trong bộ tiêu chuẩn ISO 22000 cũng đã được chấp nhận thành tiêu chuẩn quốc gia của Việt nam.

Tiêu chuẩn ISO 22000:2005 có thể áp dụng cho tất cả loại hình doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong chuỗi cung cấp thực phẩm không phân biệt quy mô, bao gồm nhưng không giới hạn: Cơ sở sản xuất và chế biến thức ăn gia súc; Cơ sở chăn nuôi và trồng trọt; Cơ sở sản xuất và chế biến thực phẩm (rau, củ, quả, thịt trứng sữa, thủy hải sản,...); Doanh nghiệp sản xuất, chế biến đồ uống: nước ngọt, nước tinh khiết, rượu, bia, café, chè,..; Doanh nghiệp sản xuất, chế biến gia vị; Các hãng vận chuyển thực phẩm; Doanh nghiệp sản xuất, chế biến đồ ăn sẵn, nhà hàng; Hệ thống siêu thị, bán buôn, bán lẻ thực phẩm;

Chuyên gia năng suất cho rằng, doanh nghiệp khi áp dụng cần xây dựng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm. Tiếp đến, thiết lập các quy trình để chuẩn hóa cách thức thực hiện, kiểm soát các quá trình trong hệ thống quản lý an toàn thực phẩm. Xây dựng hệ thống văn bản gồm chính sách, mục tiêu an toàn thực phẩm, các thủ tục về chương trình tiên quyết, kế hoạch HACCP, hướng dẫn, biểu mẫu,... đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn và yêu cầu của kiểm soát an toàn thực phẩm. Xác nhận lại trên dây chuyền sản xuất thực tế.



Theo đại diện Công ty Cổ phần Thực phẩm SANTA, nhờ áp dụng ISO 2000 Công ty vươn tới sự hoàn thiện trong cung ứng dịch vụ cho khách hàng. Với chứng nhận ISO 22000, sản phẩm của đơn vị đã được chấp nhận tại các chuỗi siêu thị lớn như Coopmart, MM Mega Market.

Tại Công ty Nhựa Rạng Đông (Long An) - nhà máy bao bì nhựa hiện đại hàng đầu trong ngành bao bì nhựa tại Việt Nam - việc áp dụng ISO 22000 đã mang lại nhiều kết quả đáng ghi nhận. Đại diện Công ty chia sẻ: “Việc tối ưu hóa quá trình sản xuất nhờ áp dụng tích hợp các hệ thống quản lý đã giúp quá trình sản xuất được phân tích môi nguy, xác định rủi ro, cơ hội, các điểm kiểm soát tới hạn và đưa ra biện pháp kiểm soát thích hợp... dựa trên việc phân tích bối cảnh của tổ chức, nhu cầu và mong đợi của các bên quan tâm cũng như các quá trình quản lý, tạo sản phẩm.

Điều này góp phần đáng kể trong tiết giảm chi phí sản xuất, phòng ngừa sai lỗi hệ thống, giúp kiểm soát minh bạch quá trình sản xuất và dễ dàng trong truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đặc biệt, sai lỗi được ngăn ngừa và tỷ lệ các lô hàng trả về giảm rõ rệt so với thời gian trước khi áp dụng ISO 22000:2018”.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Ban hành Bộ Tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc gia phiên bản 2025

Ngày 17/02/2025, căn cứ vào đề nghị của Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia đã ban hành Quyết định số 325/QĐ-TĐC về việc phê duyệt và ban hành tài liệu nghiệp vụ về Tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (GTCLQG) phiên bản 2025.



Bộ tiêu chí GTCLQG được bổ sung, cập nhật, trên cơ sở chấp nhận bộ tiêu chí của GTCLQG của Hoa Kỳ cũng như tham khảo các hồ sơ khi đăng ký tham dự Giải thưởng Chất lượng Châu Á – Thái Bình Dương của Tổ chức Chất lượng Châu Á – Thái Bình Dương.

Bộ tiêu chí GTCLQG phiên bản mới đáp ứng được các yêu cầu về việc tạo thân thiện, dễ hiểu hơn cho các tổ chức/doanh nghiệp khi tham dự GTCLQG, Giải thưởng Chất lượng Châu Á – Thái Bình Dương cũng như cho các Hội đồng giải thưởng chất lượng ở địa phương và trung ương khi tiến hành xem xét, đánh giá. Bộ tài liệu về Tiêu chí GTCLQG phiên bản mới bao gồm các nội dung chính:

- Lời giới thiệu;
- Các giá trị cốt lõi của Tiêu chí GTCLQG;
- Cấu trúc của Bộ Tiêu chí GTCLQG;
- Các hạng mục và giá trị điểm của Tiêu chí GTCLQG;
- Báo cáo giới thiệu tổ chức;
- 07 Tiêu chí GTCLQG;
- Các thay đổi của Bộ Tiêu chí GTCLQG;
- Thuật ngữ chính.

Nguồn: Văn phòng GTCLQG



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Quản lý chất lượng - con đường cải tiến liên tục

Quản lý chất lượng là tạo ra một nền văn hóa xuất sắc thấm nhuần mọi khía cạnh hoạt động của công ty. Nó giúp thúc đẩy cải tiến liên tục, thiết lập sự tuân thủ với các cơ quan quản lý, đồng thời đảm bảo chất lượng được xây dựng vào mọi khía cạnh của sản phẩm hoặc dịch vụ của bạn. Điều này, đến lượt nó, dẫn đến sự gia tăng sự hài lòng, lòng trung thành của khách hàng và quan trọng nhất là việc kinh doanh lặp lại. 01/3/2025

Đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng là hai khía cạnh của quản lý chất lượng thường được sử dụng thay thế cho nhau, nhưng chúng là hai thứ khá khác nhau. Trong khi kiểm soát chất lượng liên quan đến việc kiểm tra các sản phẩm hoặc dịch vụ thực tế tại hiện trường, đảm bảo chất lượng liên quan đến việc xem xét quy trình cung cấp dịch vụ hoặc quản lý chất lượng sản xuất hàng hóa. Cả hai đều sử dụng các kỹ thuật, công cụ và giai đoạn khác nhau để đạt được mục tiêu của mình.

Bằng cách kiểm tra hàng hóa hoặc dịch vụ ngay từ đầu, có thể phát hiện lỗi trước khi chúng đến tay khách hàng, sau đó tinh chỉnh quy trình của mình để ngăn ngừa trục trặc trong tương lai. Để có hiệu quả, đảm bảo chất lượng phải được hoàn thành thường xuyên thông qua các cuộc kiểm toán độc lập.

Sức mạnh của phần mềm quản lý chất lượng

Như tên gọi của nó, phần mềm hệ thống quản lý chất lượng (QMS) là một nền tảng quản lý chất lượng giúp các tổ chức quản lý và ghi chép các quy trình chất lượng để đảm bảo sản phẩm và dịch vụ của họ đáp ứng các tiêu chuẩn cao về chất lượng và kỳ vọng của khách hàng. Nó cho phép tất cả các bộ phận của một tổ chức (phát triển sản phẩm, kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng, các vấn đề pháp lý hoặc bất kỳ bộ phận nào khác) quản lý các quy trình chất lượng của họ theo cách có cấu trúc và nhất quán. Hơn nữa, phần mềm giúp hợp lý hóa và tự động hóa các nhiệm vụ thông thường, giải phóng các nhóm chất lượng để tập trung vào các sáng kiến chất lượng mang tính chiến lược hơn.

Có nhiều sản phẩm phần mềm QMS có sẵn trên thị trường, mỗi sản phẩm có các tính năng, lợi ích và giá cả khác nhau. Tuy nhiên, không phải tất cả các giải pháp QMS đều được tạo ra như nhau; giải pháp phù hợp với bạn phụ thuộc vào ngành của bạn và các mục tiêu cụ thể của doanh nghiệp.



Sự xuất sắc trong quản lý chất lượng

Hệ thống quản lý chất lượng có nhiều hình thức khác nhau, nhưng tất cả đều có chung một tập hợp các đặc điểm. Chúng nhằm mục đích xác định các mối nguy tiềm ẩn ngay từ đầu quy trình và cải thiện chúng theo thời gian. Việc xác định QMS nào phù hợp với bạn có thể là một quá trình phức tạp và phụ thuộc vào nhu cầu và mục tiêu riêng của công ty.

ISO 9001 là một trong những hệ thống quản lý chất lượng được công nhận rộng rãi nhất trên thế giới. Nó giúp các công ty và tổ chức ở mọi quy mô và lĩnh vực hợp lý hóa các quy trình quản lý chất lượng cốt lõi của họ, cải thiện hiệu suất và chứng minh cam kết của họ đối với chất lượng. Tiêu chuẩn này dựa trên phương pháp tiếp cận theo quy trình, bao gồm lập kế hoạch những việc cần làm, thực hiện những gì đã lên kế hoạch, kiểm tra kết quả và sau đó hành động dựa trên những phát hiện đó để cải thiện hơn nữa.

Được phát triển bởi một nhóm chuyên gia về chất lượng, ISO 9001 cung cấp một lộ trình cho các doanh nghiệp muốn vận hành một hệ thống chất lượng dựa trên thông lệ quốc tế tốt nhất. Là tiêu chuẩn hàng đầu trong danh mục ISO 9000, trọng tâm cốt lõi của tiêu chuẩn này là đảm bảo chất lượng, sự hài lòng của khách hàng và cam kết cải tiến liên tục, khiến tiêu chuẩn này trở thành một công cụ không thể thiếu trong bối cảnh kinh doanh hiện đại. Và với các đánh giá thường xuyên và độc lập, tiêu chuẩn này sẽ giúp công ty của bạn chứng minh rằng công ty coi trọng chất lượng và liên tục phấn đấu vì sự xuất sắc về chất lượng.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Sự cần thiết của việc triển khai thực hiện Chương trình so sánh liên phòng về đo lường ở Việt Nam

So sánh liên phòng (SSLP) về đo lường là việc tổ chức, thực hiện và đánh giá các phép đo hoặc phép thử trên cùng mẫu so sánh, hoặc trên các mẫu so sánh tương tự nhau bởi nhiều tổ chức tham gia thực hiện chương trình SSLP theo những điều kiện xác định trước. Kết quả của hoạt động SSLP được cơ quan quản lý và các tổ chức công nhận sử dụng làm bằng chứng hỗ trợ cho việc công bố khả năng đo hiệu chuẩn (CMCs) của các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

Sự cần thiết của việc triển khai thực hiện Chương trình so sánh liên phòng về đo lường ở Việt Nam

Ở cấp độ quốc tế, các quốc gia muốn tham gia vào các thỏa thuận thừa nhận toàn cầu về đo lường thì bắt buộc phòng thử nghiệm phải tham gia các chương trình SSLP. Kết quả của việc tham gia SSLP về đo lường là cơ sở để đánh giá năng lực của các phòng thử nghiệm, nhằm thừa nhận các kết quả đo. Đối với các phòng thử nghiệm đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO/IEC 17025: 2017, phải tuân theo quy định tại Điều 7.7.2: “Phòng thí nghiệm phải theo dõi kết quả thực hiện của mình thông qua việc so sánh với kết quả của các phòng thí nghiệm khác, khi sẵn có và thích hợp”.

Ở Việt Nam, với mục tiêu đổi mới hoạt động đo lường, nhiều doanh nghiệp, tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường¹ có nhu cầu tham gia hoạt động SSLP về đo lường theo cách thức, chuẩn mực phù hợp thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, thông qua hoạt động SSLP về đo lường, cơ quan quản lý nhà nước đánh giá chính xác năng lực kỹ thuật của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và kết quả SSLP là cơ sở phục vụ xem xét đăng ký, chỉ định hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường của tổ chức này.

Chính vì vậy, hoạt động SSLP về đo lường ở Việt Nam nếu không có hướng dẫn cụ thể, thống nhất thì sẽ dẫn đến một số bất cập như: các phòng thử nghiệm về đo lường của Việt Nam gặp khó khăn khi đề nghị tổ chức đo lường quốc tế đánh giá, thừa nhận khả năng đo; các phòng thử nghiệm của Việt Nam không thực hiện thống nhất quy trình SSLP về đo lường; kết quả của hoạt động SSLP chưa được sử dụng làm bằng chứng về năng lực kỹ thuật của các tổ chức cung cấp dịch vụ về đo lường khi lập hồ sơ xin đăng ký, chỉ định kiểm

định, hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Xuất phát từ các yêu cầu trên, ngày 18/07/2023, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ký ban hành Quyết định số 1537/QĐ-BKHCN về “Hướng dẫn xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình SSLP về đo lường”. Hướng dẫn này là cơ sở để các tổ chức cung cấp dịch vụ về đo lường nâng cao năng lực kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường thống nhất cách thức thực hiện Chương trình SSLP và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đo lường.

Ngày 21/09/2023, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (nay là Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) đã ban hành Quyết định số 1603/QĐ-TĐC về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình SSLP về đo lường giai đoạn 2024-2026. Theo Kế hoạch đã ban hành, ngày 09/04/2024, Ủy ban đã ban hành Quyết định số 763/QĐ-TĐC về việc tổ chức Chương trình SSLP năm 2024, giao Viện Đo lường Việt Nam là tổ chức điều phối Chương trình. Triển khai Quyết định số 763/QĐ-TĐC, Viện Đo lường Việt Nam đã tổ chức thực hiện Chương trình SSLP cấp quốc gia ở 04 lĩnh vực là khối lượng, điện, nhiệt, áp suất và 02 lĩnh vực cấp cơ sở là dung tích và áp suất.



Hội thảo khoa học “Tăng cường hoạt động so sánh liên phòng về đo lường”, phiên thảo luận Sử dụng kết quả so sánh liên phòng và kế hoạch chương trình so sánh liên phòng năm 2025 ngày 10/1/2025.

Năm 2025, Chương trình SSLP cấp quốc gia sẽ được tiếp tục thực hiện ở 05 lĩnh vực là thời gian tần số, điện từ trường, quang học, độ dài, áp suất. Các tổ chức công nhận như BoA, VACI, AOSC cũng đề xuất nhu cầu được triển khai hoạt động SSLP ở các lĩnh vực đo, cụ thể như: đồng hồ bấm giây điện tử độ

phân giải 0,001 s; bộ suy giảm 10 dB với 10 MHz đến 18 GHz; đèn chuẩn cường độ sáng (đèn FEL, điện áp VDC, 1000 W, 12000 cd); căn mẫu song phẳng thép cấp 0; áp kế chuẩn kiểu chỉ thị (10-110) kPa; cân phân tích 200 g, $d=0,1$ mg; phương tiện đo nhiệt độ, độ ẩm không khí (nhiệt ẩm kế) (10-40)°C, (30-90) %RH; áp kế chuẩn kiểu chỉ thị (7-70) bar.

Thuận lợi khi thực hiện chương trình SSLP

Các bên tham gia có cơ hội tham gia chương trình SSLP được tổ chức do một cơ quan đo lường quốc gia điều phối và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Điều mà trước đây các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực đo lường rất khó có cơ hội tham gia. Các phương pháp, các bước thực hiện chương trình SSLP đều căn cứ trên tài liệu kỹ thuật đo lường Việt Nam do Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ban hành, tuân theo chuẩn mực quốc tế về đo lường.

Các chuẩn chính sử dụng được liên kết chuẩn với chuẩn đầu quốc gia do Viện Đo lường Việt Nam hiệu chuẩn, nên việc sử dụng chuẩn đo lường hiệu chuẩn các phương tiện đo đều đảm bảo về giá trị, kết quả đo. Các bên tham gia có thể tự xác định và đánh giá một cách khách quan năng lực hiện tại của mình trên cơ sở kết quả tham gia các chương trình SSLP. Theo kết quả khi tham gia chương trình SSLP, các bên tham gia (phòng thử nghiệm) chứng minh được việc đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý khi nộp hồ sơ xin chỉ định; các yêu cầu công nhận khi được cơ quan công nhận phòng thử nghiệm đánh giá ISO/IEC 17025; các yêu cầu của bên thứ hai (khách hàng) khi thực hiện các hoạt động dịch vụ...

Khó khăn gặp phải khi thực hiện Chương trình so sánh liên phòng

- Do các bên tham gia (phòng thử nghiệm) Chương trình SSLP có khoảng cách về địa lý nên gặp khó khăn trong việc giao nhận mẫu để thực hiện hiệu chuẩn so sánh liên phòng. Bên cạnh đó, rủi ro bị va chạm/vỡ hỏng, ảnh hưởng đến mẫu so sánh là rất lớn.
- Các bên tham gia (phòng thử nghiệm) thiếu thông tin về các kế hoạch SSLP và các chương trình SSLP do Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia tổ chức và Viện Đo lường Việt Nam điều phối.
- Hiện tại, các Trung tâm Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tại các tỉnh/thành phố trên cả nước chưa được trang bị đầy đủ thiết bị cho các lĩnh vực đo lường nên số đơn vị tham gia SSLP ở một số lĩnh vực còn hạn chế.
- Nhu cầu tham gia SSLP đối với các phòng thử nghiệm về đo lường là rất lớn (nhiều lĩnh vực, nhiều phạm vi...). Trong mỗi lĩnh vực cần đầu tư thêm các Artifacts (mẫu chuẩn so sánh) để có thể thực hiện song song nhiều chương trình, hoặc triển khai chương trình SSLP rộng hơn để ngày càng có nhiều phòng thử nghiệm tham gia. Do đó, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia và Viện Đo lường Việt Nam cũng cần cân nhắc đa dạng hoá các chương trình về lĩnh vực, phạm vi, mô hình tổ chức để hoạt động SSLP thực chất và hiệu quả hơn.



Chuyển giao mẫu chuẩn đo lường cho các đơn vị.

Để xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật đo lường cấp quốc gia và các ngành, lĩnh vực theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng hội nhập quốc tế,... một trong các giải pháp là phải thực hiện việc SSLP. Để làm được điều đó, các tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực đo lường cần chuẩn bị tốt về cơ sở vật chất, nguồn lực, nhân lực để tham gia Chương trình SSLP. Căn cứ vào năng lực hiện có và định hướng phát triển, các tổ chức cần chủ động rà soát theo thông báo về triển khai Chương trình SSLP, hằng năm có thể đăng ký nhu cầu thực hiện SSLP ở các cấp độ khác nhau, trong đó: (i) Cấp quốc gia, đăng ký với Viện Đo lường Việt Nam - tổ chức điều phối; (ii) Cấp cơ sở, đăng ký với các tổ chức (giữ, duy trì, bảo quản và khai thác, sử dụng chuẩn đo lường chính của ngành, lĩnh vực hoặc vùng hoặc địa phương) đã tham gia Chương trình SSLP cấp quốc gia.

Có thể khẳng định, thực hiện SSLP là giải pháp quan trọng giúp duy trì hệ thống chuẩn đo lường quốc gia, đảm bảo độ chính xác và tính liên kết chuẩn đo lường quốc gia của Việt Nam với chuẩn đo lường quốc tế.

33 ngành, lĩnh vực thuộc “Danh mục ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh trọng tâm cần tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3807/QĐ-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Nguồn: TS.Ngô Thị Ngọc Hà - Viện trưởng Viện Đo lường Việt Nam



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

**Định hướng cho Việt Nam trước xu hướng gia tăng tranh chấp về
áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (ngày 10/3)**

Bài viết đề xuất những định hướng cho Việt Nam cần có những biện pháp chiến lược để bảo vệ lợi ích quốc gia và tránh rơi vào thế bị động trước các biến động của thương mại quốc tế.

Những năm gần đây, các tranh chấp trong khuôn khổ WTO về việc áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đang có xu hướng gia tăng. Các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, ngày càng chủ động áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ thị trường nội địa. Vì lý do này, một số nước đang phát triển đã trở thành bị đơn trong các vụ tranh chấp liên quan đến các biện pháp này.

Trước tình hình đó, cơ quan quản lý thương mại của Việt Nam cần xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp và nâng cao năng lực xử lý tranh chấp quốc tế, nhằm đảm bảo việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại tuân thủ quy định của WTO và giảm thiểu rủi ro pháp lý. Do đó, bài viết này đề xuất những định hướng cho Việt Nam cần có những biện pháp chiến lược để bảo vệ lợi ích quốc gia và tránh rơi vào thế bị động trước các biến động của thương mại quốc tế.

1. Khái quát về các biện pháp phòng vệ thương mại

Phòng vệ thương mại (PVTM) là những biện pháp tạm thời mà một quốc gia áp dụng để bảo vệ nền sản xuất trong nước trước hành vi cạnh tranh không công bằng của hàng hóa nhập khẩu. Mục tiêu của các biện pháp này để đảm bảo sự cân đối trong thương mại, bảo vệ lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng trong nước (Brown, 2005).

Theo Điều 67 Luật Quản lý ngoại thương 2017, các biện pháp PVTM bao gồm biện pháp chống bán phá giá, biện pháp chống trợ cấp và biện pháp tự vệ. Các biện pháp này do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam trong những trường hợp cụ thể.



Việc áp dụng các biện pháp PVTM phải phù hợp với những nguyên tắc Việt Nam đã cam kết trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Nhìn chung, để áp dụng các biện pháp này, một nước thành viên WTO phải tuân thủ những quy định hết sức nghiêm ngặt về điều tra và đánh giá thông tin.

Chỉ khi cơ quan quản lý thương mại của một nước thành viên có bằng chứng rõ ràng về hành vi bán phá giá của doanh nghiệp nước ngoài, hành vi trợ cấp của chính phủ nước ngoài hoặc sự gia tăng nhanh của khối lượng nhập khẩu, gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho các ngành sản xuất trong nước thì mới tiến hành áp dụng các biện pháp này. Các biện pháp được phép áp dụng bao gồm thuế nhập khẩu, hạn ngạch nhập khẩu hoặc các biện pháp khác. Việc áp dụng các biện pháp này chỉ mang tính chất tạm thời nhằm khôi phục quan hệ cạnh tranh và tính ổn định của thị trường nội địa.

2. Xu hướng gia tăng tranh chấp về áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại trong WTO

Một xu hướng quan trọng là số lượng tranh chấp liên quan tới việc áp dụng các biện pháp PVTM có sự gia tăng đáng kể trong các năm gần đây. Theo thống kê của tác giả dựa trên danh mục tranh chấp được WTO công bố, tính đến tháng 8/2024, trong số 30 tranh chấp gần nhất (mang số hiệu DS600-DS629), số vụ kiện liên quan tới các biện pháp phòng vệ thương mại là 13/30 vụ.

Đơn cử một số hiệu vụ tranh chấp và vấn đề tranh chấp chính được liệt kê như sau:

DS601: Nhật Bản kiện Trung Quốc về biện pháp chống bán phá giá với các sản phẩm thép không gỉ

DS602: Úc kiện Trung Quốc về biện pháp chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với rượu vang

DS603: Trung Quốc kiện Úc về biện pháp chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với một số sản phẩm

DS605: Costa Rica kiện Cộng hòa Dominica về biện pháp chống bán phá giá đối với thanh thép sóng

DS606: Saudi Arabia kiện Liên minh Châu Âu (EU) về thuế chống bán phá giá tạm thời đối với mono-ethylene glycol

DS614: Argentina kiện Peru về các biện pháp chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với dầu sinh học

DS616: Indonesia kiện EU về thuế chống trợ cấp và thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm thép không gỉ cán nguội phẳng

DS617: Argentina kiện Hoa Kỳ về biện pháp chống bán phá giá đối với hàng hóa ống dầu từ Argentina

DS618: Indonesia kiện EU về thuế chống trợ cấp đối với hàng nhập khẩu dầu sinh học

DS622: Indonesia kiện EU về biện pháp chống bán phá giá đối với axit béo

DS623: Trung Quốc kiện Hoa Kỳ về một số khoản tín dụng thuế theo Đạo luật giảm lạm phát

DS626: Trung Quốc kiện EU về thuế chống trợ cấp tạm thời đối với xe điện chạy bằng pin mới

DS628: EU kiện Trung Quốc về việc khởi xướng điều tra chống trợ cấp đối với hàng nhập khẩu một số sản phẩm từ sữa

Xét về nguyên nhân, sự gia tăng tranh chấp liên quan tới việc áp dụng các biện pháp PVTM trong những năm gần đây bắt nguồn từ một số nhóm nguyên nhân chính sau đây:

Nhu cầu chống bán phá giá và chống trợ cấp

Việc gần một nửa số tranh chấp gần đây tại WTO liên quan đến các biện pháp PVTM cho thấy sự gia tăng nhu cầu sử dụng các công cụ chính sách này. Việc áp dụng các biện pháp này cho thấy các nước đang tập trung bảo vệ ngành sản xuất nội địa trước sự cạnh tranh từ hàng nhập khẩu. Đặc biệt, biện pháp chống trợ cấp là công cụ hiệu quả để ngăn chặn các sản phẩm được chính phủ nước ngoài hỗ trợ, tạo ra lợi thế không chính đáng cho sản phẩm xuất khẩu trên thị trường quốc tế.

Vai trò của thuế quan suy giảm

Một yếu tố quan trọng khác dẫn đến gia tăng tranh chấp về PVTM là sự suy giảm trong vai trò của thuế quan truyền thống. Khi các hiệp định thương mại tự do (FTA) và các cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu trong WTO được áp dụng rộng rãi, mức thuế nhập khẩu bình quân đã giảm xuống đáng kể. Do đó, các quốc gia sẽ gặp khó khăn hơn trong việc bảo vệ ngành công nghiệp nội địa bằng thuế quan.

Trong xu hướng đó, nhiều nước đã chuyển sang áp dụng các biện pháp PVTM để lấp khoảng trống vốn vẫn còn dư địa chính sách. Trong nhiều trường hợp, đây là những biện pháp mang tính bảo hộ trá hình, cho phép các nước bảo vệ ngành sản xuất nội địa mà không vi phạm các cam kết cắt giảm thuế quan.

trong WTO hoặc các thỏa thuận song phương và khu vực.

Cạnh tranh trong các ngành chiến lược và công nghệ cao

Một xu hướng nổi bật trong số các tranh chấp trên là chúng liên quan nhiều đến các ngành công nghệ và sản phẩm chiến lược như xe điện và năng lượng tái tạo. Thí dụ, EU áp thuế tạm thời đối với xe điện từ Trung Quốc (DS626) với lý do xe điện Trung Quốc nhận trợ cấp làm thay đổi điều kiện cạnh tranh. Điều này phần nào cho thấy sự lo ngại của EU trước sức ép từ hàng nhập khẩu và tham vọng phát triển của Trung Quốc trong ngành công nghiệp xe điện.

Tương tự, Úc và Trung Quốc cũng liên tục nảy sinh mâu thuẫn trong các lĩnh vực chiến lược như năng lượng và nguyên liệu thô. Các tranh chấp này không chỉ xoay quanh lợi ích kinh tế mà còn là sự cạnh tranh quyền lực giữa các quốc gia về công nghệ và vị thế thị trường trong tương lai.

Bảo vệ ngành nông nghiệp và năng lượng tái tạo

Các sản phẩm nông nghiệp và năng lượng sạch cũng là tâm điểm của nhiều tranh chấp thương mại. Trung Quốc tiến hành điều tra và áp dụng biện pháp đối kháng đối với rượu vang của Australia (DS602) và các sản phẩm sữa từ EU (DS628). Tương tự, Peru và EU bị kiện vì áp dụng các biện pháp chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với biodiesel nhập khẩu từ Argentina và Indonesia (DS614, DS618).

Xu hướng này phản ánh nỗ lực của các quốc gia trong việc bảo vệ thị phần và chuỗi cung ứng giữa bối cảnh thị trường nông nghiệp và năng lượng sạch đang ngày càng trở nên quan trọng. Việc bảo hộ các sản phẩm nông nghiệp không chỉ nhằm bảo vệ sản xuất trong nước mà còn để đảm bảo an ninh lương thực và kiểm soát nguồn năng lượng trong tương lai.

Căng thẳng địa chính trị và cạnh tranh thương mại

Các tranh chấp gần đây cũng phản ánh rõ sự phức tạp của mối quan hệ địa chính trị giữa các quốc gia. Ví dụ, mâu thuẫn giữa Úc và Trung Quốc đã dẫn đến các cuộc điều tra và vụ kiện liên quan đến sản phẩm và nguyên liệu của nhau (DS602, DS603). Tương tự, EU đối phó với sản phẩm công nghệ từ Trung Quốc vì quan ngại về chính sách trợ cấp của nước này (DS626).

Những tranh chấp này không chỉ là vấn đề thương mại đơn thuần mà còn mang yếu tố chính trị khi các quốc gia cố gắng sử dụng biện pháp thương mại như công cụ ngoại giao, gây sức ép lên đối thủ hoặc bảo vệ lợi ích chiến lược của mình.

Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 cũng đã góp phần làm gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại và tranh chấp thương mại quốc tế. Trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn và kinh tế nội địa gặp nhiều khó khăn, nhiều quốc gia đã tăng cường sử dụng biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ ngành sản xuất trong nước. Hậu quả là sự gia tăng các vụ kiện và tranh chấp tại WTO trong giai đoạn sau đại dịch, đặc biệt khi các quốc gia tìm cách phục hồi kinh tế bằng cách bảo vệ thị trường nội địa và ngăn chặn sự xâm nhập của hàng nhập

khâu giá rẻ.

3. Xu hướng các nước đang phát triển trở thành bị đơn trong các vụ kiện phòng vệ thương mại

Ngoài ra, dường như đang có sự chuyển dịch chuyển về vị trí của các bên tranh chấp. Từ trước tới nay, thông thường hàng hóa đến từ các nước đang phát triển dễ bị các nước phát triển áp thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp hoặc thuế tự vệ. Điều đó đồng nghĩa với việc các nước đang phát triển sẽ là nguyên đơn trong các vụ kiện về phòng vệ thương mại trong khuôn khổ WTO khi cho rằng các nước phát triển áp dụng các biện pháp này thiếu công bằng.

Thời gian gần đây, ngày càng có nhiều vụ kiện về áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại và các nước đang phát triển là bị đơn. Đơn cử, năm 2021, Nhật Bản đã khởi kiện Trung Quốc ra WTO về các biện pháp áp thuế chống bán phá giá mà Trung Quốc áp dụng đối với phôi thép không gỉ, thép cuộn cán nóng và thép tấm cán nóng từ Nhật Bản (DS601).

Cùng năm này, Australia khởi kiện Trung Quốc về biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp mà Trung Quốc áp dụng đối với rượu đóng chai đựng trong thùng từ 2 lít trở xuống nhập khẩu từ Australia (DS602). Trung Quốc và Australia thậm chí có những vụ kiện qua lại liên quan đến vấn đề bán phá giá (DS602 và DS 603).

Việc các nước đang phát triển trở thành bị đơn trong các vụ kiện về áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại cho thấy các biện pháp này không chỉ còn là công cụ được sử dụng phổ biến bởi các nước phát triển nhằm bảo vệ thị trường nội địa. Trước đây, các nước phát triển thường áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại, như thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp, để bảo vệ ngành công nghiệp nội địa khỏi hàng nhập khẩu từ các nước đang phát triển. Tuy nhiên, gần đây, nhiều quốc gia đang phát triển đã chủ động sử dụng chính các biện pháp này để bảo vệ thị trường nội địa, dẫn đến việc trở thành bị đơn trong các tranh chấp tại WTO. Ví dụ, Indonesia đã áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với thép từ EU, dẫn đến vụ kiện DS616.

Khi các nước đang phát triển gia tăng năng lực sản xuất và trở thành các nhà xuất khẩu lớn, họ gặp phải nhiều áp lực bảo vệ ngành công nghiệp nội địa khỏi các sản phẩm nhập khẩu giá rẻ. Điều này khiến các nước này áp dụng nhiều biện pháp phòng vệ, nhưng đồng thời cũng làm gia tăng các vụ kiện từ đối tác thương mại. Ví dụ, Trung Quốc, từ một quốc gia chủ yếu bị áp dụng biện pháp phòng vệ, hiện đã trở thành bị đơn vì các biện pháp thuế chống trợ cấp và bán phá giá đối với các sản phẩm nhập khẩu từ EU và Australia (DS602, DS628).

Một yếu tố khác là các nước đang phát triển học cách phản ứng với các biện pháp bảo hộ mà trước đây nước phát triển áp đặt lên họ. Những quốc gia này áp dụng các biện pháp tương tự để bảo vệ các ngành công nghiệp nội địa đang nổi, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như năng lượng tái tạo và công nghệ. Ví dụ, Trung Quốc điều tra và áp dụng thuế đối với các sản phẩm sữa từ

EU trong vụ DS628, phản ánh nỗ lực cân bằng cạnh tranh thương mại quốc tế. Ngoài ra, còn phải kể đến tác động của chiến lược nội địa hóa sản xuất. Trong bối cảnh các quốc gia đang phát triển thúc đẩy chiến lược nội địa hóa, nhiều ngành công nghiệp nhận được trợ cấp và ưu đãi từ nhà nước. Điều đó dễ dẫn đến tranh chấp, vì các nước khác coi đây là hành vi cạnh tranh không công bằng. Ví dụ, Trung Quốc đang đối mặt với vụ kiện từ EU về trợ cấp xe điện (DS626) do lo ngại rằng các chính sách ưu đãi của Trung Quốc gây lũng đoạn thị trường. Như vậy, sự gia tăng vai trò của các nước đang phát triển trong việc áp dụng các biện pháp PVTM không chỉ là biểu hiện của năng lực sản xuất và xuất khẩu cải thiện, mà còn cho thấy những quốc gia này đã học cách sử dụng các biện pháp thương mại chiến lược. Điều này dẫn đến các tranh chấp PVTM trong đó nước đang phát triển là bị đơn ngày càng nhiều trong hệ thống WTO.

4. Định hướng cho Việt Nam

Trên thực tế, Việt Nam là một quốc gia liên quan đến nhiều vụ kiện về áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại. Tính đến nay, 4/5 vụ tranh chấp của Việt Nam trong khuôn khổ WTO liên quan đến các biện pháp phòng vệ thương mại và trong tất cả các vụ kiện này, Việt Nam đều đóng vai trò nguyên đơn. Điều đó cho thấy hàng hóa của Việt Nam dễ trở thành đối tượng áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại khi xuất khẩu sang một số thị trường, đặc biệt là Hoa Kỳ. Gần đây nhất, Hoa Kỳ đã điều tra và áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm mật ong và thuế chống trợ cấp đối với tôm xuất khẩu từ Việt Nam.

Ở chiều ngược lại, Việt Nam cũng đã áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số mặt hàng nhập khẩu. Ví dụ, Việt Nam đã áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp với đường có xuất xứ từ Thái Lan theo Quyết định số 1578/QĐ-BCT ngày 15/6/2021, với tổng mức thuế là 47,64%, bao gồm 42,99% thuế chống bán phá giá và 4,65% thuế chống trợ cấp. Các biện pháp này có hiệu lực trong vòng 5 năm, đến ngày 15/6/2026. Ngoài ra, theo Quyết định số 691/QĐ-BCT ngày 21/3/2023, sản phẩm thép dài nhập khẩu vào Việt Nam sẽ tiếp tục bị áp thuế tự vệ từ ngày 22/3/2023 đến ngày 21/3/2026, với mức thuế tự vệ khởi điểm 6,3% và giảm dần còn 6,2% và 6,1% vào các năm tiếp theo.

Việt Nam có nguy cơ trở thành bị đơn trong các vụ kiện tại WTO, nếu các quốc gia xuất khẩu cho rằng biện pháp phòng vệ thương mại của Việt Nam vi phạm các quy tắc quốc tế. Để giảm thiểu rủi ro pháp lý, Bộ Công Thương cần thận trọng rà soát các quy định của WTO trong quá trình điều tra và ra quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ. Việc tham gia các vụ kiện tại WTO với tư cách bên thứ ba cũng là cách để tích lũy kinh nghiệm, chuẩn bị cho tình huống bị khởi kiện trong tương lai.

Khi đối mặt với nguy cơ bị đơn trong các vụ kiện phòng vệ thương mại, Việt Nam cần xây dựng hệ thống cảnh báo sớm và theo dõi biện pháp phòng vệ của các đối tác thương mại. Cơ chế này sẽ giúp doanh nghiệp trong nước theo dõi

những thay đổi chính sách của các nước nhập khẩu và điều chỉnh kịp thời hoạt động xuất khẩu để tránh trở thành đối tượng của các biện pháp chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp. Đồng thời, nâng cao năng lực pháp lý cho doanh nghiệp và cơ quan nhà nước là rất cần thiết. Việt Nam cần đào tạo chuyên gia pháp lý trong lĩnh vực thương mại quốc tế và WTO nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đối phó với tranh chấp. Đầu tư vào đội ngũ chuyên gia sẽ giúp Việt Nam tự tin hơn khi tham gia cơ chế giải quyết tranh chấp tại WTO.

Việt Nam cũng cần tăng cường minh bạch và tuân thủ các cam kết quốc tế. Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phải được thực hiện một cách minh bạch và phù hợp với cam kết trong WTO và các hiệp định thương mại tự do (FTA), nhằm giảm thiểu nguy cơ bị cáo buộc trợ cấp không công bằng. Chủ động hợp tác quốc tế và thúc đẩy ngoại giao thương mại cũng là một yếu tố quan trọng. Việt Nam có thể hợp tác với các nước đang phát triển khác để chia sẻ kinh nghiệm và xây dựng mặt trận chung trong các tranh chấp tại WTO. Đồng thời, ngoại giao thương mại cần được đẩy mạnh để thương lượng và giải quyết tranh chấp thông qua con đường ngoại giao, trước khi phải nhờ đến cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO.

Ngoài ra, Việt Nam còn cần đa dạng hóa thị trường và sản phẩm xuất khẩu nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào một số thị trường chính. Việc mở rộng thị trường và đa dạng hóa sản phẩm không chỉ giúp giảm thiểu nguy cơ bị áp dụng các biện pháp phòng vệ, mà còn tăng khả năng cạnh tranh và duy trì sự ổn định trong thương mại quốc tế. Những giải pháp này sẽ giúp Việt Nam không chỉ đối phó hiệu quả với các vụ kiện phòng vệ thương mại mà còn củng cố vị thế trong hệ thống thương mại toàn cầu.

Cuối cùng, trong bối cảnh cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO gặp khủng hoảng, với nhiều tranh chấp bị đình trệ và các quốc gia đối mặt với khó khăn trong thi hành quyết định của cơ quan giải quyết tranh chấp, Việt Nam cần có những biện pháp chiến lược để bảo vệ lợi ích quốc gia và tránh rơi vào thế bị động trước các biến động của thương mại quốc tế.

5. Kết luận

Xu hướng gia tăng các tranh chấp về biện pháp phòng vệ thương mại trong WTO đặt ra thách thức lớn cho Việt Nam, đòi hỏi sự chuẩn bị cẩn trọng. Để ứng phó hiệu quả, Việt Nam cần rà soát quy định nội luật, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế và tăng cường minh bạch trong các biện pháp phòng vệ. Đồng thời, việc đào tạo chuyên gia và phát triển cơ chế cảnh báo sớm sẽ giúp doanh nghiệp chủ động đối phó với rủi ro thương mại. Hợp tác quốc tế và ngoại giao thương mại cũng là công cụ quan trọng để giải quyết tranh chấp, giảm thiểu căng thẳng. Những biện pháp này sẽ giúp Việt Nam không chỉ bảo vệ lợi ích quốc gia mà còn củng cố vị thế trong hệ thống thương mại toàn cầu.

Nguồn: Tạp chí Công Thương



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



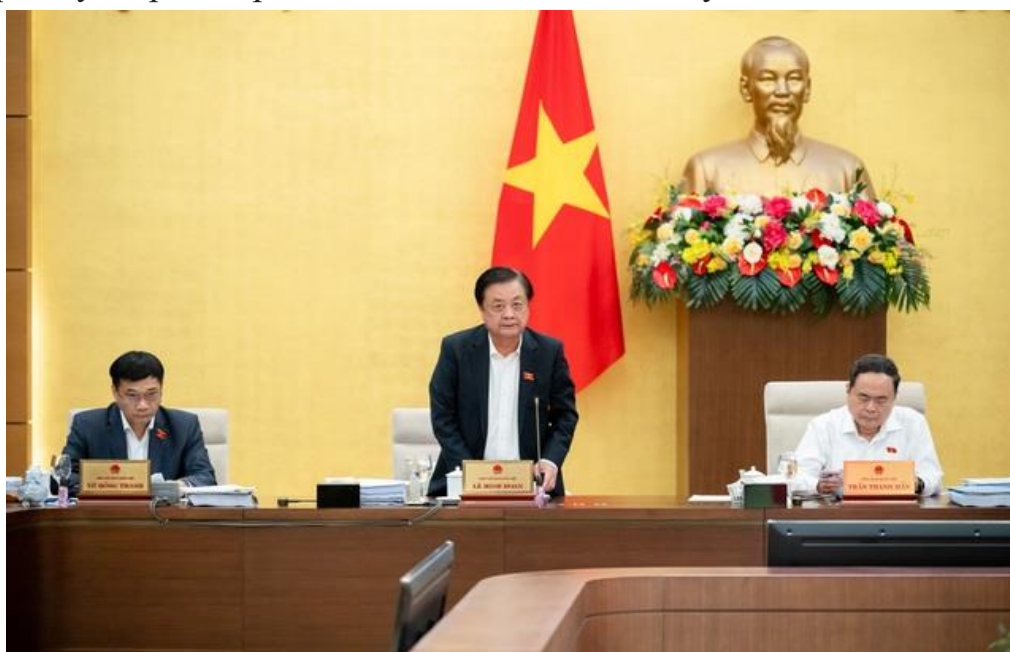
I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

**Tận dụng lợi thế về khoa học công nghệ trong quản lý chất lượng
sản phẩm, hàng hóa**

Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn khẳng định, việc bảo đảm chất lượng hàng hóa tốt sẽ tạo được niềm tin vững chắc cho người dân ở trong nước, khuyến khích người Việt dùng hàng Việt; đồng thời bảo vệ doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đạt mục tiêu hai con số.

Sáng 10/3, dưới sự điều hành của Phó Chủ tịch Quốc hội Lê Minh Hoan, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Lê Xuân Định cho biết, nội dung sửa đổi, bổ sung các điều, khoản tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhằm thể chế hóa thực hiện các chính sách: đổi mới việc xác định sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) và hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa; ứng dụng công nghệ trong quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; tăng cường tính hiệu quả của hoạt động quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đẩy mạnh phân công, phân cấp quản lý để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.



Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Thay mặt cơ quan thẩm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Lê Quang Huy khẳng định, Thường trực Ủy ban tán thành với sự cần thiết sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa với những lý do như đã nêu trong Tờ trình của Chính phủ.

Về chính sách của nhà nước về hoạt động liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Thường trực Ủy ban cho rằng, các chính sách tại Điều 6 dự thảo Luật còn chưa rõ, chưa cụ thể hóa đầy đủ tại các điều khoản cụ thể, dẫn đến khó áp dụng. Thường trực Ủy ban đề nghị cơ quan soạn thảo cần làm rõ nội dung nào ngân sách nhà nước đầu tư, nội dung nào nhà nước hỗ trợ, nội dung nào khuyến khích xã hội hóa; đề nghị bổ sung một số chính sách và luật hóa thành các điều luật trong dự thảo Luật như tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm; quản lý chất lượng đối với sản phẩm hàng hóa trọng điểm, chiến lược quốc gia.

Cũng theo Thường trực Ủy ban, quy định về ứng dụng công nghệ trong việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại Điều 7b dự thảo Luật còn chung chung, chưa thể hiện rõ nội dung trọng tâm trong ứng dụng khoa học và công nghệ để quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với xu hướng mới; chưa làm rõ các cơ chế hỗ trợ (tài chính, kỹ thuật, thuế...), chưa có quy định cụ thể về cách tiếp cận hỗ trợ, thiếu lộ trình và cơ chế thực thi...

Ngoài ra, Thường trực Ủy ban đề nghị cơ quan soạn thảo cần nhắc việc quy định cụ thể về mã số, mã vạch cho sản phẩm, hàng hóa tại dự thảo Luật. Có ý kiến cho rằng, không nên quy định mã số, mã vạch trong dự thảo Luật mà chỉ nên quy định trong các văn bản dưới luật để tạo tính linh hoạt và tăng tính chủ động của Chính phủ. Luật chỉ nên quy định nguyên tắc chung về truy xuất nguồn gốc, số hóa quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa để nâng cao tính minh bạch và quản lý chất lượng, giảm gánh nặng thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

Đóng góp ý kiến vào dự thảo Luật, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn nêu quan điểm: để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hiện nay, Chính phủ nên sửa đổi một số điều của Luật hiện hành và có thể nghiên cứu sửa đổi toàn bộ Luật vào năm 2026. Phạm vi sửa đổi Luật nên tập trung vào 4 nhóm chính sách đã được Quốc hội thông qua.

Ban soạn thảo dự án Luật cần quy định rõ trách nhiệm của các bộ ngành, cơ quan trong quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa dựa trên tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo đảm quyền lợi của các bên để làm sao không bị chồng với các luật chuyên ngành như Luật An toàn thực phẩm, Luật Công nghiệp công nghệ số...

Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn lưu ý, Chính phủ chú trọng đến công tác phân loại, quản lý cũng như kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa ở trong nước và hàng hóa từ nước ngoài xuất khẩu vào Việt Nam. Đặc biệt là phòng chống việc một số nước lấy nhãn mác hàng hóa Việt Nam để mang đi nước khác tiêu thụ, nhập lậu hàng hóa Việt Nam để xuất khẩu đi nước khác...

Việc bảo đảm chất lượng hàng hóa tốt sẽ tạo được niềm tin vững chắc cho người dân ở trong nước, khuyến khích người Việt dùng hàng Việt; đồng thời bảo vệ doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đạt mục tiêu hai con số.

Bên cạnh nâng cao chất lượng sản phẩm và hàng hóa, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn cũng đề nghị cần lưu tâm đến việc đẩy mạnh ứng dụng thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, trí tuệ nhân tạo trong việc truy xuất hàng hóa, giảm thiểu thủ tục hành chính, chi phí cho doanh nghiệp.

Nêu quan điểm tại phiên họp, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật và Tư pháp Hoàng Thanh Tùng cho rằng, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã ban hành từ lâu, dù được sửa đổi vào năm 2018, nhưng vẫn còn một số chồng chéo với các luật khác. Đây là vấn đề mà Chính phủ cần đặt trong tổng thể với các luật khác để tiếp tục rà soát, làm rõ phạm vi điều chỉnh; cần thiết nghiên cứu có sự điều chỉnh toàn bộ dự thảo Luật cho phù hợp.

Phát biểu kết luận phiên họp, Phó Chủ tịch Quốc hội Lê Minh Hoan đề nghị ban soạn thảo và cơ quan thẩm tra tiếp thu đầy đủ ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tiếp tục rà soát, thể chế hóa đầy đủ Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Chỉ thị 38 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Đồng thời, làm rõ nội dung trọng tâm trong ứng dụng khoa học công nghệ để quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, cơ chế tài chính, cách tiếp cận, hỗ trợ lộ trình, tận dụng được lợi thế về khoa học công nghệ trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Rà soát có quy định công bố hợp chuẩn, hợp quy theo hướng áp dụng các công nghệ mới trong quản lý nhằm tiết kiệm chi phí, giảm tối đa thủ tục hành chính, tránh chồng chéo, trùng lặp, bảo đảm sự thống nhất về công bố hợp quy...

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

**Quản lý tinh gọn - ‘chìa khóa’ tiếp cận tiềm năng của
Cách mạng công nghiệp 4.0**

Để đạt mục tiêu xuất sắc trong hoạt động, doanh nghiệp không thể chỉ dựa vào quản lý tinh gọn hoặc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 một cách riêng rẽ. Quản lý tinh gọn là phương pháp cần thiết để ngăn ngừa tự động hóa lãng phí, đồng thời là “chìa khóa” để tiếp cận các tiềm năng của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Hiện nay, việc xây dựng, áp dụng phương pháp quản lý tinh gọn (Lean) được coi là lựa chọn tối ưu cho các nhà lãnh đạo, giúp họ nhanh chóng tối ưu hóa hiệu suất làm việc, thu được lợi nhuận lớn, loại bỏ các yếu tố gây lãng phí và không tạo ra giá trị đối với doanh nghiệp.

Các chuyên gia cho biết, xây dựng phương pháp quản lý tinh gọn trong Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 bao gồm ba giai đoạn chính, đó là: đổi mới, thí điểm và quy mô.

Giai đoạn đổi mới: Để bắt đầu giai đoạn đổi mới, doanh nghiệp phải hình thành sự minh bạch về nhu cầu và thách thức kinh doanh của doanh nghiệp; đánh giá toàn diện, làm rõ hiện trạng và xác định các ưu tiên để cải thiện nhằm áp dụng quản lý tinh gọn trong Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.



Xây dựng, áp dụng phương pháp quản lý tinh gọn giúp tối ưu hóa hiệu suất làm việc. (Ảnh minh họa)

Giai đoạn Pilot - thí điểm: doanh nghiệp thử nghiệm các giải pháp cụ thể

trong một phần của nhà máy hoặc chuỗi cung ứng để áp dụng những kiến thức về quản lý tinh gọn trong Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Mục tiêu của giai đoạn Pilot là nhanh chóng phát triển một giải pháp khả thi và sau đó cải thiện các giải pháp này. Doanh nghiệp tiếp cận các cơ hội để tạo ra giá trị. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp có thể thực hiện triển khai quản lý tinh gọn trong Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tại một số phần khác của nhà máy hoặc chuỗi cung ứng.

Giai đoạn Quy mô: Các giải pháp quản lý tinh gọn trong Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã được thử nghiệm và cải tiến thành công trong các Pilot được áp dụng ở quy mô tại toàn nhà máy và trên toàn chuỗi cung ứng. Tại thời điểm này, doanh nghiệp nên tiến hành triển khai theo trình tự hợp lý cho phép tích hợp các giải pháp hiệu quả khi được triển khai ở quy mô đầy đủ. Tiến trình hướng tới trạng thái mục tiêu cần được theo dõi chặt chẽ.



Quản lý tinh gọn là phương pháp cần thiết để ngăn ngừa tự động hóa lãng phí trong hoạt động sản xuất. (Ảnh minh họa)

Các chuyên gia đánh giá, để đạt mục tiêu xuất sắc trong hoạt động, doanh nghiệp không thể chỉ dựa vào quản lý tinh gọn hoặc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 một cách riêng rẽ. Quản lý tinh gọn là phương pháp cần thiết để ngăn ngừa tự động hóa lãng phí, đồng thời “là chìa khóa” để tiếp cận các tiềm năng của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Công nghệ trong Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 cũng là yếu tố cần thiết để hỗ trợ các công cụ quản lý tinh gọn đạt mức độ tác động cao hơn. Do đó, một doanh nghiệp phải thiết kế sáng tạo để kết hợp các công cụ quản lý tinh gọn và Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, áp dụng quản lý tinh gọn trong cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để trở thành doanh nghiệp phát triển trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

ISO công bố tiêu chuẩn thử nghiệm hệ số chống nắng mới nhất

Cụ thể, Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) đã công bố hai phương pháp mới để đo hệ số chống nắng (SPF) của các sản phẩm mỹ phẩm. Phương pháp đầu tiên là kiểm tra trong các ống thí nghiệm. Còn phương pháp thứ hai là phương pháp lai, cung cấp đánh giá quang học không xâm lấn về khả năng bảo vệ của kem chống nắng trên da người.

Khi các phương pháp này được công bố, ngành công nghiệp có thể sử dụng chúng như phương pháp thay thế cho phương pháp tiêu chuẩn là ISO 24444:2019 hiện tại. Được biết, tiêu chuẩn ISO 24444: 2019, Mỹ phẩm - Phương pháp kiểm tra khả năng chống nắng - xác định hệ số bảo vệ chống nắng (SPF) trên cơ thể sống (con người). Tiêu chuẩn cung cấp các phương pháp đánh giá cho các sản phẩm kem chống nắng bao gồm các khía cạnh: khả năng hấp thụ, phản xạ hoặc phân tán tia cực tím (UV) và chỉ số chống nắng trên cơ thể con người.



ISO công bố hai phương pháp đo chỉ số chống nắng mới nhất

ISO 23675:2024 - Xác định hệ số chống nắng (SPF) trong ống nghiệm. Đây là phương pháp xác định SPF hoặc Double Plate Method (DPM) trong ống nghiệm đã được các thành viên chuyên gia của Cosmetics Europe tư vấn và phát triển. Phương pháp này không đo trực tiếp các chỉ số trên da người, thay vào đó được đo hoàn toàn trong ống nghiệm. Một ưu điểm của phương pháp

này cho kết quả đáng tin cậy về các chỉ số chống nắng.

Tiêu chuẩn DPM áp dụng cho các sản phẩm kem chống nắng dạng nhũ tương hoặc dạng lỏng, không bao gồm dạng bột hoặc dạng thổi rời hoặc nén hay còn gọi là thể rắn. Tuy nhiên, nhược điểm lớn nhất là phương pháp này không áp dụng để xác định khả năng chống nước của sản phẩm chống nắng.

Phương pháp tiêu chuẩn thứ hai là ISO 23698:2024 - Đo hiệu quả của kem chống nắng bằng phương pháp quang phổ phản xạ khuếch tán.

Phương pháp quang phổ phản xạ khuếch tán lai (HDRS) là một quá trình xác định chỉ số SPF, hệ số bảo vệ UVA và bước sóng bảo vệ quan trọng của các sản phẩm kem chống nắng mà không cần phản ứng sinh học trên da người.

Phương pháp này có thể áp dụng cho các sản phẩm dạng lỏng, nhưng chưa được đánh giá để sử dụng cho các sản phẩm kem chống nắng dạng bột. HDRS đưa ra các thông số kỹ thuật để xác định đặc tính hấp thụ quang phổ tuyệt đối của sản phẩm kem chống nắng trên da nhằm ước tính khả năng chống cháy nắng và tia UVA.

Đây được xem là hai phương pháp mới và tiên tiến nhất hiện nay, cho phép các doanh nghiệp sản xuất kem chống nắng có thể áp dụng để cho ra kết quả tốt nhất về chỉ số chống nắng áp dụng trong từng sản phẩm. Ngoài ra, các chuyên gia tham gia tư vấn tiêu chuẩn này cho biết, các nhà sản xuất cần ghi chú rõ ràng phương pháp áp dụng trên bao bì từng sản phẩm để đảm bảo tính minh bạch và tin cậy của người tiêu dùng.

Nguồn: tieuchuan.vsqi.gov.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Công cụ KPI giúp doanh nghiệp đo lường và đánh giá hiệu quả công việc

KPI là công cụ đo lường, đánh giá hiệu quả công việc được thể hiện qua số liệu, tỷ lệ, chỉ tiêu định lượng, nhằm phản ánh hiệu quả hoạt động của các tổ chức, bộ phận chức năng hay cá nhân.



KPI là công cụ đo lường và đánh giá hiệu quả công việc, được thể hiện qua số liệu cụ thể. (Ảnh minh họa)

KPI là viết tắt tiếng anh của Key Performance Indicator có nghĩa là chỉ số đánh giá thực hiện công việc, là công cụ đo lường, đánh giá hiệu quả công việc được thể hiện qua số liệu, tỷ lệ, chỉ tiêu định lượng, nhằm phản ánh hiệu quả hoạt động của các tổ chức hoặc bộ phận chức năng hay cá nhân. Các tổ chức, doanh nghiệp thường sử dụng KPI ở nhiều cấp độ khác nhau để đánh giá mức độ thành công của họ đối với mục tiêu đề ra từ trước. KPI ở level cao sẽ tập trung vào các chỉ số, mục tiêu chung của toàn doanh nghiệp. Ngược lại, KPI ở level thấp được sử dụng cho các hệ thống quy trình, cá nhân, phòng ban, nhằm đánh giá hiệu suất những công việc, tiến trình đơn lẻ.

Đánh giá về vai trò của KPI đối với doanh nghiệp, các chuyên gia cho biết, KPI giúp theo dõi hiệu suất làm việc của nhân viên trực quan, minh bạch, chính xác cũng như đề ra chế độ lương thưởng, kỷ luật phù hợp. Nâng cao hiệu quả quy trình nghiệm thu thực hiện công việc.

Đảm bảo mục tiêu, tầm nhìn có thể được hoàn thành đúng như kỳ vọng. Đối

với nhân viên, KPI giúp nhân viên hiểu được mức độ hoàn thành công việc so với mục tiêu đề ra; tạo động lực làm việc, hướng tới thực hiện mục tiêu; phát hiện ra các khiếm khuyết nếu chậm tiến độ thực hiện nhiệm vụ để cải thiện kịp thời.

Cho đến nay, việc đánh giá hiệu quả kinh doanh một cách toàn diện bằng công cụ KPI đã được nhiều doanh nghiệp trong nước chú trọng. Một số doanh nghiệp đã ứng dụng KPI có thể kể tới như: Giấy Sài Gòn, Ngân hàng ACB, ICP, Kinh Đô, Searefico, Tân Hiệp Phát,...

Một trong những doanh nghiệp ứng dụng KPI thành công đầu tiên tại Việt Nam là Công ty CP Cơ điện lạnh Thủy sản (Searefico). Sau khi thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp và cổ phần hóa, Searefico đã xây dựng chiến lược kinh doanh và áp dụng KPI trong quản lý. Chỉ sau 2 năm, năng suất lao động của công ty này (lợi nhuận/đầu người) đã tăng lên trên 50% và công ty chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán HoSE.

Hay nhờ áp dụng KPI, chỉ số KPI đã ghi nhận tác động tích cực đến hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC). Bên cạnh khắc phục những hạn chế trong mô hình trước đây, nâng cao lợi thế cạnh tranh, giảm sự chông chéo giữa các bộ phận, MIC đã tăng vốn điều lệ lên 800 tỷ đồng, doanh thu bảo hiểm tăng hơn 23,2%, cao hơn 7% so với mức tăng doanh thu bình quân của thị trường bảo hiểm...



KPI giúp theo dõi hiệu suất làm việc của nhân viên trực quan, minh bạch, chính xác. (Ảnh minh họa)

Các chuyên gia cho biết, để hoàn thiện công tác triển khai KPI cần qua 4 bước như sau: đo lường, phân tích, giải pháp và điều chỉnh.

Thứ nhất là đo lường: Nếu có thể, bộ phận thực hiện đo lường nên được thực hiện độc lập để số liệu có tính khách quan, chính xác. Chẳng hạn việc đo lường tỷ lệ lỗi của sản phẩm cần được thực hiện bởi đơn vị độc lập với bộ

phần sản xuất, ví dụ như bởi Phòng Kiểm định (nhiều nơi gọi là Phòng KCS).

Mục tiêu đưa ra có thể định lượng, đo lường chính xác bằng con số, diễn ra thường xuyên. Nói cách khác, việc đo lường có tần suất, ví dụ hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng; luôn gắn với một nhân viên hoặc bộ phận cụ thể và thể hiện sự thành công có ý nghĩa then chốt của chủ thể.

Thứ hai là phân tích kết quả: Sau khi có kết quả KPI, các chỉ số phản nản của khách hàng, cần xác minh được chính xác nguồn gốc của những lỗi đó. Những lỗi này do phòng ban nào liên quan, nguồn gốc xuất phát từ những lỗi này.

Thứ ba là giải pháp: Người đứng đầu mỗi tổ chức có trách nhiệm giám sát việc thực hiện theo dõi KPI, cùng nhân viên đánh giá và đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả ứng với từng KPI. Cụ thể là thời gian để thực hiện giải pháp đó, ai chịu trách nhiệm thực hiện cho từng phần công việc.

Thứ tư là điều chỉnh/cải tiến: Các nhà quản lý có trách nhiệm giám sát, đánh giá lại và cải tiến các tiêu chuẩn được đề ra và đề xuất các yêu cầu về nguồn nhân lực, tài chính, công cụ và trang thiết bị cần thiết để làm cho các nhiệm vụ hiệu quả hơn.

Nhìn chung, việc nâng cao hiệu quả vận dụng KPI trong hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp là vô cùng quan trọng. Tuy nhiên cần lưu ý, trong bối cảnh hiện nay, doanh nghiệp cũng có thể nghiên cứu kết hợp đồng thời KPI và các công cụ cải tiến khác để đạt các mục tiêu khác nhau nhưng lại có thể tương hỗ được với nhau.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

**Hàng hóa thuộc nhóm 2 ở mức rủi ro thấp,
doanh nghiệp có thể tự công bố hợp quy**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa đang được tập trung hoàn thiện nhấn mạnh cách tiếp cận quản lý dựa trên mức độ rủi ro, nếu hàng hóa thuộc nhóm 2 ở mức rủi ro thấp, doanh nghiệp có thể tự công bố hợp quy.

Hướng tới hội nhập và chuyển đổi số toàn diện

Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại quốc tế đã đặt ra yêu cầu cấp bách về việc xây dựng một hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Theo phát biểu của Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Lê Xuân Định tại Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách lần thứ 7, khóa XV, Dự Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhằm đáp ứng yêu cầu Việt Nam tham gia Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); đảm bảo thông thương quốc tế, bảo vệ, tạo điều kiện cho sản xuất trong nước. Đồng thời, cũng là điều kiện để thiết lập hàng rào kỹ thuật, cân bằng lợi ích, đảm bảo hài hòa lợi ích của quốc gia, dân tộc với lợi ích của doanh nghiệp....

Trước hết, việc thiết lập hàng rào kỹ thuật thông qua quy định mới giúp cân bằng lợi ích của quốc gia, dân tộc với lợi ích của doanh nghiệp. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia phải phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại quốc tế. Đồng thời, hệ thống này còn là nền tảng để doanh nghiệp có thể cạnh tranh trên thị trường toàn cầu.

Bên cạnh đó, chính quyền cũng đang chủ động đẩy mạnh công tác số hóa trong quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Thay vì áp dụng những quy trình thủ tục hành chính công kênh, các cơ quan quản lý đã nghiên cứu và đề xuất cách tiếp cận mới, cho phép doanh nghiệp khai báo, cập nhật thông tin về chất lượng sản phẩm trực tiếp trên hệ thống số. Điều này không chỉ giúp giảm thời gian, chi phí mà còn tạo ra một kênh thông tin minh bạch, mở cho người dân và doanh nghiệp cùng tham gia giám sát.

Việc chuyển đổi số trong quản lý chất lượng còn thể hiện qua việc áp dụng các công nghệ mới, giúp doanh nghiệp tự công bố các tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm của mình. Theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, sản phẩm nhóm 1 được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn do người sản xuất tự công

bố, trong khi sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 phải dựa trên quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước ban hành. Tuy nhiên, với cách tiếp cận mới, nếu mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được đánh giá là thấp, doanh nghiệp có thể tự công bố hợp quy trên môi trường số sau khi điền đầy đủ các trường thông tin cần thiết.



“Hàng hóa nhóm 2 theo quy định mới, cách tiếp cận mới, nếu ở mức độ rủi ro thấp thì doanh nghiệp có thể tự công bố hợp quy của mình. Hiện nay theo cách tiếp cận chuyển đổi số, doanh nghiệp có thể chủ động tự làm ngay trên môi trường số và sau khi doanh nghiệp điền hết tất cả các trường thông tin về việc công bố hợp quy, giúp lược bỏ thủ tục hành chính này và giảm chi phí...”

- Thứ trưởng Lê Xuân Định -

Cũng theo Thứ trưởng Lê Xuân Định, việc ban hành Luật còn nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng theo tinh thần Nghị quyết 57 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; thực hiện việc thể chế hóa Chỉ thị số 38 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo. Theo đó, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã bổ sung thêm một chính sách về chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm trên môi trường số đảm bảo công khai, minh bạch, đồng bộ,...

Cùng với đó, chính sách mới còn hướng tới việc đảm bảo an toàn người tiêu dùng. Dù doanh nghiệp được phép tự công bố hợp quy nếu sản phẩm, hàng hóa thuộc nhóm 2 có mức độ rủi ro thấp, nhưng quá trình đánh giá tác động của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia vẫn phải được tiến hành một cách nghiêm ngặt. Bộ, ngành có trách nhiệm phải tổ chức đánh giá tác động của quy chuẩn đối với người dân, doanh nghiệp và các hiệp hội liên quan. Việc này đảm bảo rằng các quy định được ban hành không chỉ phù hợp với thực tiễn sản xuất, mà còn đảm bảo an toàn, không gây ra rủi ro tiềm ẩn cho người tiêu dùng.

Hơn nữa, việc áp dụng công nghệ số trong quản lý chất lượng sản phẩm còn giúp nâng cao hiệu quả giám sát, kiểm tra. Trên môi trường số, các cơ quan quản lý có thể dễ dàng truy xuất, đối chiếu thông tin từ doanh nghiệp, đồng

thời cho phép người dân và các tổ chức giám sát tham gia một cách trực tiếp. Điều này tạo ra một hệ thống thông tin mở, khuyến khích sự minh bạch và trách nhiệm của các bên liên quan. Qua đó, việc kiểm soát chất lượng hàng hóa không chỉ dừng lại ở khâu kiểm tra, giám sát truyền thống mà còn mở rộng ra toàn bộ chuỗi cung ứng, từ sản xuất đến tiêu thụ.

Nếu rủi ro thấp vẫn cho phép tự công bố hợp quy

Trong khuôn khổ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa sửa đổi, hàng hóa được chia thành hai nhóm dựa trên khả năng gây mất an toàn: Nhóm 1 và Nhóm 2. Đối với hàng hóa nhóm 1, quản lý chất lượng chủ yếu dựa trên tiêu chuẩn do người sản xuất tự công bố áp dụng. Tuy nhiên, đối với hàng hóa nhóm 2 – bao gồm các sản phẩm có nguy cơ gây mất an toàn nhưng nếu được đánh giá ở mức rủi ro thấp thì vẫn cho phép tự công bố hợp quy – cơ quan quản lý nhà nước đã đề ra cách tiếp cận mới nhằm giảm bớt thủ tục hành chính và chi phí cho doanh nghiệp.

Cách tiếp cận mới này được xây dựng trên nền tảng chuyển đổi số toàn diện. Doanh nghiệp, sau khi xác định mức độ rủi ro của sản phẩm, có thể trực tiếp điền đầy đủ các trường thông tin cần thiết trên hệ thống số do cơ quan quản lý nhà nước cung cấp. Quá trình này giúp doanh nghiệp tự công bố hợp quy nếu sản phẩm thuộc nhóm 2 đạt yêu cầu về mức độ an toàn thấp. Việc áp dụng công nghệ số trong quy trình này không chỉ rút ngắn thời gian làm thủ tục mà còn tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiết kiệm chi phí và tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi.

Đề cụ thể hóa, theo Quyết định số 2711/QĐ-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ, hiện nay có 11 sản phẩm, hàng hóa thuộc nhóm 2 nằm trong danh mục quản lý của Bộ. Danh mục này bao gồm:

- 1) Xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học;
- 2) Khí dầu mỏ dạng hóa lỏng (LPG);
- 3) Mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy;
- 4) Đồ chơi trẻ em (về an toàn đồ chơi trẻ em);
- 5) Thiết bị điện và điện tử (an toàn điện);
- 6) Thiết bị điện và điện tử (tương thích điện từ);
- 7) Thép làm cốt bê tông;
- 8) Thép các loại (bao gồm các loại thép thuộc Phụ lục II và Phụ lục III Thông tư liên tịch số 58/2015/TT-BCT-BKHCN);
- 9) Dầu nhờn động cơ đốt trong;
- 10) Sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED;
- 11) Thép không gỉ.

Các sản phẩm này, đối với hàng hóa nhập khẩu, được quản lý qua việc kiểm tra nhà nước về chất lượng trước hoặc sau khi thông quan tùy theo quy định cụ thể. Đối với sản phẩm sản xuất trong nước, quy định quản lý được áp dụng qua các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, kết hợp với tiêu chuẩn do

người sản xuất tự công bố. Theo Điều 23 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, việc tự công bố tiêu chuẩn áp dụng phải tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước ban hành, đảm bảo rằng thông tin trên bao bì, nhãn mác hay tài liệu kèm theo không trái với các quy định hiện hành.

Thứ trưởng Lê Xuân Định nhấn mạnh: “Đã là hàng hóa nhóm 2 thì phải được kiểm soát, giám sát, nhưng sự kiểm soát đó cần được thực hiện trên môi trường số nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và cho phép người dân cũng như doanh nghiệp tham gia giám sát.”

Sự kết hợp giữa chuyên đổi số và cải cách hành chính không chỉ giúp tăng cường hiệu quả quản lý mà còn mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp chủ động hơn trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Ban hành tài liệu hướng dẫn truy xuất nguồn gốc: Minh bạch chuỗi cung ứng đối với cơ sở và sản phẩm chăn nuôi

Trong xu thế hội nhập và số hóa ngành nông nghiệp, việc thiết lập một hệ thống truy xuất nguồn gốc (TXNG) hiệu quả, đồng bộ và phù hợp với chuẩn mực quốc tế ngày càng trở nên cấp thiết. Nhằm cụ thể hóa yêu cầu đó trong lĩnh vực chăn nuôi, ngày 28/02/2025, Cục Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) đã chính thức ban hành tài liệu số 64/QĐ – CN-KHCNMT&HTQT: “Hướng dẫn truy xuất nguồn gốc đối với cơ sở chăn nuôi và sản phẩm chăn nuôi”.

Đây là bước đi quan trọng nhằm thiết lập nền tảng truy xuất nguồn gốc minh bạch, có tính hệ thống trong toàn ngành, góp phần nâng cao chất lượng, an toàn và khả năng cạnh tranh của sản phẩm chăn nuôi Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.

Tài liệu hướng dẫn được áp dụng đối với cơ sở chăn nuôi, các tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi cung ứng và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi như: cơ sở giết mổ, cơ sở sơ chế, chế biến, cơ sở đóng gói và phân phối sản phẩm chăn nuôi. Đây cũng là tài liệu tham chiếu quan trọng dành cho các đơn vị quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương, đơn vị cung cấp giải pháp truy xuất nguồn gốc, tổ chức chứng nhận và các bên có liên quan trong triển khai hoạt động truy xuất nguồn gốc tại Việt Nam.

Việc ban hành tài liệu này mang lại nhiều lợi ích thiết thực:

Thứ nhất, nó tạo ra khuôn khổ thống nhất giúp các cơ sở chăn nuôi và doanh nghiệp thực hiện TXNG một cách rõ ràng, nhất quán.

Thứ hai, tài liệu góp phần cải thiện khả năng quản lý và giám sát chất lượng sản phẩm của cơ quan quản lý nhà nước.

Thứ ba, giúp tăng niềm tin của người tiêu dùng đối với các sản phẩm chăn nuôi có nguồn gốc rõ ràng, đặc biệt trong bối cảnh thị trường ngày càng yêu cầu cao về minh bạch và an toàn thực phẩm.



Điểm đáng chú ý và có tính đột phá của tài liệu này là việc tuân thủ chặt chẽ theo các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về truy xuất nguồn gốc do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Cụ thể, tổ chức, cá nhân thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi sử dụng các loại mã truy vết, vật mang dữ liệu đảm bảo phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13274:2020 Truy xuất nguồn gốc - Hướng dẫn định dạng các mã dùng trong truy vết và Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13275:2020 Truy xuất nguồn gốc - Định dạng vật mang dữ liệu. Đây là hai tiêu chuẩn quốc gia thuộc nhóm tiêu chuẩn về truy xuất nguồn gốc, giúp chuẩn hóa quy trình nhận diện và truy vết sản phẩm trong suốt chuỗi cung ứng.

Không chỉ áp dụng các tiêu chuẩn, hệ thống TXNG trong tài liệu hướng dẫn còn tích hợp việc sử dụng mã số định danh địa điểm toàn cầu do GS1 Việt Nam – Trung tâm Mã số Mã vạch Quốc gia cấp. Việc tích hợp này không chỉ giúp xác định chính xác cơ sở, lô hàng và sản phẩm trong toàn bộ chuỗi cung ứng mà còn đảm bảo tính tương thích quốc tế, tạo thuận lợi cho việc kết nối dữ liệu, trao đổi thông tin và kiểm soát sản phẩm trong thương mại xuyên biên giới.

Nguồn:Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Tiêu chuẩn dẫn đường, đo lường là đánh giá, chất lượng là niềm tin

Tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng phải làm cho các tổ chức, doanh nghiệp thấy đây là đòn bẩy nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo uy tín cho họ thay vì là chi phí tuân thủ.



Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Nguyễn Mạnh Hùng: Tiêu chuẩn là công cụ quan trọng, động lực thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST và CDS.

Triết lý về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng

Tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng (TĐC) liên quan tới quan điểm về phát triển, quản trị và đổi mới của một quốc gia. Dựa vào quan điểm phát triển, quản trị và đổi mới của Đảng và Nhà nước mà làm TĐC.

TĐC phải làm cho các tổ chức, doanh nghiệp thấy đây là đòn bẩy nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo uy tín cho họ thay vì là chi phí tuân thủ.

TC là dẫn đường. Là phương tiện dẫn dắt, kéo doanh nghiệp, dẫn đường doanh nghiệp, dẫn đường quốc gia. TC không chỉ là khuôn khổ kỹ thuật, mà phải đóng vai trò định hướng phát triển công nghệ, sản phẩm, thị trường. Quốc

gia muốn tới đâu thì dùng TC để dẫn quốc gia tới đó. Quy chuẩn là sàn, cần dựa trên thực tiễn Việt Nam để ban hành. TC là đỉnh, là cái phải tiến tới, cần dựa vào TC quốc tế để ban hành. Quản lý lĩnh vực này thì phải vừa nhìn gần vừa phải nhìn xa.

Phải xây dựng được văn hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu, đo để ra quyết định, để cải tiến, đo là để cho mình ra quyết định đúng, cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ của mình, không phải cho Nhà nước, không phải chi phí tuân thủ, mà nó giống như hoạt động nghiên cứu phát triển. Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng

Đo lường để phục vụ cho đánh giá, ra quyết định, để chứng minh. Vì người châu Á chưa trọng số liệu, cảm tính nhiều, nên Nhà nước phải có vai trò lớn trong giai đoạn đầu về đo lường. Phải xây dựng được văn hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu, đo để ra quyết định, để cải tiến, đo là để cho mình ra quyết định đúng, cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ của mình, không phải cho Nhà nước, không phải chi phí tuân thủ, mà nó giống như hoạt động nghiên cứu phát triển. Xây dựng hệ sinh thái đo lường đáng tin cậy, dễ dàng tiếp cận, phục vụ mọi cấp ra quyết định, từ người dân, doanh nghiệp tới Nhà nước, mà Nhà nước phải là đầu tiên. Quy định mọi chính sách công đều phải có chỉ số đầu ra và công cụ đo lường. Hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận dễ dàng với dịch vụ đo lường-thử nghiệm-đánh giá đạt chuẩn quốc tế, với chi phí hợp lý.

Chất lượng tạo niềm tin. Chất lượng bao gồm đánh giá và thực thi quản lý chất lượng. Chất lượng là uy tín, là danh dự và tự hào (nhấn mạnh vào văn hóa trọng danh dự của người Việt Nam), là yếu tố cạnh tranh số 1, là sinh tồn của doanh nghiệp, là sự phát triển bền vững, là bảo vệ người tiêu dùng, cân bằng giữa tự nguyện và bắt buộc, xây dựng chất lượng phải từ khâu đầu tiên hình thành ra sản phẩm.

Phần dưới đây, khi nói về tiêu chuẩn (TC) hay tiêu chuẩn hóa (TCH) đều có ý là nói về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

Tư tưởng cốt lõi về tiêu chuẩn hóa

TC là nền tảng kỹ thuật cho các hoạt động KT-XH, là một bộ phận của hệ thống thể chế quốc gia. TC đóng vai trò nền tảng và dẫn dắt trong công cuộc CNH, HĐH, trong hệ thống quản trị quốc gia và năng lực quản trị quốc gia.

TC là công cụ quan trọng, động lực thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ (KH-CN), đổi mới sáng tạo (ĐM-ST) và chuyển đổi số (CĐ-S). Ngược lại, phát triển KH-CN, ĐM-ST và CĐ-S cũng sẽ giúp phát triển TCH.

Tiêu chuẩn hỗ trợ và thúc đẩy đổi mới công nghệ cao, phát triển chất lượng cao, hiện đại hóa đất nước, thực hiện khát vọng hóa rồng. Quốc gia muốn phát triển theo hướng nào thì dùng tiêu chuẩn để dẫn dắt quốc gia theo hướng đó. Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng

TC hỗ trợ và thúc đẩy đổi mới công nghệ cao, phát triển chất lượng cao, hiện đại hóa đất nước, thực hiện khát vọng hóa rồng. TC hỗ trợ và thúc đẩy hội

nhập.

Quốc gia muốn phát triển theo hướng nào thì dùng TC để dẫn dắt quốc gia theo hướng đó.

Bởi vậy, TC phải toàn diện, bao phủ tất cả 5 lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, bao phủ tất cả các ngành.

TC hóa thì lấy Nhà nước định hướng, thị trường là chủ đạo, doanh nghiệp là trung tâm, xã hội tham gia tích cực.

Chuyển đổi công tác TCH: Từ Nhà nước dẫn dắt sang cân bằng giữa Nhà nước và thị trường, đẩy mạnh xã hội hóa, mở rộng TC từ công nghiệp là chủ yếu sang toàn bộ nền kinh tế, chuyển từ số lượng sang chất lượng.

Nhằm vào mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát triển chất lượng cao, dựa trên KHCN, ĐMST và CDS, thúc đẩy các mô hình phát triển mới, tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Làm TC thì đầu tiên là làm TC cho ngành TĐC.

Chiến lược quốc gia đang tập trung vào đâu, trọng tâm của Đảng, Nhà nước đang tập trung vào đâu, xã hội có vấn đề nổi cộm gì thì TCH tập trung vào đó. Lúc này là: Tăng trưởng 2 con số; tăng trưởng chất lượng cao; tăng trưởng dựa trên KHCN, ĐMST và CDS; làm chủ các công nghệ chiến lược; phát triển các ngành công nghiệp chiến lược; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; tinh gọn bộ máy (giảm bộ, giảm tỉnh, giảm xã, bỏ huyện); giải quyết vấn đề của 2 đô thị có độ nén cao là HN và TPHCM; ô nhiễm môi trường; nhà máy điện hạt nhân; năng lượng xanh; nâng cao năng lực quản trị quốc gia; đào tạo nhân lực chất lượng cao.



Tiêu chuẩn là đặt ra yêu cầu. Đo lường là thu thập dữ liệu liên quan đến tiêu chuẩn. Chất lượng là đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn và thực thi việc tuân thủ

tiêu chuẩn.

Làm TC là để nó đi vào cuộc sống được. Vậy phải đo lường được việc này, TĐC phải coi đây là mục tiêu của TCH.

TCH là để góp phần phát triển đất nước, góp phần tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng cuộc sống người dân. Vậy, cũng phải đo lường được tác động này.

Xây dựng chỉ tiêu đầu ra cho mọi chính sách và đo lường, công bố công khai là yêu cầu của quản trị quốc gia.

Về mối quan hệ tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng

Tiêu chuẩn (TC) là đặt ra yêu cầu. Đo lường (ĐL) là thu thập dữ liệu liên quan đến TC. Chất lượng (CL) là đánh giá sự phù hợp TC và thực thi việc tuân thủ TC.

Thực ra còn một công đoạn nữa là cải tiến chất lượng.

Tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng là Plan-Do-Check-Act. Plan là làm tiêu chuẩn. Do là tạo ra sản phẩm/dịch vụ. Check là đo lường, đánh giá. Act là quản lý chất lượng (giám sát, xử lý, cải tiến). Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng

Nếu nhìn theo góc nhìn này thì TĐC là Plan-Do-Check-Act. Plan là làm TC. Do là tạo ra sản phẩm/dịch vụ. Check là đo lường, đánh giá. Act là quản lý chất lượng (giám sát, xử lý, cải tiến). Khi đó TĐC là một khâu khép kín, liên tục hoàn thiện. Nếu không tư duy theo cách này thì TĐC không bao giờ tốt lên được. TĐC hiện nay đang là các khâu rời rạc.

Về đo lường. Trong 3 khâu trên thì DL có lẽ là khâu yếu nhất. Hạ tầng về đo lường, thử nghiệm, kiểm định còn thiếu và yếu, nhất là ở địa phương. Đo lường hiệu quả chính sách là khâu rất yếu, còn sơ sài, mang tính hình thức nên rất thiếu dữ liệu tin cậy. Thiếu hoạt động đánh giá độc lập của bên thứ 3, thiếu niềm tin xã hội vào kết quả đánh giá. Doanh nghiệp ít sử dụng đo lường để đánh giá sản phẩm của mình, mà đánh giá cảm tính, trực quan là nhiều, ít dựa vào số liệu. Đây là đặc điểm văn hóa. Muốn sửa nó thì phải có cách. Thí dụ, các chỉ số đưa ra phải trực quan, gần gũi, dễ cảm nhận, như thời gian chờ khám bệnh trung bình để hiểu hơn chất lượng dịch vụ y tế. Tích hợp DL vào quy trình, vào trong hành động, để không thể làm tiếp nếu không tiến hành đo lường. Công bố chất lượng thông qua các con số đo lường. Truyền thông DL là để làm cho mình tốt lên, không phải cho quản lý nhà nước, không phải chi phí tuân thủ mà là chi phí NCPT.

Về chất lượng. Chất lượng thì ngoài đánh giá sự phù hợp, còn một khâu rất quan trọng là thực thi việc tuân thủ các TC (hoặc quy chuẩn) chất lượng đã được xác lập từ trước. Chất lượng liên quan nhiều đến người tiêu dùng, người dân. Việc bảo vệ người tiêu dùng phải là nội dung quan trọng trong Luật Chất lượng. Phải bảo vệ người tiêu dùng tốt hơn. Doanh nghiệp phải có cơ chế bồi thường rõ ràng nếu có lỗi. Cơ chế kiện tập thể khi có vi phạm lớn về chất lượng. Cần nhắc có quỹ bảo vệ người tiêu dùng.

Quản lý chất lượng là kiểm soát chất lượng. Tăng cường giám sát thực thi, kiểm tra chất lượng nghiêm hơn, siết chặt hàng hóa nhập khẩu, hàng trên sàn TMĐT, hàng kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái. Nhà nước đầu tư hệ thống giám sát mạnh hơn, đặc biệt đối với các sản phẩm có rủi ro cao như thực phẩm, dược phẩm. Sàn TMĐT phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm bán trên sàn.

Xử lý vi phạm nghiêm minh hơn, nâng cao mức phạt để răn đe (hàng chục tỷ), vi phạm nghiêm trọng là phạt tù. Vi phạm nhiều lần là cấm kinh doanh, bổ sung hình phạt rút giấy phép kinh doanh, công khai danh sách doanh nghiệp vi phạm để bảo vệ người tiêu dùng.

Chất lượng thì không chỉ là chất lượng sản phẩm, hàng hóa mà còn chất lượng dịch vụ, chất lượng quản trị quốc gia. Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng

Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tuân thủ chất lượng, nhất là doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp xuất khẩu. Hỗ trợ hoạt động chứng nhận TC, kiểm định sản phẩm, hướng dẫn, hỗ trợ tài chính, ưu đãi thuế cho doanh nghiệp đầu tư vào hệ thống kiểm soát chất lượng, tài trợ chi phí chứng nhận tiêu chuẩn ISO, JIS cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, khấu trừ thuế cho các chi phí kiểm tra chất lượng.

Chất lượng thì không chỉ là chất lượng sản phẩm, hàng hóa mà còn chất lượng dịch vụ, chất lượng quản trị quốc gia.

Mục tiêu của tiêu chuẩn

Nâng cao gấp đôi trình độ TCH. Thời gian xây dựng 1 TC quốc gia xuống dưới 12 tháng. hài hòa TC quốc tế thì nhanh hơn nữa.

Tăng mức độ mở của TC. Tỷ lệ hài hòa TC quốc tế từ 60% lên 80%.

Mối quan hệ giữa tiêu chuẩn và khoa học công nghệ/đổi mới sáng tạo/chuyển đổi số

TCH các hoạt động KHCN, ĐMST và CDS.

Xây dựng TC trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ mới. TCH trong các lĩnh vực AI, tính toán lượng tử, công nghệ sinh học, IT, CNS, dữ liệu lớn, chuỗi khối, y tế, năng lượng mới, đường sắt cao tốc, năng lượng hạt nhân, robot, xe điện, xe tự lái.

Nâng cao chất lượng TC thông qua đổi mới công nghệ làm TC. Tăng chi KHCN cho nghiên cứu TC, coi TC như một bộ phận của KHCN/ĐMST/CDS. Tăng đầu tư công nghệ cho công tác tiêu chuẩn. Xây dựng các nền tảng số dùng chung cho công tác TC.

Hoàn thiện cơ chế chuyển đổi kết quả KHCN thành TC. Hoàn thiện cơ chế đánh giá và hỗ trợ của Nhà nước trong quá trình chuyển đổi kết quả KHCN thành TC, thúc đẩy TC hóa đối với các lĩnh vực như quản lý công nghệ, dịch vụ đánh giá kết quả KHCN.

Tiêu chuẩn hóa một số ngành ưu tiên

1- Ngành công nghiệp. TCH để củng cố nền tảng phát triển các ngành công nghiệp. Xây dựng TC linh kiện, quy trình sản xuất, vật liệu nền tảng và công

nghe nền. Nghiên cứu và ứng dụng các TC cơ bản và phổ biến. TCH để tối ưu hóa và nâng cấp ngành công nghiệp. Dẫn dắt sự phát triển nhanh chóng và lành mạnh của sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới và ngành nghề mới. Tăng cường tính ổn định của chuỗi cung ứng và năng lực cạnh tranh tổng thể của các ngành công nghiệp. Thúc đẩy nâng cao chất lượng và hiệu quả cơ sở hạ tầng mới. TCH cơ sở hạ tầng mới.

2- *Phát triển số*. TC về DVCTT, về làng số, xã số, trung tâm điều hành thông minh, giao thông thông minh, đô thị thông minh, thành phố thông minh. TC về dữ liệu.

3- *ĐMST*. TC về đổi mới công nghệ. TC về mở rộng đường biên công nghệ. TC về ĐMST. TC về vườn ươm. TC về quỹ đổi mới công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm.

4- *KHCN*. TC về tổ chức KHCN. TC về các hoạt động KHCN.

5- *Phát triển xanh*. Xây dựng TC về trung hòa carbon. TC về bảo vệ môi trường và hệ sinh thái. Thúc đẩy sử dụng tài nguyên thiên nhiên tiết kiệm và hiệu quả. Củng cố nền tảng TCH cho sản xuất xanh. Tăng cường vai trò định hướng của TCH trong tiêu dùng xanh.

Tiêu chuẩn là một bộ phận của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng

6- *TC hóa xây dựng nông thôn, thành thị và xã hội*. Thúc đẩy xây dựng TC trong phát triển nông thôn. Thúc đẩy xây dựng TC đô thị hóa kiểu mới. Thúc đẩy TC trong quản lý hành chính và quản trị xã hội. Tăng cường TC về an toàn công cộng. Thúc đẩy xây dựng TC dịch vụ công cơ bản. Nâng cao TC đảm bảo chất lượng cuộc sống.

7- *Quản trị QG*. Xây dựng TC về quản trị quốc gia, TC về xây dựng chính sách.

TC là một bộ phận của KHCN/ĐMST/CĐS.

Đổi mới hoạt động tiêu chuẩn hóa

Cơ cấu tối ưu. Tối ưu hóa cơ cấu giữa Nhà nước và thị trường, giữa bắt buộc và tự nguyện, giữa ngành và địa phương. Sự công nhận lẫn nhau giữa TC của Nhà nước và của thị trường. Ủy ban TĐC phải ra được cơ cấu này cho từng giai đoạn. Cơ cấu mà đúng thì đó là sự phát triển bền vững. Làm quản lý thì phải định hướng đúng cơ cấu ngành mình.

Thúc đẩy doanh nghiệp làm TC. Thúc đẩy doanh nghiệp làm, dạy họ làm. Tối ưu hóa quy trình làm. Ban hành TC về làm TC trong doanh nghiệp.

Tích hợp TC vào đo lường và chất lượng. Tích hợp TC vào cơ sở hạ tầng chất lượng quốc gia, đo lường quốc gia.

Tăng cường ứng dụng các TC vào cuộc sống hàng ngày. Áp dụng TC trong mua sắm. TC hóa các hợp đồng, các điều khoản mẫu.



Cần thúc đẩy doanh nghiệp làm tiêu chuẩn hóa để tối ưu quy trình sản xuất.

CĐS toàn bộ hoạt động TCH. CĐS để nhanh hơn, thông minh hơn, chất lượng hơn, công khai, minh bạch hơn, giám sát tốt hơn và để giảm tải cho cán bộ, nhân viên.

Tích hợp TC vào các lĩnh vực của Bộ. TC trong nghiên cứu khoa học, trong phát triển công nghệ, trong đổi mới công nghệ, trong khởi nghiệp sáng tạo, trong hoạt động các quỹ, trong bảo vệ sở hữu trí tuệ, trong hoạt động bưu chính, viễn thông, trong CĐS, trong công nghiệp công nghệ số,...

Xây dựng các nền tảng phát triển tiêu chuẩn hóa

Nâng cao năng lực hỗ trợ kỹ thuật cho TCH, như: Phòng thí nghiệm quốc gia, thư viện tiêu chuẩn.

Tiêu chuẩn là cầm cân nảy mực, do vậy, phải coi đây là ngành dịch vụ đặc biệt, khi phát triển kinh doanh trong lĩnh vực này phải rất chú ý vấn đề chuẩn mực, đạo đức nghề nghiệp. Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng

Phát triển mạnh mẽ ngành dịch vụ TCH. TC, đo lường, chứng nhận và kiểm nghiệm. TC là cầm cân nảy mực, do vậy, phải coi đây là ngành dịch vụ đặc biệt, khi phát triển kinh doanh trong lĩnh vực này phải rất chú ý vấn đề chuẩn mực, đạo đức nghề nghiệp. Tăng cường đào tạo của Nhà nước cho ngành dịch vụ này. Tăng cường xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao, nhân tài trong lĩnh vực TCH. Muốn vậy, phải biến ngành dịch vụ này thành ngành dịch vụ chất lượng cao.

Tạo môi trường xã hội thuận lợi cho TCH. Hưởng ứng mạnh mẽ Ngày TC thế giới, coi đây là Ngày TC quốc gia. Truyền thông, xây dựng văn hóa TĐC.

Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Hỗ trợ tài chính, nhân lực và khen thưởng. Lấy ngân sách nhà nước làm định hướng, nhưng khuyến khích xã hội hóa. TĐC là một bộ phận của KHCN/ĐMST/CĐS, vì nó thúc đẩy lĩnh vực này, vậy sẽ lấy ngân sách cho TĐC từ ngân sách KHCN/ĐMST/CĐS.

Hoàn thiện hệ thống đo lường, đánh giá hiệu quả đầu ra, thống kê, khảo sát hoạt động tiêu chuẩn hóa

Công tác đo lường, đánh giá. Muốn quản lý được thì phải đo lường, đánh giá được. Phải có số liệu về lĩnh vực TC. Trong tháng 4/2025, phải ban hành bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động TCH. Tiến hành đo lường, đánh giá và công khai kết quả.

Xây dựng CSDL về TC.

Các quy định về online. Kết nối online, báo cáo online phải được luật hóa. Dùng AI để phân tích, đánh giá, cảnh báo.

Ngân sách cho khảo sát. Hoạt động khảo sát ít được quan tâm, nay phải coi là hoạt động thường xuyên, có ngân sách thường xuyên, hàng năm cho công tác khảo sát.

Nguyễn Mạnh Hùng



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



II. Chuyên mục: Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Nước thông báo	Số lượng thông báo	Vấn đề thông báo
Argentina	11	Vật liệu xây dựng; Cáp thép; Marco tổng quát về đánh giá sự phù hợp; Sản phẩm điện tử sử dụng trong nhà (tủ lạnh, tủ đông, tủ đông, tủ điện, máy điều hoà); Các hộp đựng polyethylene terephthalate (PET) tái chế sau khi tiêu dùng, dùng để đựng thực phẩm; Dầu cọ nguyên chất; Dầu dừa; Maca, bột maca rang và bột maca gelatin hóa; Sản phẩm điện gia dụng
Armenia	03	Thiết bị phòng cháy chữa cháy; Sản phẩm công nghiệp hóa chất và hóa dầu; Vật liệu, thuốc thử, thiết bị xử lý nước và lọc nước
Úc	03	Hải sản trong môi trường dịch vụ nhà hàng, bao gồm cá nước mặn và nước ngọt, động vật có vỏ và trứng cá; Gỗ thô, gỗ xẻ, gỗ dán, bột giấy, giấy và các sản phẩm đồ nội thất bằng gỗ; Thực phẩm bán lẻ tại Úc và New Zealand có bổ sung caffeine, bao gồm thực phẩm thể thao
Bahrain, Vương quốc	18	Dầu ô liu ăn được và dầu bã ô liu; Cá ngừ đóng hộp và cá ngừ đóng gói; Dầu ăn và chất béo. Hạt có dầu; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Xe điện đường bộ; Thịt, sản phẩm từ thịt và các sản phẩm động vật khác; Yêu cầu chung đối với bánh quy và bánh quế; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Các quy trình trong ngành thực phẩm; Đồ uống không cồn; Phụ gia thực phẩm
Băng - la- đét	02	Mayonnaise, Margarine
Bolivia, Nhà nước đa dân tộc	01	Sản phẩm mỹ phẩm
Brazil	21	Máy móc và thiết bị điện; Mũ bảo hiểm và đồ bảo hộ đầu; Bình chứa khí thiên nhiên trong xe; Bình chữa cháy; Công nghệ thực phẩm; Nước ép trái cây; Công nghệ chăm sóc sức khỏe; Thuốc bao gồm hai hay nhiều thành phần được pha trộn với nhau để điều trị bệnh hoặc được đóng gói để bán lẻ; Thiết bị y tế; Thực phẩm bổ sung và nhân mắ; Lò phản ứng hạt nhân; Máy móc và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; Các kết cấu và các bộ phận của các kết

		cầu; Phanh, bộ tản nhiệt, ống giảm thanh, ống xả, ly hợp, vô lăng; Tất cả sản phẩm, dịch vụ và quy trình phải tuân theo quy trình đánh giá sự phù hợp
Burundi	72	Thịt bò; Nhiên liệu lỏng; Thịt và sản phẩm từ thịt; Các chế phẩm làm đẹp hoặc trang điểm; Động vật sống; Thuốc trừ sâu; Giấy và bìa cứng không tráng phủ; Thịt hoặc phụ phẩm thịt đã chế biến; Chất hoạt động bề mặt; Núm vú cao su, núm vú, bình sữa cho trẻ em; Giấy Kraft; Chế phẩm chăm sóc móng tay, mỹ phẩm; Sơn và vecni; Giấy và bìa không tráng phủ; Xà phòng; Nệm; Nhựa và các sản phẩm bằng nhựa; Nhiên liệu lỏng; Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; Các chế phẩm dùng cho tóc; Các quy trình trong ngành thực phẩm; Thuốc trừ sâu được đóng gói theo dạng hoặc bao bì để bán lẻ dưới dạng chế phẩm hoặc sản phẩm; Bình chứa khí nén hoặc khí hóa lỏng, bằng sắt hoặc thép; Phụ kiện bằng nhựa; Ống, ống dẫn và ống dẫn mềm, cứng; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Thực phẩm đóng gói và chế biến sẵn; Chất bôi trơn, dầu công nghiệp và các sản phẩm liên quan; Phích cắm, ổ cắm, bộ nối; Đồ uống, Công nghệ thực phẩm; Phích cắm, ổ cắm, bộ nối
Canada	22	Quy định về một số sản phẩm có chứa chất độc hại; Thuốc Phenethyl; Vô tuyến truyền thông; Viễn thông; Thông báo tham vấn về Danh mục thuốc theo toa; Vô tuyến truyền thông; Sản phẩm diệt trừ sâu bệnh; Sản phẩm thực phẩm nói chung; Phương tiện cơ giới; Thuốc; Sản phẩm thực phẩm đóng gói sẵn; Lớp hơi mới bằng cao su; Xe cơ giới; Thuốc và thiết bị y tế;
Chile	45	Mũ bảo hiểm; Đèn năng lượng mặt trời cho chiếu sáng công cộng; Đèn năng lượng mặt trời chiếu sáng đường phố và đường bộ; Xe hạng nhẹ và hạng trung; Ăng –ten tiếp nhận mặt đất kỹ thuật số truyền hình; Thuốc trừ sâu nông nghiệp; Sản phẩm Dược phẩm; Thiết bị y tế - thuốc thử miễn dịch huyết học; Tấm xi măng sợi, tấm phẳng, tấm lợp sóng và tấm lợp phẳng; Mỹ phẩm; Tấm thạch cao ốp mặt vải sợi; Tấm thạch cao; Nhựa đường cho vỉa hè; Khối lát bê tông; Các mảnh khô; Xe hạng nhẹ và hạng trung; Phụ kiện liên kết ống lõi cho khí dễ cháy; Bộ điều chỉnh có hoặc không có đồng hồ đo áp suất; Phụ kiện liên kết ống lõi cho khí dễ cháy; Các phương tiện di chuyển có thể sử dụng động cơ đốt trong nội bộ chất lỏng dễ cháy; Cửa lọng; Máy mài, máy chà nhám dạng đĩa và máy đánh bóng dạng đĩa; Máy xay cà phê; Lò đốt viên gỗ có công suất không quá 25kw; Lò sưởi đốt gỗ có công suất không quá 25Kw; Thiết bị âm thanh; Dự thảo phân tích an toàn và/hoặc giao thức thử nghiệm cho các sản phẩm nhiên liệu lỏng; Thuốc trừ sâu nông nghiệp; Phân bón và chất kích

		thích sinh học; Cài đặt điện tử Alta Tension; Chất hóa học và hỗn hợp; Chiếu sáng và đèn chiếu sáng; Nghị định quy định tiêu chuẩn chất lượng nhiên liệu nêu trên và bãi bỏ Nghị định số 60/2011/NĐ-CP của Bộ Năng lượng; Mỹ phẩm
Trung Quốc	72	Biển báo an toàn phòng cháy chữa cháy; Thiết bị bảo vệ mắt bằng tia laser; Máy chiếu; Bộ bảo vệ nguồn sáng mạnh; Thiết bị bảo vệ cá nhân; Cọc sạc xe điện; Mũ cứu hộ; Lưới an toàn; Mũ giày bảo vệ; Găng tay bảo vệ chống lại rủi ro nhiệt; Thiết bị xuống cấp; Thiết bị thở oxy khép kín tự cung cấp để thoát hiểm; Bộ hấp thụ năng lượng; Bộ lọc hàn tự động; Thiết bị chống rơi có hướng dẫn bao gồm dây neo linh hoạt; Bảo vệ mối hàn; Miếng chèn chống xuyên thủng; Găng tay xích và bảo vệ cánh tay; Giày an toàn và giày chống hóa chất; Nút tai; Găng tay bảo vệ chống lạnh; Chụp tai; Mũ chống tĩnh điện nghề nghiệp; Thiết bị thở khí nén mạch hở khép kín; Thiết bị rửa mắt; Đầu nối; Chất bảo vệ da; Thuốc; Bảo vệ quần áo khỏi các rủi ro cơ học; Lớp xe tải; Quần áo bảo hộ hóa chất; Quần áo và trang phục chống lạnh; Quần áo chống côn trùng; Quần áo bảo hộ; Quần áo bảo hộ cho hoạt động phun cát; Quần áo bảo hộ chống mưa dùng trong nghề nghiệp; Lớp xe ô tô chở khách; Quần áo chống bám bẩn; Quần áo bảo hộ chống bức xạ vi sóng; Hệ thống chữa cháy bằng carbon dioxide áp suất cao; Thiết bị cung cấp nước cố định công suất kép dùng cho phòng cháy chữa cháy; Hệ thống máy bay không người lái dân dụng; Phụ gia thức ăn chăn nuôi; Máy dò khí dễ cháy trong gia đình; Thiết bị báo cháy bằng âm thanh và/ hoặc hình ảnh; Máy dò khí dễ cháy; Tinh dịch đông lạnh của dê và cừu đực; Tủ lạnh – tủ đông; Linh kiện đường sắt áp suất, phụ kiện an toàn; Vi khuẩn đường ruột; Thực phẩm; Nhà vệ sinh; Quy chuẩn kỹ thuật an toàn cho nồi áp suất
Colombia	08	Công tơ điện, bao gồm cả công tơ hiệu chuẩn cho công tơ điện; Các mặt hàng bằng nhựa; Dây an toàn co xe cơ giới; Phương tiện giao thông đường bộ nói chung
Canada	23	Sản phẩm sức khỏe tự nhiên; Các sản phẩm keo trám có chứa hắc ín than đá và các sản phẩm chưng cất của họ; Thuốc Phenethyl bromide; Vô tuyến truyền thông; Viễn thông; Tình trạng kê đơn các thành phần thuốc cho người dùng; Viễn thông vô tuyến; Sản phẩm diệt trừ sâu bệnh; Sản phẩm thực phẩm nói chung; Phương tiện cơ giới; Thuốc; Sản phẩm thực phẩm đóng gói sẵn; Lớp hơi mới bằng cao su; Xe cơ giới; Thuốc và thiết bị y tế;
Chile	45	Mũ bảo hiểm; Đèn năng lượng mặt trời; Xe hạng nhẹ và hạng trung; Ăng-ten tiếp nhận mặt đất kỹ thuật số truyền hình; Thuốc trừ sâu nông nghiệp; Sản phẩm Dược phẩm;

		Thiết bị y tế - thuốc thử miễn dịch huyết học; Tấm xi măng sợi, tấm phẳng, tấm lợp sóng và tấm lợp phẳng; Mỹ phẩm; Tấm thạch cao ốp mặt vải sợi; Tấm thạch cao; Nhựa đường cho vỉa hè; Khối lát bê tông; Tấm thạch cao cốt sợi được sử dụng trong xây dựng; Tấm xi măng sợi sóng; Cửa lợp; Máy mài, máy chà nhám dạng đĩa và máy đánh bóng dạng đĩa; Lò đốt viên gỗ có công suất không quá 25kw; Thiết bị âm thanh điện tử; Thuốc trừ sâu nông nghiệp; Phân bón và chất kích thích sinh học; Cài đặt điện tử Alta Tensión; Các chất hóa học và hỗn hợp; Chiếu sáng và đèn chiếu sáng; Dầu hỏa; Mỹ phẩm
Trung Quốc	79	Thiết bị cứu hộ khẩn cấp phòng cháy chữa cháy; Chất làm mát cho xe chạy bằng pin nhiên liệu; Đèn chiếu sáng cho lớp học; Ổ cắm điện và công tắc có chức năng giám sát và báo cháy; Chất chữa cháy dạng bột siêu mịn; Van bình xăng dầu hóa lỏng; máy dò cháy điện dòng điện dư; Biển báo an toàn phòng cháy chữa cháy; Thiết bị bảo vệ mắt bằng tia laser; Máy chiếu; Bộ bảo vệ nguồn sáng mạnh (không phải laser); Thiết bị bảo vệ cá nhân; Cọc sạc xe điện; Mũ cứu hộ; Lưới an toàn; Mũ giày bảo vệ; Găng tay bảo vệ chống lại rủi ro nhiệt; Bảo vệ chống rơi -Thiết bị hạ xuống; Thiết bị thở oxy khép kín tự cung cấp để thoát hiểm; Bảo vệ chống rơi-Bộ hấp thụ năng lượng; Bộ lọc hàn tự động; Thiết bị chống rơi có hướng dẫn bao gồm dây neo linh hoạt; Bảo vệ môi hàn; Bảo vệ chân-Lót chống đâm xuyên; Găng tay xích và bảo vệ cánh tay; Giày an toàn và giày chống hóa chất; Nút tai; Găng tay bảo vệ chống lạnh; Chụp tai; Mũ chống tĩnh điện nghề nghiệp; Thiết bị thở khí nén mạch hở khép kín; áo vệ mắt và mặt-Thiết bị rửa mắt và tắm khẩn cấp; Bảo vệ chống rơi-Đầu nối; Chất bảo vệ da; Quy định về giám sát và quản lý sản xuất thuốc xuất khẩu; Bảo vệ quần áo khỏi các rủi ro cơ học; thiết bị cấp nước loại ổn định áp suất dùng cho phòng cháy chữa cháy, Thiết bị cấp nước loại tăng áp dùng cho phòng cháy chữa cháy; Lớp xe tải; Quần áo bảo hộ hóa chất; Bộ quần áo và trang phục bảo vệ chống lạnh; Quần áo chống côn trùng; Quần áo bảo hộ; Quần áo bảo hộ cho hoạt động phun cát; Quần áo bảo hộ chống mưa dùng trong nghề nghiệp; Lớp xe ô tô chở khách; Quần áo chống dầu, chống bám bẩn, chống tĩnh điện; Quần áo bảo hộ chống bức xạ vi sóng; Hệ thống chữa cháy bằng carbon dioxide áp suất cao; Thiết bị cung cấp nước cố định công suất kép dùng cho phòng cháy chữa cháy; Hệ thống máy bay không người lái dân dụng; Phụ gia thức ăn chăn nuôi-Khoáng chất và phức hợp của chúng; Phụ gia thức ăn chăn nuôi - L-Canxi ascorbat; Phụ gia thức ăn chăn nuôi- Choline clorua; Phụ gia thức ăn chăn nuôi- Monocalcium

		phosphate; Máy dò khí dễ cháy gia dụng; Phụ gia thức ăn chăn nuôi- Canxi citrat; Phụ gia thức ăn chăn nuôi- Dicalcium phosphate; Thiết bị báo cháy bằng âm thanh và/hoặc hình ảnh; Phụ gia thức ăn chăn nuôi- Nicotinamide; Máy dò khí dễ cháy loại diêm dùng trong công nghiệp và thương mại; Phụ gia thức ăn chăn nuôi- Nấm men selen; Phụ gia thức ăn chăn nuôi- Natri diacetate; Phụ gia thức ăn chăn nuôi- Diammonium hydrogen phosphate ; Phụ gia thức ăn chăn nuôi- Sắt lactat; Tinh dịch đông lạnh của dê và cừu đực; Tủ lạnh, tủ lạnh-tủ đông, tủ đông, thiết bị bảo quản rượu, thiết bị làm lạnh di động cho xe ô tô; Phụ gia thức ăn chăn nuôi- Canxi format; Phụ gia thức ăn chăn nuôi- Lactobacillus delbrueckii subsp.lactis; Phụ gia thức ăn chăn nuôi- Taurine; Phụ gia thức ăn chăn nuôi- Riboflavin (vitamin B2); Linh kiện đường ống áp suất, phụ kiện an toàn; Phụ gia thức ăn chăn nuôi- Vi khuẩn đường ruột; Nhà vệ sinh; Quy chuẩn kỹ thuật an toàn cho nồi áp suất
Colombia	6	Công tơ điện, bao gồm cả công tơ hiệu chuẩn cho công tơ điện; Các mặt hàng bằng nhựa và các mặt hàng bằng vật liệu khác; Dây an toàn cho xe cơ giới; Tấm, tấm, màng, lá, băng, dải và các hình dạng phẳng khác tự dính, bằng nhựa, dạng cuộn rộng <= 20 cm; Sản phẩm mỹ phẩm trong HS Chương 33 và 34;
Costa Rica	12	Aparatos electrodomésticos en chung; Máy điều hòa không khí; Sản phẩm điện tử; Thiết bị điện gia dụng nói chung;
Đan mạch	3	Robot tự động; Xả nước rửa lọc và nhiên liệu; Rơm và bột gỗ
Cộng hòa Dominica	5	Rượu và thuốc lá; Sản phẩm thực phẩm nói chung; Công nghệ chăm sóc sức khỏe; Công nghệ thực phẩm; Mỹ phẩm. Đồ dùng vệ sinh cá nhân
Ecuador	8	Sản phẩm mỹ phẩm trong HS Chương 33 và 34; Xe cộ khác ngoài toa xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng; Gi nhĩa cho gạch lát sàn và ốp tường bằng gốm; Quy định kỹ thuật vệ sinh thay thế cho Quy định thay thế về đăng ký vệ sinh cho thuốc nói chung; Bản dự thảo Quy định kỹ thuật vệ sinh thay thế về việc cấp giấy chứng nhận vệ sinh và kiểm soát, giám sát các sản phẩm sinh học dùng cho người sẽ thay thế Quyết định số 00385-2019; Dự thảo sửa đổi một phần Quy chuẩn kỹ thuật vệ sinh về thực hành tốt bảo quản, phân phối và hoặc vận chuyển đối với các cơ sở thực phẩm và cơ sở sản xuất thiết bị y tế cho người sử dụng; Sửa đổi một phần Quy chuẩn kỹ thuật vệ sinh về cấp độ quyền dữ liệu thử nghiệm cho các sản phẩm dược phẩm có chứa các thực thể hóa học mới
Ải Cập	54	Bột giặt tổng hợp gia dụng; Khí dùng trong công nghiệp;

		Chất tẩy rửa tổng hợp dạng lỏng cho đồ dùng nhà bếp và bàn ăn; Hóa chất dùng cho mục đích khử trùng công nghiệp và gia dụng; Thịt, gia cầm và các sản phẩm từ gia cầm, sữa và các sản phẩm từ sữa; Đồ dùng chăm sóc trẻ em - Thiết bị uống; Đồ chơi; Giấy lụa; Thiết bị cho trẻ em; Sản phẩm hóa chất, dệt may và kỹ thuật; Nhiên liệu khí; Yêu cầu về nhãn tiết kiệm nhiên liệu/năng lượng và khí thải đối với xe loại M1; Thiết bị điện gia dụng và tương tự; Sản phẩm thực phẩm; Tiêu chuẩn chung liên quan đến đóng tàu và kết cấu hàng hải; Vòng bi lăn; Vòng bi trơn;
El Salvador	03	Đo lường và đo lường nói chung; Sản phẩm dầu mỏ và thiết bị xử lý khí đốt tự nhiên đợt này ko thấy
Liên minh Châu Âu	28	Xe tải hạng nặng; vận chuyển khí thải; Các thiết bị đo lường như đồng hồ đo năng lượng điện, hệ thống đo lường cho thiết bị cung cấp cho xe điện, đồng hồ đo khí, đồng hồ đo năng lượng nhiệt và hệ thống đo lường cho máy phân phối khí nén; Dự thảo Ủy ban thực hiện quy định về mô tả kỹ thuật các loại sản phẩm quan trọng và thiết yếu có yếu tố kỹ thuật số theo Quy định EU 2024/2847 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng; Xe ô tô chở khách và xe tải (xe cơ giới loại M1 và N1); Sản phẩm diệt khuẩn; Đồ ăn; Mỹ phẩm; Các sản phẩm diệt khuẩn và các mặt hàng đã qua xử lý được xử lý bằng hoặc kết hợp các sản phẩm diệt khuẩn; Thiết bị y tế; sữa bột và sữa công thức tiếp theo, thực phẩm chế biến từ ngũ cốc và thực phẩm trẻ em; Gọng kính, tròng kính và kính đọc sách đeo sẵn là thiết bị có tính cá nhân hóa cao được quy định trong Quy định EU 2017/745 về thiết bị y tế; Sản phẩm phân bón; Thiết bị vô tuyến cho hệ thống truy cập không dây bao gồm mạng cục bộ vô tuyến (WAS/RLAN); Sản phẩm hữu cơ; Xe cơ giới loại M và N; Sản phẩm bảo vệ thực vật; Flufenacet (hoạt chất thuốc trừ sâu); Thiết bị điện và điện tử;
Phân Lan	01	Sản phẩm nicotine không khói
Pháp	01	Phân hữu cơ - vật liệu bón phân có phụ gia nông học –chất cải tạo đất khoáng cơ bản
Gruzia	02	Đo lường và đo lường nói chung
Ấn Độ	01	Găng tay cao su phẫu thuật dùng một lần
Indonesia	40	Phân bón; Bột ca cao; Mỹ phẩm; Quy định của Bộ trưởng Bộ Hàng hải và Thủy sản số 33 năm 2024 về việc thả sản phẩm thủy sản từ lãnh thổ Cộng hòa Indonesia; Nghị định số 2 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc bắt buộc thực hiện Tiêu chuẩn quốc gia Indonesia đối với thanh đồng; Dự thảo Nghị định của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc bắt buộc thực hiện Tiêu chuẩn quốc gia Indonesia về thiết bị âm thanh, hình ảnh và thiết bị điện tử tương tự; Phân bón; Gốm sứ tráng men; Ống tiêm bằng thủy tinh; Tăm và dải thép cán nguội; Loại sản phẩm Vành

		xe Loại M, N, O - SNI SNI; Thép bình chứa LPG; Phụ kiện ống ren bằng gang dẻo màu đen; Kẽm nhôm - Thép tấm và cuộn phủ lớp phủ; Pin; Thép hình góc vuông cán nóng; Tấm thép mạ kẽm; Bột mì dùng làm thực phẩm; Nước uống đóng chai; Đồ ăn; Kính tắm; Mũ bảo hiểm cho người lái và người ngồi trên xe máy; Thép bình chứa LPG; Xe đạp; Phốt cao su cho van bình thép LPG; Sản phẩm cáp; Nhựa – Bồn chứa nước hình trụ đứng; sản phẩm kính xây dựng; An toàn của bật lửa gas; Dụng cụ nấu đồ ăn bằng kim loại; Thép gia cố bê tông; Sản phẩm và dịch vụ bắt buộc phải có chứng nhận Halal; Thực phẩm và đồ uống; Sản phẩm mỹ phẩm; Quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 57/PMK.05/2021 về Biểu thuế dịch vụ do cơ quan tổ chức đảm bảo sản phẩm Halal; Nghị định của Bộ trưởng Bộ Tôn giáo Indonesia số-năm 2021 về các loại sản phẩm và hàng tiêu dùng bắt buộc phải có chứng nhận Halal
Israel	40	Dụng cụ mở cống; Dung dịch natri hypoclorit; Chất tẩy rửa lò nướng và chất tẩy dầu mỡ; Thiết bị làm lạnh, thiết bị làm kem và máy làm đá; Xe đua và phụ tùng; Sản phẩm thuốc lá; Quảng cáo và tiếp thị các sản phẩm thuốc lá; Băng thạch cao Paris - băng POP; Găng tay cao su dùng một lần; Găng tay phẫu thuật vô trùng; Băng thun: Băng làm bằng sợi đàn hồi phủ sợi dọc và sợi cotton hoặc sợi rayon ngang; Băng dính đàn hồi kẽm oxit; Thiết bị y tế không hoạt động - Gạc thấm hút; Thiết bị y tế không hoạt động - Băng gạc; Băng y tế; Thiết bị y tế không hoạt động - Miếng gạc; Băng bó dùng trong y tế; Ống tiêm vô trùng dùng một lần; Nhiệt kế lâm sàng; Thiết bị nổi cá nhân - Áo phao cho tàu biển; Ống tiêm vô trùng dùng một lần, có hoặc không có kim, dùng cho insulin; Xe lăn đẩy tay; Quần áo bảo hộ sử dụng khi có nguy cơ vướng vào các bộ phận chuyển động; Máy hút bụi và vệ sinh thiết bị điện bằng nước; Các hồ ga và buồng kiểm tra bê tông; Thiết bị công nghệ thông tin, truyền thông, âm thanh/video; Ống gió mềm cho hệ thống thông gió của tòa nhà; Đồ uống gây say; Dụng cụ điện cầm tay chạy bằng động cơ; Thiết bị giữ trẻ em cho xe cơ giới; Băng khoáng cách nhiệt: Băng rời
Ý	01	Vật liệu xây dựng
Jamaica	01	Mũ bảo hiểm cho người tham gia giao thông
Nhật Bản	16	Sửa đổi một phần Pháp lệnh thi hành Luật Tàn số vô tuyến điện; Xe cộ; Hệ thống giám sát áp suất lốp và hệ thống mở cửa không cần chìa khóa từ xa; Các chất có khả năng gây ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương; Sửa đổi Luật An toàn và Sức khỏe Công nghiệp; Đầu phun nước tự động đóng; Tăng cường cung cấp SDS kèm theo sửa đổi Đạo luật An toàn và Sức khỏe công nghiệp; Các thiết bị không

		dây hoạt động gần cơ thể con người; Hệ thống truyền năng lượng không dây (WPT) sử dụng băng tần 6,7MHz; Thiết bị đầu cuối điện thoại di động giao thức Internet và thiết bị đầu cuối được kết nối với cơ sở hạ tầng mạch thuê riêng; Nhân phụ gia thực phẩm được sử dụng cho mục đích tăng cường dinh dưỡng, nhãn dinh dưỡng; các chất có khả năng gây ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương; Xe cộ; Thiết bị vô tuyến cho phát sóng FM; Thiết bị, thùng chứa và bao bì; Hệ thống thông tin di động FDD
Jordan	01	Vệ sinh và an toàn thực phẩm – Tiêu chuẩn vi sinh vật đối với thực phẩm
Kazakhstan	04	Sản phẩm dược phẩm; Vật liệu, thuốc thử, thiết bị xử lý nước và lọc nước; Máy kéo và rơ moóc nông nghiệp và lâm nghiệp; Thiết bị y tế
Kenya	94	Giấy và bìa cứng không tráng phủ, loại dùng để viết, in hoặc các mục đích đồ họa khác; Động vật sống; Thịt và các sản phẩm từ thịt; Thịt bò các loại và các phần cắt; Vải dệt; Các chế phẩm làm đẹp; Mũ và nón; Quần áo dệt cho áo cánh, áo sơ mi và váy; Thuốc trừ sâu; Nhiên liệu lỏng; Chất hoạt động bề mặt; Sản phẩm giấy nói chung; Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; Sơn và vecni; Nệm; Nhiên liệu lỏng; Nhựa và các sản phẩm từ nhựa; Các chế phẩm dùng cho tóc (trừ dầu gội, chế phẩm uốn tóc, duỗi tóc và keo xịt tóc); Chế phẩm chăm sóc móng tay hoặc móng chân; Nút vú cao su; Các quy trình trong ngành thực phẩm; Trái cây. Rau; Thuốc trừ sâu; Hộp các tông sóng để xuất khẩu sản phẩm làm vườn; Giấy lót Kraft; Sản phẩm thực phẩm nói chung; DKS 3034: 2025 Đậu lupin; Hạt có dầu; Xe cơ giới; Nước sốt nhũ tương; Bình chịu áp suất; Ống và phụ kiện bằng nhựa dùng cho mục đích không chứa chất lỏng; Bình chịu áp suất; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Đóng gói và phân phối hàng hóa nói chung; Các mặt hàng khác bằng da hoặc bằng da tổng hợp; Găng tay bằng da, Mũ, phụ kiện quần áo; Đồ uống; Thịt và sản phẩm từ thịt; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Công nghệ thực phẩm; thuốc trừ sâu và các loại hóa chất nông nghiệp khác nói chung; Sản phẩm ngô; Phích cắm, ổ cắm, bộ nối; Vi sinh vật học nói chung; Nhựa nói chung; Bu lông, vít, đinh tán; Phích cắm, ổ cắm, bộ nối; Sản phẩm của ngành dệt may; Sản phẩm nhôm; Chất bôi trơn, dầu công nghiệp; Đồ uống
Hàn Quốc	26	Đồ ăn; Bình chữa cháy; Chất hóa học; Xe điện; Sửa đổi Tiêu chuẩn và Tiêu chí Chất lượng cho Sản phẩm Gỗ; Dược phẩm; Thiết bị y tế chẩn đoán trong ống nghiệm; Sản phẩm vệ sinh; Sản phẩm làm sạch và vệ sinh; Thiết bị vô tuyến của trạm mặt đất liên lạc với vệ tinh quỹ đạo

		thấp; Thiết bị y tế; Thực phẩm;
Nhà nước Kuwait	18	Dầu ô liu ăn được và dầu bã ô liu; Cá ngừ đóng hộp; Dầu ăn và chất béo; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Xe điện đường bộ; Thịt, sản phẩm từ thịt và các sản phẩm động vật khác; Yêu cầu chung đối với bánh quy và bánh quế; Đồ uống không cồn; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Phụ gia thực phẩm; Các quy trình trong ngành thực phẩm;
Cộng hòa Kyrgyzstan	01	Thiết bị sử dụng khí; Điểm tham quan; Sản phẩm thuốc
Madagascar	01	Ca cao và chế phẩm ca cao
Malawi	22	Rượu; Bạt che dùng chung; Phân tích hóa học-Lấy mẫu sản phẩm hóa chất dùng trong công nghiệp; Hóa chất dùng để lọc nước; Chai polyethylene terephthalate (PET) để đóng gói dầu ăn; Chai polyethylene terephthalate (PET) để đóng gói nước ép trái cây; Bình thủy tinh; Polyetylen terephthalate (pet) cấp thực phẩm tái chế và tạo phôi; Bình đựng nước uống; Núm vú cho bình sữa; Túi lưu trữ kín; Thùng carton composite ép đùn/ép nhiều lớp gốc giấy; Bình/chai chân không bằng thép không gỉ trong nước; Túi polyetylen (PE) để đóng gói sữa lỏng; Bình sữa nhựa cho trẻ sơ sinh; Giấy bạc dùng cho bao bì thực phẩm; Chai Poly Vinyl Clorua (PVC) đựng dầu ăn; Nắp chụp; Thùng polyethylene mật độ cao (HDPE) đựng túi sữa
Mexico	03	Thiết bị làm lạnh thương mại khép kín, mới, đã qua sử dụng hoặc được xây dựng lại, chạy bằng điện; Bếp nấu đốt củi có buồng đốt, được nhập khẩu hoặc sản xuất, tiếp thị hoặc lắp ráp tại Hoa kỳ Mexico; Hiệu suất năng lượng của máy điều hòa không khí loại đơn vị
New Zealand	2	Thực phẩm bán lẻ tại Úc và New Zealand có bổ sung caffeine, bao gồm thực phẩm thể thao; các mặt hàng nhựa dùng một lần
Nicaragua	01	Yêu cầu và thủ tục cấp phép đối với việc nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm thuốc do ANRS quản lý
Ô-man	18	Cá ngừ đóng hộp và cá ngừ đóng hộp; Dầu ô liu ăn được và dầu bã ô liu; Dầu ăn và chất béo; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Xe điện đường bộ; Thịt, sản phẩm từ thịt và các sản phẩm động vật khác; Yêu cầu chung đối với bánh quy và bánh quế; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Đồ uống không cồn; Phụ gia thực phẩm; Các quy trình trong ngành thực phẩm
Paraguay	03	Mỹ phẩm. Đồ dùng vệ sinh cá nhân; Tinh dầu và chất dạng nhựa; chế phẩm nước hoa, mỹ phẩm hoặc vệ sinh; Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất của chúng
Pêru	08	Dự thảo Quy định kỹ thuật về ghi nhãn thực phẩm biến đổi gen; Lúa mì; Sản phẩm mỹ phẩm; Dự thảo Quy chuẩn kỹ

		thuật về ghi nhãn thực phẩm biến đổi gen; Thiết bị đo điện – Máy đo tĩnh điện năng tác dụng xoay chiều; Thiết bị y tế, năng lượng điện, trung bình estáico; Dụng cụ đo lường, năng lượng điện, đồng hồ đo tĩnh; Thiết bị đo điện
Philippines	04	Nhiên liệu; Thuốc lá, các sản phẩm thuốc lá; Sản phẩm dược phẩm; Sản phẩm thực phẩm nói chung; Dược phẩm; Quy định và Quy tắc về Thực hành Sản xuất Tốt (GMP) và Đăng ký Sản phẩm Thực phẩm bổ sung cho sức khỏe; Hướng dẫn thực hiện Chương trình dán nhãn tiết kiệm nhiên liệu cho xe vận tải của Philippines về nhãn tiết kiệm nhiên liệu cho xe vận tải đường bộ;
Qatar	19	Cá ngừ đóng hộp; Dầu ô liu ăn được và dầu bã ô liu; Dầu ăn và chất béo; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Xe điện đường bộ; Thịt, sản phẩm từ thịt và các sản phẩm động vật khác; Yêu cầu chung đối với bánh quy và bánh quế; Thiết bị điện gia dụng nói chung; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Đồ uống không cồn; Phụ gia thực phẩm; Các quy trình trong ngành thực phẩm
Liên Bang Nga	02	Vật liệu, thuốc thử, thiết bị xử lý nước và lọc nước; Dự thảo sửa đổi Quy định kỹ thuật của Liên minh kinh tế Á Âu «Về an toàn của các điểm tham quan»
Rwanda	105	Các quy trình trong ngành thực phẩm; Thuốc trừ sâu; Giấy và bìa cứng không tráng phủ, loại dùng để viết, in hoặc các mục đích đồ họa khác; Động vật sống; Thịt hoặc phụ phẩm thịt đã chế biến; Các chế phẩm làm đẹp hoặc trang điểm; Thịt động vật; Nhiên liệu lỏng; Nệm; Sơn và vecni; Xà phòng, chất ohạt động bề mặt hữu cơ, chất tẩy rửa; Chế phẩm chăm sóc móng tay hoặc móng chân; Nhiên liệu lỏng; Thịt và các sản phẩm từ thịt; Giấy kraft, có nếp nhăn; Giấy và bìa không tráng phủ; Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; Các chế phẩm dùng cho tóc; Chất đánh bóng thủy tinh hoặc kim loại; Nhựa và các sản phẩm bằng nhựa; Núm vú cao su; Sơn và vecni; Các quy trình trong ngành thực phẩm; Nhà để xe- Yêu cầu về xây dựng và quản lý; Phân bón; Bình chịu áp suất; Ống, ống dẫn mềm và cứng; Nhựa và các sản phẩm bằng nhựa; Đồ nội thất; Bếp nấu, bàn làm việc, lò nướng và các thiết bị tương tự; Rau và các sản phẩm có nguồn gốc từ rau; Dầu và mỡ ăn được; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Mỹ phẩm. Đồ dùng vệ sinh cá nhân; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Mỡ và dầu động vật và thực vật; Thức ăn chăn nuôi; Đóng gói và phân phối hàng hóa nói chung; Thiết bị gia dụng và thương mại khác; Găng tay hở ngón; Các mặt hàng khác bằng da hoặc da tổng hợp; Giày dép có phần trên bằng da hoặc da tổng hợp; Áo khoát ngoài; Súp và nước dùng và chế phẩm từ súp và nước dùng; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Phích cắm, ổ cắm, bộ nối;

		Công nghệ thực phẩm; Chất bôi trơn, dầu công nghiệp và các sản phẩm liên quan
Ả Rập Saudi, Vương quốc	27	Cá ngừ đóng hộp; Dầu ô liu ăn được và dầu bã ô liu; Nông nghiệp; Dầu ăn và chất béo; Thiết bị giặt là; Thiết bị điện gia dụng nói chung; Cá và sản phẩm thủy sản; Lưu trữ. Kho bãi; Cá muối, cá khô và cá ướp; Đồ uống; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Thịt và các sản phẩm từ thịt; Dầu và mỡ ăn được; Xe điện đường bộ; Yêu cầu chung đối với bánh quy và bánh quế; Các quy trình trong ngành thực phẩm; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Phụ gia thực phẩm; Đồ uống không cồn;
Nam Phi	01	Thịt
Tây Ban Nha	01	Cá
Thụy Điển	01	Nitơ oxit (khí cười)
Thụy Sĩ	04	Thiết bị lạnh; Nhựa và các sản phẩm bằng nhựa; Sắc lệnh về Thực phẩm và Đồ dùng tiện ích; Long thú và các sản phẩm long thú được sản xuất bằng phương pháp tàn ác với động vật
Đài Bắc Trung Hoa	10	Sản phẩm thực phẩm nói chung; Tủ lạnh gia dụng và tủ lạnh-tủ đông; Các yêu cầu ghi nhãn đối với các thành phần tinh chất và gia vị cụ thể cần được tiết lộ; Sửa đổi Điều 7 của Yêu cầu ghi nhãn đối với Bao bì, Hộp đựng, Nhãn hoặc Hướng dẫn mỹ phẩm; Hóa chất hữu cơ; Thiết bị cung cấp xe điện; Yêu cầu kiểm tra pháp lý đối với hệ thống chuyển đổi năng lượng; Sửa đổi các yêu cầu kiểm tra pháp lý đối với cửa chống cháy của tòa nhà; Yêu cầu kiểm tra pháp lý đối với thiết bị lưu trữ pin lithium cố định; Đề xuất sửa đổi các yêu cầu kiểm tra pháp lý đối với máy diệt côn trùng bằng điện và 6 thiết bị điện khác
Tanzania	89	Thịt bò các loại và các phần cắt; Thịt hoặc phụ phẩm thịt đã chế biến hoặc bảo quản; Thịt động vật họ trâu; Giấy và bìa cứng không tráng phủ; Các chế phẩm làm đẹp hoặc trang điểm; Thuốc trừ sâu; Động vật sống; Nhiên liệu lỏng; Chất hoạt động bề mặt; Nhựa và các sản phẩm bằng nhựa; Nệm; Thịt và các sản phẩm từ thịt; Nấm vú; Sơn và vecni; Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; Các chế phẩm dùng cho tóc; Giấy kraft; Giấy và bìa không tráng phủ; Chế phẩm chăm sóc móng tay hoặc móng chân; Các quy trình trong ngành thực phẩm; Các chế phẩm dùng trong thức ăn chăn nuôi; Thuốc trừ sâu, được đóng gói theo dạng hoặc bao bì để bán lẻ; Ống, ống dẫn và ống mềm, cứng; Phụ kiện xây dựng bằng nhựa; Bình chịu áp suất; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Đóng gói và phân phối hàng hóa nói chung; Găng tay; Phụ kiện quần áo bằng da; Áo khoát ngoài; Đồ uống; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Mực in; Đường và các sản phẩm từ đường; Bánh mì; Phong bì giấy hoặc bìa cứng; Phích cắm,

		ổ cấm, bộ nối; Công nghệ thực phẩm
Thái Lan	19	Các chất nguy hiểm; Thực phẩm; Bộ ngồi bồn cầu điện cho bồn cầu và nắp bồn cầu; Máy sưởi ngâm di động; Vật liệu và đồ dùng tiếp xúc với thực phẩm; Sản phẩm thảo dược; Rượu Methyl; Nước uống trong bình kín; Đá dùng cho con người; Đồ uống trong hộp kín; Nước khoáng; Sản phẩm thuốc lá; Thiết bị viên thông; Nước khoáng thiên nhiên; Thực phẩm
Thổ Nhĩ Kỳ	02	Thực phẩm đóng gói sẵn; Thực phẩm
Uganda	88	Động vật sống; Nhiên liệu lỏng; Thịt hoặc phụ phẩm thịt đã chế biến; Thịt và các sản phẩm từ thịt; Thuốc trừ sâu; Các chế phẩm làm đẹp hoặc trang điểm; Thịt bò các loại và các phần cắt; Giấy và bìa cứng không tráng phủ; Chất hoạt động bề mặt; Nút vú; Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; Nhựa và các sản phẩm bằng nhựa; Chất đánh bóng thủy tinh hoặc kim loại; Sơn và vecni; Nhiên liệu lỏng; Các chế phẩm dùng cho tóc; Giấy kraft; Chế phẩm chăm sóc móng tay hoặc móng chân; Nệm; Các quy trình trong ngành thực phẩm; Thuốc trừ sâu, được đóng gói theo dạng hoặc bao bì để bán; Máy móc chăn nuôi gia cầm; Máy cung cấp nước cho gia cầm; Máy tách lông gia cầm; Tinh bột sắn; Khoai mì giòn; Bột sắn hỗn hợp lúa mì; Sắn đắng tươi; Bánh mì sắn; Sắn ngọt tươi; Sắn lát khô; Bột ngũ cốc; Lá sắn tươi; Xăng pha cộn; Phụ kiện xây dựng bằng nhựa; Bình chịu áp suất; Ống, ống dẫn và ống mềm, cứng; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Đóng gói và phân phối hàng hóa nói chung; Găng tay; Các mặt hàng, phụ kiện bằng da; Áo khoát ngoài; Đồ uống; Chế phẩm thực phẩm; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Chứa dầu mỏ hoặc dầu thu được từ khoáng chất bitum; Công nghệ thực phẩm; Phích cắm, ổ cắm, bộ nối;
Ukraina	23	Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ukraine “Về việc Phê duyệt các Yêu cầu đối với Dầu ô liu và Thiết lập Quy định về Kiểm tra Sự phù hợp của Tiêu chuẩn Tiếp thị và Phương pháp phân tích đặc tính của Dầu ô liu; Các loại thuốc; Đường sắt và cơ sở hạ tầng đường sắt; Xác gia súc, lợn và cừu; Casein và caseinat ăn được; Sản phẩm diệt khuẩn; Hóa chất và các chất có nguồn gốc sinh học, cũng như các chất là một phần của các sản phẩm hỗn hợp; Hương khói; Nước khoáng thiên nhiên; Các hoạt động biến đổi gen, GMO, sản phẩm biến đổi gen; Mật ong thiên nhiên
Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	21	Cá ngừ đóng hộp; Dầu ô liu ăn được và dầu bã ô liu; Dầu ăn và chất béo; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Xe điện đường bộ; Thịt, sản phẩm từ thịt; Thực phẩm và đồ uống; Yêu cầu chung đối với bánh quy và bánh quế; Đồ uống không cồn; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn

		gốc từ ngũ cốc; Các quy trình trong ngành thực phẩm; Phụ gia thực phẩm; Công cụ đo lường pháp lý; Nhãn – Nhãn hiệu suất năng lượng cho thiết bị điện, Bình nước nóng điện
Vương quốc Anh	09	Chất nguy hiểm. Sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất; Thiết bị y tế; Hộp, lon đựng đồ uống; Sản phẩm Nhựa dùng một lần; Sửa đổi Tiêu chuẩn kỹ thuật máy chơi game; Sửa đổi về đồ nội thất và đồ đạc; Sản phẩm Mỹ phẩm (Hạn chế Chất hóa học);
Hoa Kỳ	148	Tiêu chuẩn an toàn cho các trung tâm hoạt động cố định; Sản phẩm thuốc không kê đơn có điều kiện bổ sung để sử dụng không kê đơn; Đánh giá Tiêu chuẩn hiệu suất nguồn mới cho Tua bin đốt cố định và Tua bin khí cố định; iêu chuẩn tiết kiệm năng lượng cho máy nước nóng tức thời đốt gas tiêu dùng; Tủ lạnh và tủ đông; iêu chuẩn khí thải quốc gia đối với các chất gây ô nhiễm không khí nguy hại; Hộp đựng đồ uống bằng nhựa; Quy trình kiểm tra cho máy điều hòa không khí trung tâm và máy bơm nhiệt; Đạo luật thức ăn thương mại; Bảo vệ khí hậu; Cảnh báo khẩn cấp không dây; Gia cầm; Sản xuất nhiên liệu sinh học từ xenlulo; Thiết bị và dụng cụ trên máy bay; Các sản phẩm khí khác; Một số hóa chất hiện có; Yêu cầu nộp dữ liệu về sức khỏe và an toàn chưa công bố theo Đạo luật kiểm soát chất độc hại; Dicyclohexyl Phthalate (DCHP); Dự thảo Đánh giá Rủi ro Theo Đạo luật Kiểm soát Chất độc hại; Quy định về xe tải sạch của Oregon; Quy trình thử nghiệm cho máy nén; Tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng cho tủ lạnh, tủ đông và tủ lạnh tủ đông thương mại; Vinyl Chloride; Dự thảo Phạm vi Đánh giá Rủi ro Theo Đạo luật Kiểm soát Chất độc hại (TSCA); Hệ thống neo giữ trẻ em; Xe buýt, xe khách; Quy định về xe tải sạch của Oregon; Nicotine điện tử; Nhà lắp ghép; Nhãn thực phẩm; Sản phẩm thực phẩm nói chung; Phụ đề đóng, giao diện người dùng; Làm rõ các hóa chất độc hại do tự động bổ sung các chất per- và polyfluoroalkyl (PFAS); Tủ lạnh và tủ đông; iêu chuẩn tiết kiệm năng lượng cho máy nước nóng; Tiêu chuẩn khí thải perchloroethylene; Thiết bị thử nghiệm nhân hình; Cũi trẻ em; Tiêu chuẩn an toàn cho sân chơi; Hệ thống neo giữ trẻ em; Quy định về xe tải sạch của Oregon; Xe điện; Tiêu chuẩn an toàn xe cơ giới liên bang; Sản phẩm làm móng có chứa methyl methacrylate; Formaldehyde trong mỹ phẩm; Nấm hữu cơ và thức ăn hữu cơ cho vật nuôi; hực hiện việc bổ sung theo luật định một số chất Per- và Polyfluoroalkyl (PFAS) vào danh mục phát thải chất độc hại; Quy trình kiểm tra cho đèn dịch vụ chung; Quy trình kiểm tra cho máy giặt quần áo dân dụng và thương mại và máy sấy quần áo tiêu dùng; Máy điều

		hòa không khí trung tâm và máy bơm nhiệt; Lò phản ứng nhiệt độ cao; Cũi trẻ em; Động cơ địa hình nhỏ; Tái chế, hàm lượng nhựa; Tiêu chuẩn an toàn cho sân chơi; Trichloroethylene; Bảo vệ môi trường; Hóa chất độc hại trong sản phẩm tiêu dùng; Vật liệu độc hại nguy hiểm và không được quản lý; Hệ thống phanh tự động; Sản phẩm thuốc không kê đơn có điều kiện bổ sung để sử dụng không kê đơn; Chương trình bảo tồn năng lượng cho các tiêu chuẩn thiết bị; Tiêu chuẩn khí thải quốc gia đối với các chất gây ô nhiễm không khí nguy hại; Đồ uống có cồn; Lớp xe; Tiêu chuẩn an toàn xe cơ giới liên bang; Quy trình kiểm tra máy nén; An ninh mạng hàng hải; Quy trình kiểm tra cho máy giặt quần áo dân dụng và thương mại; Tiêu chuẩn bảo tồn năng lượng cho bộ sạc pin; Lò hơi tiêu dùng; Lò sưởi ấm thương mại; Lớp phủ dạng phun; Quy trình kiểm tra cho đèn dịch vụ chung; Nhân thực phẩm; Spa điện di động; Gia cầm; Sản phẩm thuốc lá; Sửa đổi đơn giản hóa quy định về nhiên liệu; Xe cơ giới được trang bị hệ thống lái xe tự động (ADS); Phát thải khí nhà kính và các chất gây ô nhiễm không khí có hại khác; An toàn đường ống; Tiêu chuẩn chiết rót cho rượu vang và rượu mạnh chưng cất; Nhân ngày thực phẩm; Các quy trình trong ngành thực phẩm; Danh sách các chất phụ gia màu được miễn chứng nhận; Myoglobin; Công nghệ thực phẩm; Sửa đổi đơn giản hóa quy định về nhiên liệu; An toàn đường ống; Mía; Chất hóa học; Quy trình kiểm tra cho máy điều hòa không khí trung tâm và máy bơm nhiệt; Các sản phẩm có chứa chất Perfluoroalkyl và Polyfluoroalkyl (PFAS); Đèn xe cơ giới, thiết bị phản quang; Nhân thực phẩm; Thiết bị thử nghiệm nhân hình; Kiểm tra Hệ thống đo hình học đường ray (TGMS); Lò sưởi ấm thương mại; Hệ thống điều khiển tàu hỏa; Nấm hữu cơ và thức ăn hữu cơ cho vật nuôi; Hội nghị truyền hình; Máy nước nóng tiêu dùng; Trái cây, rau quả tươi và các sản phẩm khác; Xe cơ giới; bảo vệ va chạm; Xe điện; An toàn toa xe chở hàng
Uruguay	07	Phụ gia thực phẩm; Các hộp đựng PET (PET PCR cấp thực phẩm) tái chế sau khi tiêu dùng cho thực phẩm dùng để tiếp xúc với thực phẩm; Món tráng miệng từ sữa; Ngô (bắp) ở dạng hạt, bột hoặc bột thô; đậu phộng; Thịt và các sản phẩm từ thịt; Thuốc Chlorpyrifos; Thiết bị gas gia dụng, bình chứa di động và phụ kiện của chúng dùng cho khí dầu mỏ hoá lỏng và khí thiên nhiên
Việt Nam	15	Xe ô tô chở khách. Xe kéo và xe kéo nhẹ; Xe máy và xe gắn máy; Bogie của đầu máy xe lửa và toa xe lửa; Thiết bị cuối tàu; Thiết bị sạc xe điện; Sản phẩm thực phẩm; Thiết bị bảo vệ cho võ thuật; Sản phẩm, hàng hóa có khả năng

		gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông; Dược phẩm; Thiết bị và hệ thống phòng cháy chữa cháy; Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn thiết bị nhảy cầu; Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với trang thiết bị sử dụng tại cơ sở tập luyện, thi đấu leo núi thể thao; Thực phẩm
Y-ê-men	18	Cá ngừ đóng hộp; Dầu ô liu ăn được và dầu bã ô liu; Dầu ăn và chất béo; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Xe điện đường bộ; Thịt, sản phẩm từ thịt; Yêu cầu chung đối với bánh quy và bánh quế; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Phụ gia thực phẩm; Các quy trình trong ngành thực phẩm; Đồ uống không cồn;
Zambia	12	Thức ăn cho cá rô phi và cá da trơn; Sản phẩm cà chua; Thanh thép cacbon để gia cố bê tông; Rượu vang để bàn; Phân bón – Kali clorua; Phân bón – Canxi nitrat; Thực phẩm đóng hộp cho trẻ em; Đồ uống tăng lực; Phân bón – Kali sunfat; Phân bón – Magie nitrat; Phân bón – Supe lân đơn; Phân bón – Phân lân ba thành phần;

Nguồn: <https://epingalert.org/en/Search>



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ I NĂM 2025



III. Chuyên mục: Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Danh mục các tiêu chuẩn,
quy chuẩn kỹ thuật mới ban hành



I. Tiêu chuẩn quốc gia công bố tháng 12 năm 2024

1) Ngày 05/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3171/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14208:2024, Đường sắt khổ 1435 mm – Thiết kế ga và đầu mối.

2) Ngày 10/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3203/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 05 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 13239-1:2024, Công nghệ thông tin – Kiến trúc tham chiếu dữ liệu lớn – Phần 1: Khung và quy trình ứng dụng,

TCVN 13239-4:2024, Công nghệ thông tin – Kiến trúc tham chiếu dữ liệu lớn – Phần 4: Bảo mật và quyền riêng tư,

TCVN 14199-1:2024, Trí tuệ nhân tạo – Quy trình vòng đời và yêu cầu chất lượng – Phần 1: Mô hình Meta chất lượng,

TCVN 14199-2:2024, Trí tuệ nhân tạo – Quy trình vòng đời và yêu cầu chất lượng – Phần 2: Độ bền vững,

TCVN 14202:2024, Nút Ipv6 – Yêu cầu kỹ thuật.

3) Ngày 13/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3265/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 03 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14176-2:2024, Công trình xây dựng – Tổ chức thông tin về công trình xây dựng – Phần 2: Khung phân loại,

TCVN 14177-1:2024, Tổ chức và số hóa thông tin về công trình xây dựng, bao gồm mô hình hóa thông tin công trình (BIM) – Quản lý thông tin sử dụng mô hình hóa thông tin công trình – Phần 1: Khái niệm và nguyên tắc,

TCVN 14177-2:2024, Tổ chức và số hóa thông tin về công trình xây dựng, bao

gồm mô hình hóa thông tin công trình (BIM) – Quản lý thông tin sử dụng mô hình hóa thông tin công trình – Phần 2: Giai đoạn chuyển giao tài sản.

4) Ngày 16/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3282/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 08 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 7568-1:2024,Hệ thống báo cháy – Phần 1: Quy định chung và định nghĩa,

TCVN 7278-1:2024,Chất chữa cháy – Chất tạo bọt chữa cháy – Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật đối với chất tạo bọt chữa cháy độ nở thấp dùng phun lên bề mặt chất lỏng cháy không hòa tan được với nước,

TCVN 6379:2024,Thiết bị chữa cháy – Trụ nước chữa cháy,

TCVN 13316-14:2024,Phòng cháy chữa cháy – Xe ô tô chữa cháy – Phần 14: Xe cứu nạn, cứu hộ,

TCVN 7161-9:2024,Hệ thống chữa cháy bằng khí – Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống – Phần 9: Khí chữa cháy HFC–227ea,

TCVN 7161-14:2024,Hệ thống chữa cháy bằng khí – Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống – Phần 14: Khí chữa cháy IG–55,

TCVN 7161-13:2024,Hệ thống chữa cháy bằng khí – Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống – Phần 13: Khí chữa cháy IG–100,

TCVN 7161-15:2024,Hệ thống chữa cháy bằng khí – Tính chất vật lý và thiết kế hệ thống – Phần 15: Khí chữa cháy IG–541.

5) Ngày 20/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3353/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14148:2024,Thuốc bảo vệ thực vật – Xác định hàm lượng hoạt chất bằng phương pháp sắc ký khí.

6) Ngày 24/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3364/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 07 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 9360:2024,Công trình dân dụng và công nghiệp – Xác định độ lún bằng phương pháp đo cao hình học,

TCVN 9364:2024,Nhà cao tầng – Công tác trắc địa phục vụ thi công,

TCVN 9400:2024,Công trình dân dụng và công nghiệp có chiều cao lớn – Xác định độ nghiêng bằng phương pháp trắc địa,

TCVN 13522-2:2024,Thử nghiệm phản ứng với lửa đối với vật liệu phủ sàn – Phần 2: Xác định tính lan truyền lửa tại mức thông lượng nhiệt 25kW/m²,

TCVN 13523-4:2024,Thử nghiệm phản ứng với lửa – Tính lan truyền lửa – Phần 4: Thử nghiệm tính lan truyền lửa theo phương đứng trên mô hình tỉ lệ trung bình của mẫu thử đặt thẳng đứng,

TCVN 13953:2024,Thử nghiệm phản ứng với lửa – Tính bắt cháy của vật liệu

xây dựng khi sử dụng nguồn nhiệt bức xạ,

TCVN 13954:2024, Thử nghiệm phản ứng với lửa – Xác định tốc độ mất khối lượng.

7) Ngày 24/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3365/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 13957:2024, Tuy nén kỹ thuật – Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu.

8) Ngày 24/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3366/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 06 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 5575:2024, Thiết kế kết cấu thép,

TCVN 5746:2024, Đất, đá xây dựng – Phân loại,

TCVN 9401:2024, Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GNSS trong trắc địa công trình,

TCVN 13918-1:2024, Thang nâng xây dựng vận chuyển hàng – Phần 1: Thang nâng với bàn nâng có thể tiếp cận được,

TCVN 13918-2:2024, Thang nâng xây dựng vận chuyển hàng – Phần 2: Thang nâng nghiêng với thiết bị mang tải không thể tiếp cận được,

TCVN 13919:2024, Thang nâng xây dựng vận chuyển người và vật liệu bằng cabin với dẫn hướng thẳng đứng,

9) Ngày 25/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3389/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14214:2024, Nhà ở và công trình công cộng – Các yêu cầu đối với thông số vi khí hậu trong phòng,

10) Ngày 27/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3422/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 02 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14240-1:2024, Hiệu quả năng lượng của tòa nhà – Các chỉ số đối với yêu cầu về hiệu quả năng lượng thành phần của tòa nhà liên quan đến cân bằng năng lượng nhiệt và đặc tính kết cấu tòa nhà – Phần 1: Tổng quan các lựa chọn,

TCVN 14240-2:2024, Hiệu quả năng lượng của tòa nhà – Các chỉ số đối với yêu cầu về hiệu quả năng lượng thành phần của tòa nhà liên quan đến cân bằng năng lượng nhiệt và đặc tính kết cấu tòa nhà – Phần 2: Giải thích và minh chứng cho TCVN 14240-1 (ISO 52018-1).

11) Ngày 30/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3450/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 07 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 13589-14:2024, Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Địa vật lý

lỗ khoan – Phần 14: Phương pháp địa chấn thẳng đứng trong lỗ khoan, TCVN 13589-15:2024, Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Địa vật lý lỗ khoan – Phần 15: Xác định ranh giới lớp theo các phương pháp điện từ, TCVN 13589-16:2024, Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Địa vật lý lỗ khoan – Phần 16: Xác định ranh giới lớp theo các phương pháp phóng xạ, TCVN 13589-17:2024, Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Địa vật lý lỗ khoan – Phần 17: Phương pháp xây dựng thiết đồ lỗ khoan, TCVN 13589-18:2024, Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Địa vật lý lỗ khoan – Phần 18: Phương pháp điện từ tần số cao, TCVN 13589-19:2024, Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Địa vật lý lỗ khoan – Phần 19: Phương pháp kích hoạt phóng xạ (nơtron – gamma), TCVN 13589-20:2024, Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản – Địa vật lý lỗ khoan – Phần 20: Xác định hàm lượng phóng xạ (U, K, Th) theo phổ gamma.

12) Ngày 30/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3455/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 05 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 5689:2024, Nhiên liệu điêzen (DO) – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử,

TCVN 6776:2024, Xăng không chì – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử,

TCVN 8063:2024, Xăng không chì pha 5 % Etanol (Xăng E5) – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử,

TCVN 8064:2024, Nhiên liệu điêzen 5 % Este metyl axit béo (DO B5) – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử,

TCVN 8401:2024, Xăng không chì pha 10 % Etanol (Xăng E10) – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.

13) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3480/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14263:2024, Công nghệ thông tin – Kỹ thuật an toàn – Thuật toán mã khối MKV.

14) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3481/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 02 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14249:2024, Du lịch và các dịch vụ liên quan – Hệ thống quản lý bền vững cho các cơ sở lưu trú – Các yêu cầu,

TCVN 14250:2024, Du lịch và các dịch vụ liên quan – Hướng dẫn xây dựng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với cơ sở lưu trú.

15) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3482/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu

chuẩn quốc gia:

TCVN 14301:2024, Âm nhạc – Thuật ngữ và định nghĩa.

16) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3483/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 04 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14223-1:2024, Máy và thiết bị sản xuất, xử lý và gia công kính phẳng – Yêu cầu an toàn – Phần 1: Thiết bị lưu giữ, xếp dỡ và vận chuyển trong nhà máy,

TCVN 14223-2:2024, Máy và thiết bị sản xuất, xử lý và gia công kính phẳng – Yêu cầu an toàn – Phần 2: Thiết bị lưu giữ, xếp dỡ và vận chuyển ngoài nhà máy,

TCVN 14223-3:2024, Máy và thiết bị sản xuất, xử lý và gia công kính phẳng – Yêu cầu an toàn – Phần 3: Máy cắt kính,

TCVN 14223-4:2024, Máy và thiết bị sản xuất, xử lý và gia công kính phẳng – Yêu cầu an toàn – Phần 4: Bàn lật kính.

17) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3484/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 9311-1:2024, Thử nghiệm chịu lửa – Các bộ phận công trình – Phần 1: Các yêu cầu chung.

18) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3486/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14179:2024, Hệ thống thu phí điện tử – Yêu cầu và biện pháp an toàn thông tin – Công nghệ nhận dạng tần số vô tuyến.

19) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3490/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14270:2024, Nhũ tương nhựa đường a xít thấm bám (EAP) – Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu, 2024-12-31, 3490/QĐ-BKHCN.

20) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3491/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 05 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14205-1:2024, Ứng dụng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 1: Yêu cầu đối với kiểm tra bằng siêu âm và các nguyên tắc đánh giá,

TCVN 14205-2:2024, Ứng dụng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 2: Kiểm tra ray bằng dòng điện xoáy,

TCVN 14205-3:2024, Ứng dụng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 3: Yêu cầu để xác định các khuyết tật bên trong và trên bề mặt ray,

TCVN 14205-4:2024, Ứng dụng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 4: Trình độ của nhân sự thử không phá hủy ray,

TCVN 14205-1:2024, Ứng dụng đường sắt – Kiểm tra ray trên đường bằng phương pháp không phá hủy – Phần 1: Yêu cầu đối với kiểm tra bằng siêu âm và các nguyên tắc đánh giá.

21) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3492/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14248:2024, Thiết bị phát tia plasma lạnh dùng trong điều trị vết thương.

22) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3494/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14264-1:2024, Phúc lợi động vật – Chăn nuôi – Phần 1: Trâu, bò.

23) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3495/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 10778:2024, Hồ chứa nước – Xác định các mực nước đặc trưng.

24) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3498/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 03 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14212:2024, Móng cần trục tháp – Thiết kế, thi công và nghiệm thu,

TCVN 14213-1:2024, Tường Barrete – Phần 1: Yêu cầu thiết kế thi công,

TCVN 14213-2:2024, Tường Barrete – Phần 2: Yêu cầu kỹ thuật thi công và nghiệm thu.

25) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3501/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 05 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 13622-3:2024, Chất bôi trơn, dầu công nghiệp và các sản phẩm liên quan (loại L) – Họ C (Bánh răng) – Phần 3: Quy định kỹ thuật đối với mỡ bôi trơn dùng cho hệ thống bánh răng kín và hở,

TCVN 14257-1:2024, Chất bôi trơn, dầu công nghiệp và các sản phẩm liên quan (loại L) – Họ D (máy nén) – Phần 1: Quy định kỹ thuật đối với cấp DAA và DAB (dầu bôi trơn dùng cho máy nén khí piston và máy nén khí rotor kiểu bôi trơn nhỏ giọt),

TCVN 14257-2:2024, Chất bôi trơn, dầu công nghiệp và các sản phẩm liên quan (loại L) – Họ D (máy nén) – Phần 2: Quy định kỹ thuật đối với cấp DAG, DAH và DAJ (dầu bôi trơn dùng cho máy nén khí rotor kiểu bôi trơn ngâm dầu),

TCVN 14257-3:2024, Chất bôi trơn, dầu công nghiệp và các sản phẩm liên

quan (loại L) – Họ D (máy nén) – Phần 3: Quy định kỹ thuật đối với cấp DRA, DRB, DRC, DRD, DRE, DRF và DRG (dầu bôi trơn dùng cho máy nén lạnh),

TCVN 14258:2024, Nhiên liệu động cơ – Xác định hàm lượng mangan và sắt trong xăng không chì – Phương pháp đo phổ phát xạ quang plasma cặp cảm ứng (ICP–OES).

26) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3504/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN ISO 50005:2024, Hệ thống quản lý năng lượng – Hướng dẫn áp dụng theo giai đoạn.

27) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3505/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 04 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14285-2:2024, Công nghệ thông tin – Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu – Phần 2: Hiệu suất sử dụng điện (PUE),

TCVN 14285-7:2024, Công nghệ thông tin – Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu – Phần 7: Tỷ lệ hiệu quả làm mát (CER),

TCVN 14285-8:2024, Công nghệ thông tin – Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu – Phần 8: Hiệu suất Các-bon (CUE),

TCVN 14285-9:2024, Công nghệ thông tin – Các chỉ số hiệu quả chính của Trung tâm dữ liệu – Phần 9: Hiệu suất sử dụng nước (WUE).

28) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3506/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 02 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14210:2024, Chuồng nuôi các loài linh trưởng – Yêu cầu kỹ thuật,

TCVN 14211:2024, Cấp dự báo cháy rừng – Phương pháp xác định.

29) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3508/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 07 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 11206-5:2024, Kết cấu gỗ – Xác định các giá trị đặc trưng – Phần 5: Liên kết cơ học,

TCVN 13433-2:2024, Chế phẩm bảo quản gỗ – Phần 2: Nhóm chế phẩm hòa tan trong dung môi hữu cơ,

TCVN 14245:2024, Gỗ sấy – Xác định độ ẩm bằng ẩm kế điện dung,

TCVN 14246:2024, Gỗ dán chịu nước mặn – Các yêu cầu,

TCVN 14259:2024, Gỗ biến tính – Gỗ biến tính dùng cho đồ gỗ,

TCVN 14260:2024, Gỗ biến tính – Phân loại và ghi nhãn,

TCVN 14261:2024, Gỗ biến tính – Gỗ biến tính nhiệt.

30) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3510/QĐ-

BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 11 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14290-1:2024, Công trình lâm sinh – Khảo sát và thiết kế – Phần 1: Trồng rừng trên cạn,

TCVN 14290-2:2024, Công trình lâm sinh – Khảo sát và thiết kế – Phần 2: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng trên cạn,

TCVN 14290-3:2024, Công trình lâm sinh – Khảo sát và thiết kế – Phần 3: Làm giàu rừng tự nhiên trên cạn,

TCVN 14290-4:2024, Công trình lâm sinh – Khảo sát và thiết kế – Phần 4: Nuôi dưỡng rừng trên cạn,

TCVN 14290-5:2024, Công trình lâm sinh – Khảo sát và thiết kế – Phần 5: Cải tạo rừng tự nhiên trên cạn,

TCVN 14286-1:2024, Phương pháp điều tra rừng – Phần 1: Tầng cây cao,

TCVN 14286-2:2024, Phương pháp điều tra rừng – Phần 2: Tầng cây tái sinh,

TCVN 14286-3:2024, Phương pháp điều tra rừng – Phần 3: Lâm sản ngoài gỗ,

TCVN 14287:2024, Phương pháp xác định sinh khối và trữ lượng các-bon rừng,

TCVN 14247:2024, Rừng tự nhiên – Phương pháp xác định các chỉ tiêu nghiệm thu,

TCVN 14289:2024, Giống cây lâm nghiệp – Cây giống keo.

31) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3511/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 03 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14215:2024, Phân bón – Định lượng *Saccharomyces* sp. bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc,

TCVN 14216:2024, Phân bón – Định lượng *Streptomyces* spp. Bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc,

TCVN 14262:2024, Phân bón – Định lượng *Lactobacillus plantarum*/*Lactobacillus acidophilus* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và real-time PCR.

32) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3513/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 05 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14241-1:2024, Giống chó nội – Phần 1: Chó Hmông cộc đuôi,

TCVN 14241-2:2024, Giống chó nội – Phần 2: Chó Sông Mã,

TCVN 9474:2024, Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng tro không tan trong axit clohydric,

TCVN 14243:2024, Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng urê và nito ammoniac – Phương pháp urease,

TCVN 14244:2024, Thức ăn chăn nuôi – Xác định hàm lượng nito nitrat và

nitơ nitrit – Phương pháp đo màu.

33) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3519/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 03 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14292:2024, Chất dẻo – Túi mua sắm bằng chất dẻo có khả năng tạo compost công nghiệp,

TCVN 14293:2024, Chất dẻo – Ống hút bằng chất dẻo có khả năng tạo compost công nghiệp,

TCVN 14294:2024, Quy định kỹ thuật đối với việc sử dụng filament gốc poly (lactic axit) trong ứng dụng sản xuất bồi đắp.

34) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3521/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14162:2024, Nhật ký khai thác thủy sản điện tử – Mã hóa và kết nối dữ liệu.

35) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3527/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 06 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 9149:2024, Công trình thủy lợi – Xác định độ thấm nước của đá bằng phương pháp thí nghiệm ép nước vào lỗ khoan,

TCVN 14271:2024, Hệ thống tưới tiêu – Tưới phun mưa – Yêu cầu thiết kế,

TCVN 14272-1:2024, Hệ thống tưới tiêu – Tưới phun mưa – Phần 1: Tưới cho cây công nghiệp ngắn ngày,

TCVN 14272-2:2024, Hệ thống tưới tiêu – Tưới phun mưa – Phần 2: Tưới cho cây rau,

TCVN 14273:2024, Giảm phát thải khí nhà kính – Chế độ tưới tiết kiệm nước cho lúa,

TCVN 14288:2024, Bản đồ ngập lụt – Yêu cầu kỹ thuật.

36) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3530/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 062 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14325:2024, Hỗn hợp thạch cao phospho làm vật liệu san lấp – Yêu cầu chung,

TCVN 14326:2024, Hỗn hợp thạch cao phospho làm vật liệu cho nền, móng đường giao thông – Yêu cầu chung.

37) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3531/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 08 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14281-1:2024, Lập bản đồ địa chất thủy văn tỷ lệ 1:25 000 và 1:50 000 – Phần 1: Yêu cầu chung,

TCVN 14281-2:2024, Lập bản đồ địa chất thủy văn tỷ lệ 1:25 000 và 1:50 000 – Phần 2: Yêu cầu đối với lập, thi công đề án,

TCVN 14281-3:2024, Lập bản đồ địa chất thủy văn tỷ lệ 1:25 000 và 1:50 000 – Phần 3: Yêu cầu đối với bố trí lỗ khoan và cấu trúc lỗ khoan,

TCVN 14281-4:2024, Lập bản đồ địa chất thủy văn tỷ lệ 1:25 000 và 1:50 000 – Phần 4: Yêu cầu đối với quan trắc động thái nước,

TCVN 14282-1:2024, Lập bản đồ địa chất thủy văn – Hút nước thí nghiệm – Phần 1: Yêu cầu chung,

TCVN 14282-2:2024, Lập bản đồ địa chất thủy văn – Hút nước thí nghiệm – Phần 2: Xác định sơ đồ đặc trưng, mức độ tác động và thời lượng hút nước,

TCVN 14282-3:2024, Lập bản đồ địa chất thủy văn – Hút nước thí nghiệm – Phần 3: Tiến hành hút nước,

TCVN 14282-4:2024, Lập bản đồ địa chất thủy văn – Hút nước thí nghiệm – Phần 4: Công tác chỉnh lý tài liệu hút nước.

38) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3533/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 03 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14275:2024, Nhiên liệu sinh học rắn – Xác định các nguyên tố chính – Nhôm, canxi, sắt, magiê, phospho, kali, silice, natri và titan, 2024-12-31, 3533/QĐ-BKHCN

TCVN 14276:2024, Nhiên liệu sinh học rắn – Xác định các nguyên tố phụ,

TCVN 14277:2024, Nhiên liệu sinh học rắn – Xác định hàm lượng clorua, natri và kali tan trong nước.

39) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3534/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 06 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14251:2024, Phân tích cảm quan – Hướng dẫn chung đối với việc áp dụng phân tích cảm quan trong kiểm soát chất lượng,

TCVN 14252:2024, Phân tích cảm quan – Hướng dẫn chứng minh công bố cảm quan và công bố đối với sản phẩm tiêu dùng,

TCVN 14253:2024, Phân tích cảm quan – Phương pháp luận – Hướng dẫn đo lường năng lực của hội đồng cảm quan mô tả định lượng,

TCVN 14254:2024, Phân tích cảm quan – Phương pháp luận – Phương pháp khảo sát độ nhạy của vị giác,

TCVN 14255:2024, Phân tích cảm quan – Phương pháp đánh giá sự biến đổi hương vị của thực phẩm do bao bì,

TCVN 14256:2024, Phân tích cảm quan – Phương pháp luận – Profile cấu trúc.

40) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3536/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 06 Tiêu

chuẩn quốc gia:

TCVN 9994:2024, Quy phạm thực hành vệ sinh đối với rau quả tươi,

TCVN 11511:2024, Rau đông lạnh nhanh,

TCVN 14231:2024, Rau muối chua – Các yêu cầu và phương pháp thử,

TCVN 14232:2024, Quy phạm thực hành vệ sinh đối với sản phẩm rau quả đóng hộp,

TCVN 14233:2024, Quy phạm thực hành vệ sinh đối với quả khô,

TCVN 14234:2024, Quả khô – Xác định độ ẩm – Phương pháp sấy chân không.

41) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3538/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 06 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 4846:2024, Ngô – Xác định độ ẩm của ngô xay và ngô hạt,

TCVN 7595:2024, Ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc – Xác định ochratoxin A – Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao làm sạch bằng cột ái lực miễn dịch và sử dụng detector huỳnh quang,

TCVN 14235:2024, Thực phẩm – Xác định gluten thủy phân từng phần trong sản phẩm lên men có nguồn gốc từ ngũ cốc và đậu đỗ – Phương pháp ELISA cạnh tranh R5,

TCVN 14236:2024, Quy phạm thực hành ngăn ngừa và giảm nhiễm asen trong gạo,

TCVN 14237-1:2024, Ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc – Xác định độ ẩm – Phần 1: Phương pháp chuẩn,

TCVN 14238:2024, Gạo – Đánh giá thời gian hồ hóa của hạt gạo trong khi nấu.

42) Ngày 31/12/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3540/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 09 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14157:2024, Viên đá tự nhiên lát ngoài trời,

TCVN 14158:2024, Viên đá tự nhiên bó vỉa ngoài trời,

TCVN 14133:2024, Kính xây dựng – Gương từ kính nổi tráng bạc sử dụng bên trong công trình,

TCVN 14131-1:2024, Sản phẩm chịu lửa – Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch chịu lửa – Phần 1: Kích thước và sự phù hợp với bản vẽ,

TCVN 14131-2:2024, Sản phẩm chịu lửa – Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch chịu lửa – Phần 2: Các khuyết tật góc, cạnh và khuyết tật trên bề mặt khác,

TCVN 7710:2024, Sản phẩm chịu lửa – Gạch magnesia carbon,

TCVN 14132:2024, Vật liệu chịu lửa không định hình – Phương pháp xác định khả năng nổ tróc khi gia nhiệt,

TCVN 14136:2024,Tro bay làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng,
TCVN 13978:2024,Vật liệu làm phẳng sàn – Tính chất và yêu cầu kỹ thuật.

II. Tiêu chuẩn quốc gia công bố tháng 1 năm 2025

1) Ngày 22/01/2025, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 94/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 11 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 6875:2025,Quần áo bảo vệ – Quần áo bảo vệ chống nhiệt và lửa – Yêu cầu tính năng tối thiểu,

TCVN 7205:2025,Quần áo bảo vệ – Bảo vệ chống lửa – Phương pháp thử hạn chế lửa cháy lan,

TCVN 7206:2025,Quần áo và phương tiện bảo vệ chống nhiệt – Phương pháp thử độ bền nhiệt đối lưu bằng cách sử dụng lò tuần hoàn không khí nóng,

TCVN 9547:2025,Quần áo bảo vệ – Bảo vệ chống hóa chất lỏng – Phép đo độ đẩy, độ lưu lại, và độ thấm của các chế phẩm thuốc trừ sâu lỏng qua vật liệu làm quần áo bảo vệ,

TCVN 12326-2:2025,Găng tay bảo vệ chống hóa chất nguy hiểm và vi sinh vật – Phần 2: Xác định độ chống thấm,

TCVN 12326-4:2025,Găng tay bảo vệ chống hóa chất nguy hiểm và vi sinh vật – Phần 4: Xác định khả năng chống suy giảm do hóa chất,

TCVN 14265:2025,Găng tay bảo vệ cho người làm việc với thuốc trừ sâu và người làm việc sau phun – Yêu cầu tính năng,

TCVN 14266:2025,Găng tay bảo vệ – Yêu cầu chung và phương pháp thử,

TCVN 14267:2025,Găng tay bảo vệ chống rủi ro cơ học,

TCVN 14268:2025,Quần áo bảo vệ chống hóa chất – Phân loại, ghi nhãn và yêu cầu tính năng,

TCVN 14269:2025,Trang phục bảo vệ chống lại tác nhân lây nhiễm – Khẩu trang y tế – Phương pháp thử độ chống thấm máu nhân tạo (thể tích cố định, phun theo phương ngang).

2) Ngày 22/01/2025, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 99/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 02 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 12671-4-1:2025,Cáp sạc dùng cho xe điện có điện áp danh định đến và bằng 0,6/1 kV – Phần 4-1: Cáp dùng cho sạc điện một chiều theo theo chế độ 4 của TCVN 13078-1 (IEC 61851-1) – Sạc điện một chiều không sử dụng hệ thống quản lý nhiệt,

TCVN 12671-4-2:2025,Cáp sạc dùng cho xe điện có điện áp danh định đến và bằng 0,6/1 kV – Phần 4-2: Cáp dùng cho sạc điện một chiều theo theo chế độ 4 của TCVN 13078-1 (IEC 61851-1) – Cáp được thiết kế để sử dụng với hệ thống quản lý nhiệt.

3) Ngày 22/01/2025, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 100/QĐ-

BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 06 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14296-1:2025, Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 1: Yêu cầu chung,

TCVN 14296-2:2025, Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 2: Yêu cầu tương thích về kích thước đối với phụ kiện dạng chân cắm và dạng ống tiếp xúc AC,

TCVN 14296-3:2025, Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 3: Yêu cầu tương thích về kích thước đối với bộ nối xe điện dạng chân cắm và dạng ống tiếp xúc DC và AC/DC,

TCVN 14296-3-1:2025, Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 3-1: Phích nối dùng cho xe điện, ổ nối vào xe điện và cụm cáp dùng cho sạc điện DC được thiết kế để sử dụng với hệ thống quản lý nhiệt,

TCVN 14296-4:2025, Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 4: Yêu cầu tương thích về kích thước và tính đối lẫn đối với các phụ kiện dạng chân cắm và dạng ống tiếp xúc DC dùng cho các ứng dụng Cấp II hoặc Cấp III,

TCVN 14296-6:2025, Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 6: Yêu cầu tương thích về kích thước đối với các bộ nối xe điện dạng chân cắm và dạng ống tiếp xúc DC được thiết kế để sử dụng cho thiết bị cấp điện một chiều cho EV có bảo vệ dựa vào sự phân cách về điện.

II. Tiêu chuẩn quốc gia công bố tháng 2 năm 2025

1) Ngày 17/02/2025, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 411/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 11843:2025, Bóng đèn LED, đèn điện LED, môđun LED, đèn điện OLED và các nguồn sáng OLED – Phương pháp thử.

2) Ngày 17/02/2025, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 413/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 02 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 6781-1-1:2025, Mô-đun quang điện (PV) mặt đất – Chất lượng thiết kế và phê duyệt kiểu – Phần 1-1: Yêu cầu cụ thể đối với thử nghiệm mô-đun quang điện (PV) tinh thể silic,

TCVN 14299-1:2025, Quang điện cho tòa nhà – Phần 1: Yêu cầu đối với mô-đun quang điện tích hợp tòa nhà.

3) Ngày 18/02/2025, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 416/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 02 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14224:2025, Nhà máy nhiệt điện – Thí nghiệm xác định các đặc tính kỹ thuật lò hơi đốt nhiên liệu,

TCVN 14225:2025, Nhà máy nhiệt điện – Thí nghiệm xác định các đặc tính kỹ thuật của toàn nhà máy.

4) Ngày 18/02/2025, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 417/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 03 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14278:2025, Nhiên liệu thu hồi dạng rắn – Từ vựng,

TCVN 14279:2025, Nhiên liệu thu hồi dạng rắn – Quy định kỹ thuật và phân loại,

TCVN 14280:2025, Nhiên liệu thu hồi dạng rắn – Phương pháp xác định hàm lượng sinh khối.

5) Ngày 18/02/2025, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 419/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 07 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN ISO 14064-1:2025, Khí nhà kính – Phần 1: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn định lượng và báo cáo các phát thải và loại bỏ khí nhà kính ở cấp độ tổ chức,

TCVN ISO 14064-2:2025, Khí nhà kính – Phần 2: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn để định lượng, giám sát và báo cáo giảm phát thải hoặc tăng cường loại bỏ khí nhà kính ở cấp độ dự án,

TCVN ISO 14064-3:2025, Khí nhà kính – Phần 3: Quy định kỹ thuật và hướng dẫn kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng các tuyên bố khí nhà kính,

TCVN ISO 14065:2025, Các nguyên tắc chung và yêu cầu đối với các tổ chức xác nhận giá trị sử dụng và kiểm tra xác nhận thông tin môi trường,

TCVN ISO 14066:2025, Thông tin môi trường – Yêu cầu năng lực đối với đoàn xác nhận giá trị sử dụng và đoàn kiểm tra xác nhận thông tin môi trường,

TCVN ISO 14068-1:2025, Quản lý biến đổi khí hậu – Chuyển đổi phát thải ròng bằng không – Phần 1: Trung hòa các-bon,

TCVN ISO 14083:2025, Khí nhà kính – Định lượng và báo cáo phát thải khí nhà kính phát sinh từ vận hành chuỗi vận chuyển.

6) Ngày 27/02/2025, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 540/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 13567-6:2025, Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu – Phần 6: Bê tông nhựa chặt tái chế nóng tại trạm trộn sử dụng hàm lượng vật liệu cũ từ trên 25% đến 50%.

IV. Tiêu chuẩn quốc gia công bố tháng 3 năm 2025

Nguồn: <https://tieuchuan.vsqi.gov.vn>

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG



Số 01, đường Bà Triệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định



(0256)3822747



www.tdcbinhdinh.org.vn